

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT**



**HỒ SƠ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO**

**Ngành:** **CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

**Mã số:** **7310401**

**Tên cơ sở đào tạo:** **ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT**

**Trình độ đào tạo:** **ĐẠI HỌC**

**BÌNH DƯƠNG, NĂM 2019**

## MỤC LỤC HỒ SƠ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

STT	NỘI DUNG	TRANG
1	Tờ trình mở ngành đào tạo	
2	Báo cáo quá trình xây dựng đề án	
3	Biên bản họp Hội đồng Khoa học Trường	
4	Quyết định mở ngành đào tạo hệ đại học chính quy các ngành Công nghệ thông tin	
5	Phụ lục I - Chương trình đào tạo	
	Phụ lục II - Biên bản kiểm tra thực tế điều kiện về đội ngũ giảng viên, trang thiết bị, thư viện	
	Phụ lục III - Đề án mở ngành	
	Phụ lục IV - Danh sách lý lịch khoa học của đội ngũ giảng viên	
	Phụ lục V - Phiếu tự đánh giá thực hiện điều kiện mở ngành	
6	Minh chứng về nhu cầu xã hội (Phiếu khảo sát) <ul style="list-style-type: none"><li>- Kết quả khảo sát tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp trong cùng lĩnh vực ở địa phương, khu vực</li><li>- Ý kiến của những cơ quan, doanh nghiệp sử dụng lao động</li></ul>	
7	Các minh chứng về xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo <ul style="list-style-type: none"><li>- Quyết định thành lập Nhóm soạn thảo chương trình đào tạo</li><li>- Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo</li><li>- Kết luận của Hội đồng thẩm định</li></ul>	

**TỜ TRÌNH**  
**ĐĂNG KÝ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO**  
Tên ngành: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN; Mã số: **7480201**  
Trình độ đào tạo: Đại học

**Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo**

**1. Sự cần thiết mở ngành đào tạo**

Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư (Industry 4.0) đang diễn ra trên toàn cầu, vừa là thách thức nhưng cũng vừa là cơ hội rất tốt để Việt Nam có thể tận dụng xử lý hàng loạt vấn đề lớn trong phát triển kinh tế đất nước và tái cơ cấu trong lĩnh vực công nghiệp, cải tiến mô hình tổ chức sản xuất công nghiệp theo hướng tối ưu hóa các nguồn lực đầu vào, đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa và phát triển các ngành công nghiệp mới.

Trong bối cảnh này, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018, Nghị quyết số 36-NQ/TW, Nghị quyết số 52-NQ/TW trong việc phát triển công nghiệp Công nghệ thông tin, điện tử - viễn thông Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 khẳng định tận dụng tối đa lợi thế của đất nước đang trong thời kỳ cơ cấu dân số vàng, khai thác triệt để thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4, lợi thế thương mại để phát triển nhanh, chuyên sâu một số ngành công nghiệp nền tảng, chiến lược, có lợi thế cạnh tranh. Phát triển công nghiệp công nghệ thông tin, công nghiệp điện tử là con đường chủ đạo; phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo là trung tâm; phát triển công nghiệp chế tạo thông minh là bước đột phá; chú trọng phát triển công nghiệp xanh. Ngoài ra, trong Chiến lược phát triển công nghiệp Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035 Chính phủ đã xác định 3 nhóm ngành công nghiệp lựa chọn ưu tiên phát triển, gồm: Công nghiệp chế biến chế tạo, Ngành Điện tử và viễn thông, Năng lượng mới và năng lượng tái tạo. Đối với ngành Điện tử và viễn thông giai đoạn 2025, ưu tiên phát triển sản phẩm thiết bị máy tính, điện thoại, linh kiện. Giai đoạn sau năm 2025, ưu tiên phát triển phần mềm, nội dung số, dịch vụ Công nghệ thông tin và điện tử y tế.

Đông Nam bộ (ĐNB) thuộc vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Trong thời gian gần đây, ĐNB luôn có đóng góp lớn cho sự tăng trưởng kinh tế của Việt Nam. Cụ thể là năm 2018, ĐNB đóng góp 45,4% GDP và 42,6% tổng thu ngân sách cả nước. Thành tựu trên có phần đóng góp của ngành khoa học và công nghệ của vùng

Đông Nam bộ. Kết quả này có được là nhờ các nỗ lực không ngừng trong việc hoàn thiện thể chế, chính sách đối với khoa học và công nghệ. Nhằm khuyến khích nghiên cứu khoa học và triển khai ứng dụng công nghệ.

Các nhiệm vụ khoa học – công nghệ (KH-CN) vùng Đông Nam bộ trong những năm gần đây được thực hiện theo hình thức đặt hàng, xuất phát từ nhu cầu thực tiễn và có khả năng chuyển giao, ứng dụng trong thực tế. Cụ thể, trong giai đoạn 2017-2019, có 682 nhiệm vụ KH-CN được triển khai trên tất cả lĩnh vực: Khoa học tự nhiên (28%), khoa học kỹ thuật và công nghệ (28%), khoa học nông nghiệp (26,5%), khoa học y dược (5,9%), khoa học xã hội (6,5%) và khoa học nhân văn (5,1%). Hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ của các tỉnh, thành phố đã chuyển dịch theo cơ cấu kinh tế của vùng và từng địa phương. Các nhiệm vụ nghiên cứu triển khai từ tập trung vào lĩnh vực khoa học nông nghiệp với 28,5% giai đoạn 2011 – 2015 giảm còn 19% giai đoạn 2015 – 2017, khoa học kỹ thuật và công nghệ tăng từ 24,1% lên 32,3%.

Dự báo xác định nhu cầu nhân lực có trình độ tại TP Hồ Chí Minh trong giai đoạn 2015 – 2020 đến năm 2025, dự kiến nhu cầu nhân lực 1 năm khoảng 270.000 chỗ việc làm tập trung vào 4 nhóm ngành công nghiệp chính bao gồm: Cơ khí, Điện tử - Công nghệ thông tin, Chế biến lương thực thực phẩm, Hóa chất – Nhựa cao su.

Ngoài ra ngày 26/11/2016, Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương đã phê duyệt đề án Thành phố thông minh với tên gọi đầy đủ là “Bình Dương Navigator 2021”. Đề án phát triển kinh tế - xã hội Bình Dương, triển khai mô hình hợp tác Ba nhà hướng tới đô thị thông minh. Đề án TPTM Bình Dương xác định 46 hành động cụ thể trong 4 lĩnh vực: "Con người", "công nghệ", "doanh nghiệp" và "các yếu tố nền tảng".

Xuất phát phân tích những nhu cầu trên, trường Đại học Thủ Dầu Một mở ngành đào tạo Công nghệ thông tin là phù hợp với nhu cầu quy hoạch nhân lực ngành tự động hóa của vùng Đông Nam Bộ và của Quốc gia theo như “Quy hoạch phát triển nhân lực Việt Nam giai đoạn 2011 – 2020” đã được Thủ chính Chính phủ ký Quyết định 1216/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2011.

Chương trình đào tạo Công nghệ thông tin trường Đại học Thủ Dầu Một có tham khảo với các chương trình đào tạo Công nghệ thông tin của trường Đại học Công nghệ thông tin Thành phố Hồ Chí Minh và trường Đại học Khoa học tự nhiên Thành phố Hồ Chí Minh và tham khảo tài liệu phát triển chương trình đào tạo nhóm ngành Công nghệ thông tin của tổ chức ACM (Association for Computing Machinery). Hơn nữa, chương trình đào tạo ngành Công nghệ thông tin được xây dựng bởi các chuyên gia đầu ngành của Nhà trường, tham khảo ý kiến từ các chuyên gia và giảng viên dự kiến sẽ tham gia giảng dạy cho chương trình. Chương trình đào tạo bao gồm 150 tín chỉ (không tính các học phần Giáo dục thể chất (GDTC), Giáo dục quốc phòng (GDQP) và Ngoại ngữ) được đào tạo trong thời gian 9 học kỳ, trong

đó khối kiến thức đại cương gồm 33 tín chỉ, khối kiến thức cơ sở ngành 55 tín chỉ, khối kiến thức chuyên ngành 38 tín chỉ và thực tập, đồ án tốt nghiệp: 24 tín chỉ.

Hiện nay, Đại học Thủ Dầu Một có: 20 giảng viên cơ hữu tham gia đào tạo, đảm nhận trên 70% môn học thuộc chương trình đào tạo; trên 100 đầu sách giáo trình và hơn 200 đầu sách chuyên khảo ngành; 50 phòng học với 2.550 chỗ ngồi; 14 giảng đường với 1.680 chỗ ngồi; 02 hội trường với 750 chỗ ngồi; 05 phòng hội thảo với 2004 chỗ ngồi. Tổng số diện tích hiện có: 67.535,6 m<sup>2</sup>; diện tích phục vụ học tập 29.1107,8 m<sup>2</sup>; diện tích hội trường phòng học 17.724,1 m<sup>2</sup>; 881 máy tính để bàn, trong đó có 9 phòng thực hành với 500 máy được nối mạng Internet, 158 máy in các loại, 24 máy scanner, 09 máy photocopy, 05 máy quét mã vạch sử dụng cho Thư viện điện tử, các phòng học âm nhạc (phụ lục II) đảm bảo chất lượng dạy và học. Trong 3 đến 5 năm đầu, Nhà trường dự tính tuyển 50 đến 100 sinh viên ngành Công nghệ thông tin mỗi năm.

Chương trình đào tạo ngành Công nghệ thông tin trình Bộ Giáo dục và Đào tạo được chúng tôi xây dựng theo quy định của Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT, ngày 06 tháng 9 năm 2017.

## **2. Kết luận và đề nghị**

Từ nguồn nhân lực giảng dạy và cơ sở vật chất hiện có, Trường Đại học Thủ Dầu Một chúng tôi tiếp tục nâng cao chất lượng đội ngũ và cải tiến phương pháp giảng dạy, cập nhật mới chương trình phù hợp xu hướng tri thức, xây dựng các giá trị cốt lõi: Khát vọng – Trách nhiệm – Sáng tạo, không ngừng nâng cao cơ sở vật chất như trang thiết bị thí nghiệm – thực hành, thư viện nhằm phục vụ tốt hơn nhu cầu học tập, nghiên cứu theo hướng ứng dụng nghề nghiệp.

Toàn bộ đề án và chương trình đào tạo Công nghệ thông tin đã được thẩm định trước Hội đồng với những nhà khoa học đúng chuyên ngành và có chuyên môn sâu trong lĩnh vực Công nghệ thông tin. Đồng thời chúng tôi cũng lắng nghe, lấy ý kiến khảo sát, góp ý các cơ sở sử dụng nhân lực sau khi đào tạo để Chương trình đào tạo gắn với nhu cầu nguồn nhân lực của xã hội.

Trường Đại học Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương kính đề nghị Bộ Giáo dục-Đào tạo xem xét cho phép mở ngành đào tạo Công nghệ thông tin trình độ Đại học.

Chúng tôi chân thành biết ơn sự quan tâm và giúp đỡ của Bộ Giáo dục – Đào tạo. Về phần mình chúng tôi cam kết thực hiện đúng quy chế đào tạo do Bộ ban hành và phấn đấu trở thành một trong những trường Đại học đào tạo ngành Trí tuệ nhân tạo và Khoa học dữ liệu phù hợp với xu thế phát triển của xã hội hiện nay.

### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- CTHĐT và các PHT;
- Lưu: VT, P.ĐTĐH.

**KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

(đã ký)  
**TS. Ngô Hồng Điệp**

*Bình Dương, ngày tháng năm*

## **BÁO CÁO QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG ĐỀ ÁN MỞ NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

### **Kính gửi: Lãnh đạo Trường**

Xuất phát từ nhu cầu và chủ trương đào tạo ngành Trí tuệ nhân tạo và Khoa học dữ liệu trình độ đại học của trường Đại học Thủ Dầu Một.

Căn cứ quyết định 1636/QĐ-ĐHTDM thành lập Nhóm chủ trì soạn thảo Chương trình đào tạo.

Lãnh đạo Khoa Kỹ thuật – Công nghệ đã tổ chức họp Hội đồng Khoa và Nhóm chủ trì soạn thảo thống nhất và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên trong Khoa tiến hành xây dựng đề án theo các yêu cầu của Thông tư 22/2017/TT-BGDĐT (hoặc Thông tư 09/2017/TT-BGDĐT). Cụ thể:

1. Khảo sát nhu cầu đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực ở các cơ quan, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Dương và các tỉnh thành lân cận.
2. Xây dựng chương trình đào tạo trên cơ sở thực hiện quy định hiện hành của Bộ Giáo dục & Đào tạo. Đồng thời so sánh, đối chiếu với chương trình đào tạo của các cơ sở đào tạo uy tín khác trong và ngoài nước.
3. Triển khai xây dựng đề cương chi tiết theo chương trình đào tạo đã được thông qua.
4. Thu thập, hệ thống toàn bộ hồ sơ về văn bằng, chứng chỉ, lý lịch khoa học của đội ngũ nhân sự và điều kiện cơ sở vật chất của Nhà trường.

Sau khi cơ bản hoàn thành dự thảo đề án mở ngành, Hội đồng Khoa đã họp, rà soát và đề xuất danh sách Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo theo đúng yêu cầu của Thông tư.

Nhóm chủ trì xây dựng đề án báo cáo đã thực hiện các bước đúng quy trình, trình tự, thủ tục mở ngành Công nghệ thông tin trình độ đại học theo Thông tư 22/2017/TT-BGDĐT (hoặc Thông tư 09/2017/TT-BGDĐT).

Kính trình Lãnh đạo Trường hoàn tất hồ sơ gửi Bộ GD&ĐT đăng ký mở ngành đào tạo.

**LÃNH ĐẠO KHOA**

**TRƯỞNG NHÓM**

**Hoàng Mạnh Hà**

(Đã ký)

Bình Dương, ngày      tháng      năm

**BIÊN BẢN**  
**HỌP HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO**  
Vv: Thông qua Đề án mở ngành đào tạo trình độ đại học  
Ngành đào tạo: Công nghệ thông tin  
Mã ngành: 7480201

**I. Thời gian và địa điểm**

- Thời gian: Vào lúc 8h ngày      tháng      năm
- Địa điểm: Phòng họp 1 – Đại học Thủ Dầu Một, Số 06, Trần văn Ôn, Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

**II. Thành phần tham dự**

- PGS.TS. Nguyễn Văn Hiệp - Chủ tịch Hội đồng Trường
- PGS.TS. Hoàng Trọng Quyền, Phó Hiệu trưởng - Ủy viên
- TS. Ngô Hồng Điệp, Phó Hiệu trưởng - Ủy viên
- TS. Nguyễn Thị Nhật Hằng, Phó Hiệu trưởng - Ủy viên
- PGS.TS. Lê Tuấn Anh, Phó Hiệu trưởng - Ủy viên
- ThS. Lê Thị Kim Út, Trưởng phòng Đào tạo Đại học - Thư ký
- Và các thành viên Hội đồng Khoa học theo Quyết định số 1324/QĐ - ĐHTDM ngày 30/08/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một về việc thành lập Hội đồng Khoa học và Đào tạo của trường. 100% thành viên Hội đồng có mặt.

**III. Nội dung**

**1) Tuyên bố lý do**

Chủ tịch Hội đồng tuyên bố lý do và tổ chức lấy ý kiến của Hội đồng Khoa học và Đào tạo thông qua Đề án mở ngành đào tạo trình độ đại học ngành **Công nghệ thông tin**.

**2) Thông qua nội dung và ý kiến**

Sau khi nghe báo cáo, Hội đồng Khoa học và Đào tạo tiến hành xem xét quy trình xây dựng Đề án theo quy định của Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT ngày 6 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (sau đây gọi tắt là TT22). Hội đồng nhận thấy chương trình đào tạo đáp ứng được các yêu cầu như:

- Chương trình đào tạo được thiết kế phù hợp với chuẩn kiến thức và kỹ năng của người học sau khi tốt nghiệp. Đồng thời đáp ứng yêu cầu liên thông giữa các trình độ và với các chương trình đào tạo khác.

- Mục tiêu đào tạo được trình bày rõ ràng, xác định được các tiêu chí và điều kiện tại quy định của TT22. Chuẩn đầu ra đã bao quát được các điều kiện về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm của người học, phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam hiện hành. Đồng thời được đối sánh với chương trình đào tạo của các Đại học Trong và ngoài nước.

- Đề cương chi tiết xây dựng đúng quy định về mẫu. Nội dung và kết cấu chương trình đáp cho phép đáp ứng yêu cầu đào tạo. Trình độ đào tạo được xác định phù hợp với thực

tiền nhà trường và địa phương là tỉnh Bình Dương. Đảm bảo tính hiện đại, tính hội nhập, đúng quy định của TT22.

- Kế hoạch đào tạo: Phù hợp với tiến trình đào tạo, tuân tự theo yêu cầu các môn học và việc hình thành kiến thức, kỹ năng, năng lực, đảm bảo phù hợp với người học.

- Năng lực đội ngũ giảng viên, điều kiện cơ sở vật chất và trang thiết bị thực tế đáp ứng được yêu cầu của chương trình đào tạo quy định tại TT22.

- Quy trình xây dựng đề án khoa học, các minh chứng đảm bảo theo quy định của TT22.

Góp ý khác:

- Bổ sung một số môn học mang tính hiện đại, theo hướng tích hợp.

- Đề nghị điều chỉnh, bổ sung theo nhận xét của các thành viên Hội đồng.

100% các thành viên Hội đồng thông qua đề án mở ngành đào tạo trình độ đại học ngành Công nghệ thông tin.

Cuộc họp kết thúc lúc 11 giờ cùng ngày.

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**

(đã ký)

PGS.TS Nguyễn Văn Hiệp

**THƯ KÝ**

(đã ký)

ThS. Lê Thị Kim Út



## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số /QĐ-ĐHTDM ngày tháng năm 20.....  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một)

Tên chương trình: Công nghệ thông tin  
Trình độ đào tạo: Đại học  
Ngành đào tạo: **Công nghệ thông tin (Information technology)**  
Mã số: **7480201**  
Loại hình đào tạo: **Chính quy**  
Khóa: **2020 – 2024**

### 1. Mục tiêu đào tạo

#### 1.1. Mục tiêu chương trình

- **PO1:** Nhận diện, phân tích, thiết kế và phát triển các giải pháp công nghệ thông tin để giải quyết các vấn đề đương đại một cách chuyên nghiệp và sáng tạo; phục vụ hiệu quả sự phát triển kinh tế xã hội và khoa học kỹ thuật.
- **PO2:** Lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo và tham gia các nhóm, các dự án quốc gia và quốc tế trong bối cảnh toàn cầu hóa.
- **PO3:** Tự đào tạo để đáp ứng các xu hướng công nghệ hiện đại, luôn đổi mới và sáng tạo trong đóng góp cho sự phát triển của ngành công nghệ thông tin và những lĩnh vực liên quan khác; thực hiện trách nhiệm xã hội và tối đa hóa lợi ích cho cộng đồng.

#### 2.2. Chuẩn đầu ra

Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo, sinh viên có thể:

Nội dung	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	
Kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức nền tảng kỹ thuật cốt lõi và kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực CNTT	ELO 1	Áp dụng các kiến thức cơ bản về toán học, khoa học và kỹ thuật vào ngành CNTT.
	ELO 2	Phân tích vấn đề của ngành CNTT để xác định các bài toán cần giải quyết, các yêu cầu cần đáp ứng làm nền tảng cho việc nêu ra các giải pháp phù hợp.
	ELO 3	Thiết kế hệ thống CNTT phù hợp với yêu cầu của tổ chức, doanh nghiệp dựa trên kỹ thuật, công nghệ hiện đại.
Khả năng giao tiếp và làm việc	ELO 4	Làm việc nhóm trong vai trò là thành viên hay người lãnh đạo một cách hiệu quả để đạt được mục tiêu chung.
	ELO 5	Giao tiếp hiệu quả bằng đa phương tiện với các đối tượng khác nhau.

Kỹ năng nghề nghiệp trong lĩnh vực CNTT	ELO 6	Vận dụng tư duy phản biện, tư duy kỹ thuật, tư duy hệ thống và kỹ năng giải quyết trong khi thực hiện công việc.
	ELO 7	Phát triển ứng dụng một thành phần hay hệ thống hoàn chỉnh đảm bảo nhu cầu về an toàn thông tin, phân tích và diễn giải dữ liệu của tổ chức, doanh nghiệp.
	ELO 8	Sử dụng thành thạo những kỹ thuật hiện đại và các công cụ cần thiết trong thực hiện công việc.
Thái độ ý thức-hành vi	ELO 9	Tôn trọng Luật pháp, thể hiện trách nhiệm xã hội và thực hiện đạo đức nghề nghiệp của người kỹ sư CNTT
	ELO 10	Thể hiện động cơ học tập suốt đời để phát triển bản thân và nghề nghiệp.

### 1.3. Cơ hội việc làm:

Sau khi tốt nghiệp ngành Công nghệ thông tin, sinh viên có thể làm việc:

- Các vị trí sau: Kỹ sư thiết kế, xây dựng và quản lý các dự án nghiên cứu và ứng dụng CNTT. Kỹ sư vận hành, quản lý, giám sát; phân tích và phát triển các ứng dụng CNTT. Kỹ sư phân tích dữ liệu và thông tin ứng dụng cho các doanh nghiệp trong vấn đề nâng cao hiệu suất kinh doanh và ra quyết định. Kỹ sư xây dựng, phát triển các ứng dụng về lĩnh vực truyền thông xã hội và công nghệ Web, ứng dụng di động.
- Trong các lĩnh vực: Các công ty, tập đoàn về công nghệ thông tin. Các công ty sản xuất, lắp ráp, sửa chữa trang thiết bị phần mềm, phần cứng. Các công ty cung cấp giải pháp tích hợp. Các công ty cung cấp giải pháp về mạng và an ninh mạng. Bộ phận quản trị, bộ phận IT tại các công ty, kể cả công ty hoạt động trong lĩnh vực Công nghệ và các lĩnh vực khác như ngân hàng, y tế, giáo dục, giải trí... Trở thành giảng viên các trường đại học, cao đẳng, học viên, trung tâm có đào tạo Công nghệ thông tin

### 1.4. Trình độ Ngoại ngữ, Tin học:

### 1.5. Bằng cấp: Kỹ sư Công nghệ thông tin

#### 2. Thời gian đào tạo: 4.5 năm

#### 3. Khối lượng kiến thức toàn khoá (tính bằng đơn vị học trình hoặc tín chỉ): 150 tín chỉ

#### 4. Đối tượng tuyển sinh: Học sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương, trúng tuyển trong tuyển sinh của trường Đại học Thủ Dầu Một.

### 5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp:

#### 5.1 Quy trình đào tạo

Chương trình đào tạo được thực hiện trong 9 học kỳ, trong đó học kỳ thứ 9 sinh viên được đi thực tập thực tế và cuối khóa học sinh viên có thể làm báo cáo tốt nghiệp.

Theo Quyết định số 1157/QĐ-ĐHTDM ngày 08 tháng 08 năm 2014 và bổ sung, sửa đổi theo Quyết định số 890/QĐ-ĐH 1TDM ngày 04 tháng 08 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một về Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ.

#### 5.2 Điều kiện tốt nghiệp

Theo Quyết định 1862/QĐ-ĐHTDM ngày 21/11/2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một về việc ban hành Quy định Chuẩn đầu ra cho học viên cao học, sinh viên đại học, cao đẳng hệ chính quy và thường xuyên đào tạo theo học chế tín chỉ.

### 6. Thang điểm

Theo quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Quyết định số ...../QĐ-ĐH TDM do Hiệu trưởng ĐH Thủ Dầu Một ban hành ngày .....

Điểm tốt nghiệp là điểm trung bình chung các học phần theo hệ số (trừ Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng – an ninh).

## 7. Nội dung chương trình

### Cấu trúc chương trình đào tạo

Trình độ đào tạo	Thời gian đào tạo	Khối lượng kiến thức toàn khóa (Tín chỉ)	Kiến thức giáo dục đại cương (Tín chỉ)	Kiến thức giáo dục chuyên ngành			
				126			
				Kiến thức cơ sở ngành (Tín chỉ)	Kiến thức chuyên ngành (Tín chỉ)	Thực tập doanh nghiệp (Tín chỉ)	Báo cáo tốt nghiệp (Tín chỉ)
Đại học	9 học kỳ	150	33	55	38	14	10

#### 7.1. Kiến thức giáo dục đại cương: 33 TC (Bắt buộc: 33 TC; Tự chọn: 0 TC)

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Loại HP		Điều kiện		Học kỳ (dự kiến)
				Lý thuyết	Thực hành Thí nghiệm	Bắt buộc	Tự chọn	Học trước	Song hành	
1		Triết học Mác - Lênin	3	3	0	X				
2		Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0	X				
3		Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	X				
4		Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	0	X				
5		Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	X				
6		Toán cao cấp A1	2	2	0	X				
7		Tư duy biện luận - sáng tạo	2	2	0	X				
8		Nghiên cứu khoa học	2	2	0	X				
9		Toán cao cấp A2	2	1	1	X				
10		Xác suất thống kê (A)	3	2	1	X				
11		Vật lý đại cương A1	3	3	0	X				
12		Pháp luật đại cương	2	2	0	X				

13		Quản trị doanh nghiệp	2	2	0	X				
14		Quản trị Marketing	2	2	0	X				
15		Những vấn đề kinh tế - xã hội Đông Nam bộ	2	1	1	X				
<b>Tổng cộng</b>			<b>33</b>	<b>30</b>	<b>3</b>					

**7.2. Kiến thức cơ sở ngành: 55 TC (Bắt buộc: 55 TC; Tự chọn: 0 TC)**

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Loại HP		Điều kiện		Học kỳ (dự kiến)
				Lý thuyết	Thực hành Thí nghiệm	Bắt buộc	Tự chọn	Học trước	Song hành	
1		Nhập môn ngành công nghệ thông tin	3	2	1	X				
2		Cơ sở lập trình	4	3	1	X				
3		Toán rời rạc	3	3	0	X				
4		Kỹ thuật lập trình	3	2	1	X		Cơ sở lập trình		
5		Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	4	3	1	X		Kỹ thuật lập trình		
6		Mạng máy tính	4	3	1	X				
7		Kiến trúc máy tính và hợp ngữ	4	3	1	X				
8		Cơ sở dữ liệu	3	2	1	X				
9		Phương pháp lập trình hướng đối tượng	4	3	1	X		Kỹ thuật lập trình		
10		Lý thuyết đồ thị	3	2	1	X		Kỹ thuật lập trình		
11		Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin	3	2	1	X		Cơ sở dữ liệu		
12		Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	3	2	1	X		Cơ sở dữ liệu		
13		Thiết kế Web	2	1	1	X				
14		Lập trình trên Windows	4	3	1	X		Phương pháp lập trình hướng đối tượng		

15		Đổi mới, sáng tạo và khởi nghiệp	3	3	0	X				
16		Nguyên lý hệ điều hành	4	3	1	X		Kiến trúc máy tính và hợp ngữ		
17		Đồ án cơ sở ngành	1	0	1	X				
<b>Tổng cộng</b>			<b>55</b>	<b>40</b>	<b>15</b>					

### 7.3 Kiến thức chuyên ngành: 38 TC (Bắt buộc: 11 TC; Tự chọn: 27 TC)

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Loại HP		Điều Kiện		Học kỳ (dự kiến)
				Lý thuyết	Thực hành Thí nghiệm	Bắt buộc	Tự chọn	Học trước	Song hành	
1		Công nghệ phần mềm	3	2	1	X		Phương pháp lập trình hướng đối tượng		
2		Lập trình Web	3	2	1	X		Lập trình trên Windows, Thiết kế Web		
3		Quản lý dự án công nghệ thông tin	3	3	0	X				
4		Tự chọn chuyên ngành 1	3	2	1		X			
5		Tự chọn chuyên ngành 2	3	2	1		X			
6		Tự chọn chuyên ngành 3	3	2	1		X			
7		Tự chọn chuyên ngành 4	3	2	1		X			
8		Tự chọn chuyên ngành 5	3	2	1		X			
9		Tự chọn chuyên ngành 6	3	2	1		X			
10		Tự chọn chuyên sâu 1	3	2	1		X			
11		Tự chọn chuyên sâu 2	3	2	1		X			
12		Tự chọn chuyên sâu 3	3	2	1		X			
13		Đồ án chuyên ngành	2	0	2	X				
<b>Tổng cộng</b>			<b>38</b>	<b>25</b>	<b>13</b>					

Tự chọn chuyên ngành: Sinh viên chọn 6 học phần (18 tín chỉ) của 1 trong 2 định hướng sau

**QUẢN TRỊ VÀ TÍCH HỢP PHẦN MỀM DOANH NGHIỆP**

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Loại HP		Điều Kiện		Học kỳ ( <i>đợt kiến</i> )
				Lý thuyết	Thực hành Thí nghiệm	Bắt buộc	Tự chọn	Học trước	Song hành	
1		Cơ sở lập trình Phân tích dữ liệu	3	2	1		X			
2		Điện toán đám mây	3	2	1		X			
3		Phát triển ứng dụng trên điện toán đám mây	3	2	1		X			
4		Phân tích dữ liệu trên điện toán đám mây	3	2	1		X			
5		Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp ERP	3	2	1		X			
6		Phát triển ứng dụng di động	3	2	1		X			
7		Trí tuệ nhân tạo	3	2	1		X			
8		Học máy	3	2	1		X			

**AN TOÀN VÀ BẢO MẬT THÔNG TIN**

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Loại HP		Điều Kiện		Học kỳ ( <i>đợt kiến</i> )
				Lý thuyết	Thực hành Thí nghiệm	Bắt buộc	Tự chọn	Học trước	Song hành	
1		Mật mã học cơ sở	3	2	1		X			
2		Mạng máy tính nâng cao	3	2	1		X			
3		Quản trị hệ thống	3	2	1		X			
4		An toàn và bảo mật thông tin	3	2	1		X			
5		Hệ điều hành mạng linux	3	2	1		X			
6		Lập trình mạng	3	2	1		X			

7		Trí tuệ nhân tạo	3	2	1		X			
8		Học máy	3	2	1		X			

**Tự chọn chuyên sâu: Sinh viên chọn 3 học phần (9 tín chỉ) của 1 trong 2 định hướng sau**

**QUẢN TRỊ VÀ TÍCH HỢP PHẦN MỀM DOANH NGHIỆP**

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Loại HP		Điều Kiện		Học kỳ ( <i>dự kiến</i> )
				Lý thuyết	Thực hành Thí nghiệm	Bắt buộc	Tự chọn	Học trước	Song hành	
1		Chuyên đề Internet of Things	3	2	1		X			
2		Chuyên đề Dữ liệu lớn	3	2	1		X			
3		Phát triển ứng dụng di động đa nền tảng	3	2	1		X			
4		Phát triển hệ thống thông tin nhân sự và tiền lương	3	2	1		X			
5		Phát triển phần mềm mã nguồn mở	3	2	1		X			

**AN TOÀN VÀ BẢO MẬT THÔNG TIN**

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Loại HP		Điều Kiện		Học kỳ ( <i>dự kiến</i> )
				Lý thuyết	Thực hành Thí nghiệm	Bắt buộc	Tự chọn	Học trước	Song hành	
1		Các kỹ thuật giấu tin	3	2	1		X			
2		An ninh mạng	3	2	1		X			
3		Công nghệ mạng không dây	3	2	1		X			
4		An toàn hệ điều hành	3	2	1		X			
5		An toàn ứng dụng Web và CSDL	3	2	1		X			
6		Kiểm thử xâm nhập	3	2	1		X			

**7.4: Đồ án tốt nghiệp: 10 TC (Bắt buộc: 10 TC; Tự chọn: 0 TC)**

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Loại HP		Điều Kiện		Học kỳ (dự kiến)
				Lý thuyết	Thực hành Thí nghiệm	Bắt buộc	Tự chọn	Học trước	Song hành	
1		Đồ án tốt nghiệp	10	0	10	X				
<b>Tổng cộng</b>			<b>10</b>	<b>0</b>	<b>10</b>					

**7.5: Thực tập nghề nghiệp tại cơ sở, doanh nghiệp: 14 TC (Bắt buộc: 14 TC; Tự chọn: 0 TC)**

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Loại HP		Điều Kiện		Học kỳ (dự kiến)
				Lý thuyết	Thực hành Thí nghiệm	Bắt buộc	Tự chọn	Học trước	Song hành	
1		Thực tập doanh nghiệp 1	2	0	2	X				
		Thực tập doanh nghiệp 2	3	0	3	X				
		Thực tập doanh nghiệp 3	4	0	4	X				
4		Thực tập tốt nghiệp	5	0	5	X				
<b>Tổng cộng</b>			<b>14</b>	<b>0</b>	<b>14</b>					

**8. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY**

Học kỳ I										
STT	Mã HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	SỐ TIẾT		Mã HP học trước/tiên quyết	Bắt buộc/Tự chọn			
				LT	TH					
1		Tư duy biện luận sáng tạo	2	2	0		BB			
2		Thực hành Thiết kế Web	1	0	1		BB			
3		Thiết kế Web	2	1	1		BB			
4		Toán cao cấp A1	2	2	0		BB			
5		Nhập môn ngành công nghệ thông tin	3	2	1		BB			
6		Nghiên cứu khoa học	2	2	0		BB			
7		Thực hành Cơ sở lập trình	1	0	1		BB			



8		Cơ sở lập trình	3	3	0		BB
		<b>Tổng cộng</b>	<b>16</b>	<b>12</b>	<b>4</b>		

### Học kỳ II

STT	Mã HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	SỐ TIẾT		Mã HP học trước/tiên quyết	Bắt buộc/Tự chọn
				LT	TH		
1		Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0		BB
2		Triết học Mác - Lênin	3	3	0		BB
3		Toán cao cấp A2	2	1	1		BB
4		Toán rời rạc	3	3	0		BB
5		Thực hành Kỹ thuật lập trình	1	0	1		BB
6		Kỹ thuật lập trình	2	2	0	Cơ sở lập trình	BB
7		Vật lý đại cương A1	3	2	1		
		<b>Tổng cộng</b>	<b>16</b>	<b>13</b>	<b>3</b>		

### Học kỳ III

STT	Mã HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	SỐ TIẾT		Mã HP học trước/tiên quyết	Bắt buộc/Tự chọn
				LT	TH		
1		Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0		BB
2		Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0		BB
3		Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	0		BB
4		Cơ sở dữ liệu	3	2	1		BB
5		Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	4	3	1	Kỹ thuật lập trình	BB
6		Phương pháp lập trình hướng đối tượng	4	3	1	Cơ sở lập trình	BB
7		Thực tập doanh nghiệp 1	1	0	2		BB
		<b>Tổng cộng</b>	<b>18</b>	<b>14</b>	<b>5</b>		

### Học kỳ IV

STT	Mã HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	SỐ TIẾT		Mã HP học trước/tiên quyết	Bắt buộc/Tự chọn
				LT	TH		
1		Lý thuyết đồ thị	3	2	1	Kỹ thuật lập trình	BB

2		Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin	3	2	1	Cơ sở dữ liệu	BB
3		Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	3	2	1	Cơ sở dữ liệu	BB
4		Lập trình trên Windows	4	3	1	Phương pháp lập trình hướng đối tượng	BB
5		Xác suất thống kê (A)	3	3	0		BB
6		Mạng máy tính	4	3	1		BB
<b>Tổng cộng</b>			<b>20</b>	<b>15</b>	<b>5</b>		

#### Học kỳ V

STT	Mã HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	SỐ TIẾT		Mã HP học trước/tiên quyết	Bắt buộc/Tự chọn
				LT	TH		
1		Đồ án cơ sở ngành	1	0	1	Phương pháp lập trình hướng đối tượng, Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin, Lập trình trên windows	BB
2		Công nghệ phần mềm	3	2	1	Phương pháp lập trình hướng đối tượng	BB
3		Lập trình Web	3	2	1	Lập trình trên Windows, Thiết kế Web	BB
4		Kiến trúc máy tính và hợp ngữ	4	3	1		BB
5		Pháp luật đại cương	2	1	1		BB
6		Những vấn đề kinh tế - xã hội Đông Nam bộ	2	2	0		BB
7		Thực tập doanh nghiệp 2	2	0	2		BB
	<b>Tổng cộng</b>		<b>17</b>	<b>10</b>	<b>7</b>		

#### Học kỳ VI

STT	Mã HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	SỐ TIẾT		Mã HP học trước/tiên quyết	Bắt buộc/Tự chọn
				LT	TH		

1		Quản lý dự án công nghệ thông tin	3	3	0		BB
2		Nguyên lý hệ điều hành	4	3	1	Kiến trúc máy tính và hợp ngữ	BB
3		Quản trị doanh nghiệp	2	0	0		
4		Tự chọn chuyên ngành 1	3	2	1		TC
5		Tự chọn chuyên ngành 2	3	2	1		TC
	<b>Tổng cộng</b>		<b>15</b>	<b>10</b>	<b>3</b>		

#### Học kỳ VII

STT	Mã HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	SỐ TIẾT		Mã HP học trước/tiên quyết	Bắt buộc/Tự chọn
				LT	TH		
		Quản trị Marketing	2	2	0		
4		Tự chọn chuyên ngành 3	3	2	1		TC
4		Tự chọn chuyên ngành 4	3	2	1		TC
5		Tự chọn chuyên ngành 5	3	2	1		TC
6		Tự chọn chuyên ngành 6	3	2	1		TC
7		Thực tập doanh nghiệp 3	4	0	4		BB
	<b>Tổng cộng</b>		<b>18</b>	<b>10</b>	<b>8</b>		

#### Học kỳ VIII

STT	Mã HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	SỐ TIẾT		Mã HP học trước/tiên quyết	Bắt buộc/Tự chọn
				LT	TH		
1		Đồ án chuyên ngành	3	0	3		BB
2		Đổi mới, sáng tạo và khởi nghiệp	3	3	0		BB
3		Tự chọn chuyên sâu 1	3	2	1		TC
4		Tự chọn chuyên sâu 2	3	2	1		TC
5		Tự chọn chuyên sâu 3	3	2	1		TC
	<b>Tổng cộng</b>		<b>15</b>	<b>9</b>	<b>6</b>		

#### Học kỳ IX

STT	Mã HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	SỐ TIẾT	Mã HP học trước/tiên quyết	Bắt buộc/Tự chọn
-----	-------	--------------	------------	---------	----------------------------	------------------

				<b>LT</b>	<b>TH</b>		
<b>1</b>		Thực tập tốt nghiệp	5	0	5		BB
<b>2</b>		Báo cáo tốt nghiệp	10	0	10		BB
	<b>Tổng cộng</b>		<b>15</b>	<b>0</b>	<b>15</b>		

*Bình Dương, ngày.....tháng.....năm 20.....*

**HIỆU TRƯỞNG**

## Phụ lục II

(Kèm theo Thông tư số: /2017/TT-BGDĐT ngày tháng năm 2017  
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

### BIÊN BẢN KIỂM TRA THỰC TẾ ĐIỀU KIỆN VỀ ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, TRANG THIẾT BỊ , THƯ VIỆN

- Cơ sở đào tạo: Trường Đại học Thủ Dầu Một
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 06, Trần Văn Ôn, Phú Hòa, Thủ Dầu Một, Bình Dương
- Thành phần Đoàn kiểm tra (theo Quyết định số ..... ngày.....tháng .....năm...):...
  - Các nội dung kiểm tra:

#### 1. Đội ngũ giảng viên và kỹ thuật viên cơ hữu của cơ sở

##### 1.1. Đội ngũ giảng viên cơ hữu của chương trình đào tạo

Bảng 1.1.1. Danh sách giảng viên cơ hữu đúng ngành đào tạo

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong, Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành	Năm, nơi tham gia giảng dạy
1	Lê Tuấn Anh Năm sinh: 1974 Chức vụ: Trưởng Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	PGS: năm 2016 Tiến sĩ, Hàn Quốc, năm: 2012	Kỹ thuật máy tính	Theo lý lịch khoa học
2	Bùi Thanh Hùng Năm sinh: 1980 Giảng viên	Tiến sĩ, Nhật Bản, năm 2013	Khoa học máy tính	Theo lý lịch khoa học
3	Vũ Văn Nam Năm sinh: 1967 Giảng viên	Thạc sĩ Giảng viên chính năm: 2001	Công nghệ thông tin	Theo lý lịch khoa học
4	Nguyễn Hữu Vĩnh Năm sinh: 1975 Giảng viên	Thạc sĩ, Việt Nam, năm 2011	Truyền dữ liệu và Mạng máy tính	Theo lý lịch khoa học
5	Nguyễn Thị Thủy Năm sinh: 1982 Giảng viên	Thạc sĩ, Việt Nam, Năm 2010	Khoa học máy tính	Theo lý lịch khoa học

6	Nguyễn Ngọc Thận Năm sinh: 1974 Giảng viên	Thạc sĩ, Việt Nam, Năm 2007	Công nghệ thông tin	Theo lý lịch khoa học
7	Võ Quốc Lương Năm sinh: 1982 Giảng viên	Thạc sĩ, Việt Nam, Năm 2010	Khoa học máy tính	Theo lý lịch khoa học
8	Trần Văn Tài Năm sinh: 1986 Giảng viên	Thạc sĩ, Việt Nam , năm 2016	Khoa học máy tính	Theo lý lịch khoa học
9	Nguyễn Đình Thọ Năm sinh: 1985 Giảng viên	Thạc sĩ, Việt Nam, năm 2015	Công nghệ thông tin	Theo lý lịch khoa học
10	Nguyễn Kim Duy Năm sinh: 1983 Giảng viên	Thạc sĩ, Việt Nam, Năm 2016	Công nghệ thông tin	Theo lý lịch khoa học

*Bảng 1.1.2. Danh sách giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy*

<b>TT</b>	<b>Họ và tên, năm sinh</b>	<b>Chức danh KH, năm công nhận</b>	<b>Học vị, năm công nhận</b>	<b>Ngành, chuyên ngành</b>	<b>Học phần dự kiến đảm nhiệm</b>
1	Lê Tuấn Anh Năm sinh: 1974	PGS, năm 2016	Tiến sĩ, Hàn Quốc, năm: 2012	Kỹ thuật máy tính	Nhập môn ngành công nghệ thông tin, Nguyên lý hệ điều hành
2	Nguyễn Thị Kim Ngân Năm sinh: 1983		Tiến sĩ, Pháp, năm 2010	Toán học	Toán cao cấp A1
3	Phan Thanh Bằng Năm sinh: 1957		Thạc sĩ, Việt Nam, năm:		Tư tưởng Hồ Chí Minh, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Những vấn đề kinh tế - xã hội Đông Nam bộ, Triết học Mác – Lênin, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Kinh tế chính trị Mác - Lênin
4	Trương Hải Huyền Thanh Năm sinh: 1989		Thạc sỹ: Hàn Quốc, 2014	Quản trị Marketing	Quản trị doanh nghiệp, Quản trị Marketing
5	Lê Văn Gắm Năm sinh: 1990		Thạc Sĩ, Việt Nam, 2019	Luật	Pháp luật đại cương

6	Huỳnh Duy Nhân Năm sinh: 1974		Thạc sĩ, Việt Nam, năm 2008	Vật lý chất rắn	Vật lý đại cương 1
7	Võ Viết Trí Năm sinh: 1966		Tiến sĩ, Việt Nam, Năm 2016	Toán học – Giải tích toán học	Toán cao cấp A2
8	Triệu Nguyên Hùng Năm sinh: 1982		Thạc sĩ, Việt Nam, năm 2008	Xác suất thống kê toán	Xác suất thống kê (A)
9	Bùi Thanh Hùng Năm sinh: 1980		Tiến sĩ, Nhật Bản, năm 2013	Khoa học máy tính	Nghiên cứu khoa học, Cơ sở lập trình trong phân tích dữ liệu
10	Vũ Văn Nam Năm sinh: 1967		Thạc sĩ Giảng viên chính năm: 2001	Công nghệ thông tin	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật, Lập trình trên Windows
11	Nguyễn Hữu Vĩnh Năm sinh: 1975		Thạc sĩ, Việt Nam, năm 2011	Truyền dữ liệu và Mạng máy tính	Thiết kế Web, Lập trình Web
12	Nguyễn Thị Thủy Năm sinh: 1982		Thạc sĩ, Việt Nam, Năm 2010	Khoa học máy tính	Cơ sở dữ liệu, Hệ quản trị cơ sở dữ liệu
13	Nguyễn Ngọc Thân Năm sinh: 1974		Thạc sĩ, Việt Nam, Năm 2007	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm
14	Võ Quốc Lương Năm sinh: 1982		Thạc sĩ, Việt Nam, Năm 2010	Khoa học máy tính	Mạng máy tính, Mạng máy tính nâng cao, Quản trị hệ thống, Kiểm thử xâm nhập
15	Trần Văn Tài Năm sinh: 1986		Thạc sĩ, Việt Nam, năm 2016	Khoa học máy tính	Cơ sở lập trình, Kỹ thuật lập trình, Hệ điều hành mạng linux
16	Nguyễn Đình Thọ Năm sinh: 1985		Thạc sĩ, Việt Nam, năm 2015	Công nghệ thông tin	Đồ án cơ sở ngành, Điện toán đám mây, Phát triển phần mềm mã nguồn mở
17	Nguyễn Kim Duy Năm sinh: 1983		Thạc sĩ, Việt Nam, Năm 2016	Công nghệ thông tin	Lý thuyết đồ thị, Phân tích dữ liệu trên điện toán đám mây

18	Nguyễn Xuân Dũng Năm sinh: 1949		Tiến sĩ, Tiệp Khắc, năm: 1989	Tin học – Điều khiển học	Toán rời rạc, Trí tuệ nhân tạo
19	Hoàng Mạnh Hà Năm sinh: 1971 Giảng viên		Tiến sĩ, Việt Nam, năm 2012	Đảm bảo toán học cho máy tính và hệ thống tính toán	Kiến trúc máy tính và hợp ngữ, Học máy
20	Dương Kim Chi Năm sinh: 1978 Giảng viên		Thạc sĩ-NCS, Việt Nam, năm: 2009	Tin học	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin, Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp ERP, Chuyên đề Dữ liệu lớn
21	Cao Thanh Xuân Năm sinh: 1977 Giảng viên		Thạc sĩ, Việt Nam, năm 2009	Khoa học máy tính	Quản lý dự án công nghệ thông tin
22	Hồ Đắc Hưng Năm sinh: 1991 Giảng viên		Thạc sĩ, Việt Nam, Năm 2016	Hệ thống thông tin	Phát triển ứng dụng di động, Mật mã học cơ sở, Phát triển ứng dụng di động đa nền tảng, Các kỹ thuật giấu tin
23	Trần Cẩm Tú Năm sinh: 1985 Giảng viên		Thạc sĩ, Việt Nam, Năm 2017	Khoa học máy tính	Lập trình mạng, An ninh mạng, Công nghệ mạng không dây
24	Trần Bá Minh Sơn Năm sinh: 1982 Giảng viên		Thạc sĩ, Việt Nam, năm: 2009	Khoa học máy tính	Đổi mới, sáng tạo và khởi nghiệp, Chuyên đề Internet of Things
25	Nguyễn Hải Vĩnh Cường Năm sinh: 1991 Giảng viên		Thạc sĩ, Việt Nam, năm 2018	Khoa học máy tính	Phát triển ứng dụng trên điện toán đám mây, An toàn hệ điều hành, An toàn ứng dụng Web và CSDL
26	Nguyễn Tấn Lộc Năm sinh 1984		Thạc sĩ, Việt Nam, năm 2013	Công nghệ thông tin	Phương pháp lập trình hướng đối tượng



27	Võ Thị Diễm Hương Năm sinh: 1985		Thạc sĩ, Việt Nam, năm 2017	Hệ thống Thông tin	An toàn và bảo mật thông tin, Phát triển hệ thống thông tin nhân sự và tiền lương
----	-------------------------------------	--	-----------------------------	--------------------	---

## 1.2. Đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên hướng dẫn thí nghiệm cơ hữu

*Bảng 1.2.1. Danh sách kỹ thuật viên, nhân viên hướng dẫn thí nghiệm cơ hữu phục vụ ngành đăng ký đào tạo*

Số TT	Họ và tên, năm sinh	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, năm tốt nghiệp	Phụ trách PTN, thực hành	Phòng thí nghiệm, thực hành phục vụ học phần nào trong CTĐT
1	Nguyễn Thế Bảo Năm sinh: 1985	Thạc sĩ, 2018	Phòng thực hành máy tính	Các học phần cơ sở ngành.
2	Võ Văn Lên Năm sinh: 1987	Thạc sĩ, 2019	Phòng thực hành máy tính	Các học phần liên quan đến xây dựng và phát triển phần mềm, kiểm thử phần mềm
3	Ngô Thị Ngọc Dịu Năm sinh: 1980	Thạc sĩ, 2018	Phòng thực hành máy tính	Các học phần chuyên ngành: phân tích và xử lý dữ liệu, máy học, trí tuệ nhân tạo
4	Ngô Hồng Minh Năm sinh: 1983	Thạc sĩ, 2011	Phòng thực hành máy tính	Các học phần chuyên sâu
5	Đặng phạm Hữu Thảo Năm sinh: 1984	Thạc sĩ, 2011	Phòng thí nghiệm thành phố thông minh	Các học phần thực hành IoT, viễn thông, phân tích dữ liệu, trí tuệ nhân tạo, đồ án, báo cáo tốt nghiệp.

## 2. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

### 2.1. Phòng học, giảng dạy, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy

*Bảng 2.1 – Danh sách phòng học, giảng dạy, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy*

Số TT	Loại phòng học (Phòng học, giảng đường, phòng học đa phương tiện,	Số lượng	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy		
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần

	<i>phòng học chuyên dụng)</i>					
1	Phòng học từ 20 – 30 chỗ ngồi	23		Tivi 65 inch	1	
2	Phòng học từ 40 – 60 chỗ ngồi	91		Tivi 65 inch	1	
3	Phòng học từ 63 – 84 chỗ ngồi	42		Tivi 65 inch	1	
4	Phòng học từ 90-160 chỗ ngồi	16		Tivi 65 inch	1	
5	Hội trường 1 sức chứa 250 chỗ ngồi	01		Màn hình 300 inch	1	
6	Hội trường 2 sức chứa 660 chỗ ngồi	01		Màn hình 300 inch	1	
7	Phòng máy tính	09		Bộ máy vi tính để bàn	500	
8	Phòng thí nghiệm dữ liệu lớn	01				

## 2.2. Phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành và trang thiết bị phục vụ thí nghiệm, thực hành

*Bảng 2.2 – Danh sách phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành và trang thiết bị phục vụ thí nghiệm, thực hành*

Số TT	Tên phòng thí nghiệm, xưởng, trạm trại, cơ sở thực hành	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ thí nghiệm, thực hành		
			Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ môn học /học phần
1	Phòng thực hành máy tính 1	100	Máy tính	50	Các học phần chuyên sâu
			Máy chiếu	1	
2	Phòng thực hành máy tính 2	100	Máy tính	50	Các học phần chuyên sâu
			Máy chiếu	1	
3	Phòng thực hành máy tính 3	100	Máy tính	50	Các học phần chuyên ngành: phân tích và xử lý dữ liệu, máy học, trí tuệ nhân tạo
			Máy chiếu	1	
4	Phòng thực hành máy tính 4	100	Máy tính	50	Các học phần chuyên ngành: phân tích và xử lý dữ liệu, máy học, trí tuệ nhân tạo
			Máy chiếu	1	

5	Phòng thực hành máy tính 5	100	Máy tính	60	Các học phần chuyên ngành: Phát triển phần mềm kiểm thử phần mềm
			Máy chiếu	1	
6	Phòng thực hành máy tính 6	100	Máy tính	60	Các học phần chuyên ngành: phát triển phần mềm, kiểm thử phần mềm
			Máy chiếu	1	
7	Phòng thực hành máy tính 7	100	Máy tính	60	Các học phần cơ sở ngành.
			Máy chiếu	1	
8	Phòng thực hành máy tính 8	100	Máy tính	60	Các học phần cơ sở ngành.
			Máy chiếu	1	
9	Phòng thực hành máy tính 9	100	Máy tính	60	Các học phần cơ sở ngành.
			Máy chiếu	1	
10	Phòng thí nghiệm thành phố thông minh	100	Bộ máy vi tính để bàn	11	Các học phần thực hành IoT, viễn thông, phân tích dữ liệu, trí tuệ nhân tạo, đồ án, báo cáo tốt nghiệp.
			Máy in 3D	1	
			Hệ thống thực tập mạng máy tính Cisco	1	
			Hệ thống truyền thông băng rộng	1	
11	Phòng máy tính hiệu năng cao	50	Máy tính hiệu năng cao	1	Các học phần Đồ án, báo cáo tốt nghiệp

### 3. Thư viện

- Diện tích thư viện: 1.980 m<sup>2</sup>;
- Diện tích phòng đọc: 1.410 m<sup>2</sup>;
- Số chỗ ngồi: 468;
- Số lượng máy tính phục vụ tra cứu: 40;
- Phần mềm quản lý thư viện: Libol 6.0;
- Thư viện điện tử: elib.tdmu.edu.vn với sách 2.750, bài báo 5.600.

#### 3.1. Danh mục giáo trình của ngành đăng ký đào tạo

Bảng 3.1 - Danh mục giáo trình của ngành đăng ký đào tạo

STT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho học phần
1	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Ngô Đình Qua	Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh	2013	5	Nghiên cứu khoa học

2	Tư duy biện luận ứng dụng	Dương Thị Hoàng Oanh, Nguyễn Xuân Đạt	Đại học Quốc Gia Tp.HCM	2015	10	Tư duy biện luận ứng dụng
3	Giáo trình triết học Mác – Lênin	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội	2019		Triết học mác - lenin
4	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội	2019		Kinh tế chính trị mác - lenin
5	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội	2019		Chủ nghĩa xã hội khoa học
6	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội	2019		Tư tưởng hồ chí minh
7	Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội	2013	30	Lịch sử đảng cộng sản việt nam
8	Tiềm năng kinh tế Đông Nam Bộ	Trần Hoàng Kim	Nhà xuất bản Thống kê	1995	1	Những vấn đề kinh tế - xã hội đông nam bộ
9	Marketing căn bản	Quách Thị Bửu Châu, Đinh Tiên Minh, Nguyễn Công Dũng, Đào Hoài Nam, Nguyễn Văn Trung	NXB. Lao động	2016	10	Quản trị marketing
10	Giáo trình pháp luật đại cương	Vũ Quang	Bách khoa Hà Nội	2017	10	Pháp luật đại cương
11	Quản trị doanh nghiệp : Lý thuyết, nghiên cứu và thực hành	H. Kent Baker, Ronald Anderson; Lê Đạt Chí, Trần Thị Hải Lý, Nguyễn Minh	Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh	2012	10	Quản trị doanh nghiệp

		Ngọc, Nguyễn Anh Tú (dịch)				
12	Khởi nghiệp 4.0 : Kinh doanh thông minh trong cách mạng công nghiệp 4.0	H. : Harvard Business review Press	NXB. Lao động	2017	5	Đổi mới, sáng tạo và khởi nghiệp
13	Toán cao cấp A2	Trần Ngọc Hội (ch.b.), Trịnh Thị Thanh Hải, Võ Thanh Hải	NXB Đại học quốc gia TPHCM	2016	5	Toán cao cấp a2
14	Giáo trình toán cao cấp A1	Nguyễn Quang Huy, Lê Thị Mai Trang, Hoàng Thị Minh Thảo	NXB Đại học quốc gia TPHCM	2017	5	Toán cao cấp a1
15	Toán kỹ thuật	Nguyễn Văn Kính	NXB Đại học Quốc gia TPHCM	2015	5	Toán kỹ thuật
16	Lý thuyết xác suất thống kê	Lê Khánh Luận, Nguyễn Thanh Sơn	NXB Đại học Quốc gia TPHCM	2013	10	Xác suất thống kê
17	Giáo trình Vật lý đại cương A1	Võ Văn Ôn (chủ biên), Huỳnh Duy Nhân, Nguyễn Thị Huỳnh Nga, Nguyễn Đức Hào	NXB Đại học Huế	2017	10	Vật lý đại cương a1
18	Giáo trình Vật lý đại cương A1	Võ Văn Ôn (chủ biên), Huỳnh Duy Nhân, Nguyễn Thị Huỳnh Nga, Nguyễn Đức Hào	NXB Đại học Huế	2017	10	Tt. Vật lý đại cương a1
19	Giáo trình Vật lý đại cương A2	Võ Văn Ôn (chủ biên), Huỳnh Duy Nhân, Nguyễn Thị Huỳnh	NXB Đại học Huế	2017	10	Vật lý đại cương a2

		Nga, Nguyễn Đức Hào				
20	Giáo trình Vật lý đại cương A2	Võ Văn Ôn (chủ biên), Huỳnh Duy Nhân, Nguyễn Thị Huỳnh Nga, Nguyễn Đức Hào	NXB Đại học Huế	2017	10	Thực hành vật lý đại cương a2
21	Kỹ thuật lập trình C - Cơ sở và nâng cao	Phạm Văn Át	NXB Khoa học và kỹ thuật.	2016	4	Cơ sở lập trình, kỹ thuật lập trình, cấu trúc dữ liệu và giải thuật
22	Data structure and algorithm with C	Suman Halder, Debdutta Pal.	Alpha Science International Ltd.,	2018	1	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật
23	Kiến trúc máy tính tiên tiến	Trần Công Hùng	NXB Thông tin và truyền thông	2011	5	Kiến trúc máy tính và hợp ngữ
24	Giáo trình C++ & Lập trình hướng đối tượng	Phạm Văn Át chủ biên, Lê Trường Thông	Bách khoa Hà Nội	2017	5	Phương pháp lập trình hướng đối tượng
25	Nhập môn cơ sở dữ liệu - Databases: a beginner's guide	Andrew J. (Andy) Oppel	Trường Đại học FPT (dịch)	2016	5	Cơ sở dữ liệu
26	Microsoft SQL Server 2008 - Quản trị cơ sở dữ liệu	Phạm Hữu Khang (chủ biên); Phương Lan (hiệu đính)	NXB Lao Động – Xã Hội	2009	10	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu
27	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin	Ngô Minh Vương chủ biên	Đại học Quốc gia Tp.HCM	2018	5	Phân tích thiết kế hệ thống thông tin

28	Giáo trình phân tích và thiết kế hướng đối tượng	Trương Ninh Thuận, Đặng Đức Hạnh	Đại học quốc gia Hà Nội	2016	5	Phân tích thiết kế hệ thống thông tin
29	O'Reilly (2017)	Joseph Albahari and Ben Albahari.	O'Reilly	2017	1	Lập trình trên windows
30	Nhập môn HTML và CSS	Nguyễn Quang Hải	Giáo dục Việt Nam	2014	5	Thiết kế webs
31	Tài liệu hướng dẫn thực hành thiết kế và lập trình Web	Võ Quốc Lương, Nguyễn Hữu Vĩnh	Đại học Thủ Dầu Một	2017	1	Thiết kế webs
32	Toán rời rạc	Nguyễn Đức Nghĩa, Nguyễn Tô Thành	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội	2009	1	Lý thuyết đồ thị
33	Lý thuyết đồ thị và ứng dụng	Nguyễn Tuấn Anh (ch. b.), Nguyễn Trường Xuân, Nguyễn Văn Ngọc,...[và nh. ng. khác]	Giáo dục Việt Nam	2012	5	Lý thuyết đồ thị
34	Giáo trình Nguyên lý Hệ điều hành	Hồ Đắc Phương	Giáo dục Việt Nam	2010	3	Nguyên lý hệ điều hành
35	Operating system concepts	Silberschatz, Galvin, Gagne	Wiley	2018	1	Nguyên lý hệ điều hành
36	Nhập môn về kỹ thuật	Phạm Ngọc Tuấn (chủ biên) và [nh.ng. khác].	Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh	2014	3	Nhập môn ngành công nghệ thông tin
37	CCNA :Cisco certified network associate study guide	Todd Lammle	San Francisco, Calif :SYBEX	2005	4	Mạng máy tính
38	Giáo trình kỹ thuật lập trình C :Cơ sở và nâng cao	Phạm Văn Át, Đỗ Văn Tuấn	Thông tin và Truyền thông	2016	4	Kỹ thuật lập trình
39	Toán rời rạc	Nguyễn Hữu Anh	Lao động xã hội	2014	1	Toán rời rạc

40	C# network programming	Richard Blum	San Francisco	2003	1	Lập trình mạng
41	Computer networking	Stanford H. Rowe, Marsha L. Schuh	Upper Saddle River, NJ	2005	6	Mạng máy tính nâng cao
42	Computer security and cryptography	Alan G. Konheim	Wiley	2007	1	Mật mã học cơ sở
43	Điện toán đám mây	Huỳnh Quyết Thắng; Nguyễn Hữu Đức, Doãn Trung Tùng...và những người khác	Bách khoa Hà Nội	2014	1	Điện toán đám mây
44	Điện toán đám mây	Huỳnh Quyết Thắng ; Nguyễn Hữu Đức, Doãn Trung Tùng...và những người khác	Bách khoa Hà Nội	2014	1	Phân tích dữ liệu trên điện toán đám mây
45	Giáo trình nhập môn trí tuệ nhân tạo	Từ Minh Phương	Thông tin và Truyền thông	2016	5	Trí tuệ nhân tạo
46	Lập trình di động trên môi trường Android	Lê Văn Hạnh	Trường đại học Quốc tế Hồng Bàng	2014	1	Phát triển ứng dụng di động
47	Machine Learning	Tom M. Mitchell	NY. :McGraw-Hill	1997	1	Học máy
48	Nhập môn Linux và phần mềm mã nguồn mở	Hà Quốc Trung	Bách khoa Hà Nội	2018	5	Hệ điều hành linux
49	Quản lý dự án công nghệ thông tin	Lê Văn Phùng, Trần Nguyên Hương, Lê Hương Giang	Thông tin và Truyền thông	2015	5	Quản lý dự án công nghệ thông tin
50	Quản trị Windows Server 2008	Tô Thanh Hải; Phương Lan	Phương Đông	2009	5	Quản trị hệ thống



51	Software engineering, Alpha Science International Limited	G. Jeyakumar, V. Subashri, Shriram K Vasudevan, Prashant R. Nair	Alpha Science International Ltd	2017	1	Công nghệ phần mềm
52	Tài liệu hướng dẫn thực hành Thiết kế và lập trình Web	Nguyễn Hữu Vĩnh, Võ Quốc Lương	Trường Đại học Thủ Dầu Một	2017	1	Lập trình web
53	The Basics of Information Security: Understanding the Fundamentals of InfoSec in Theory and Practice	Jason Andress, Steven Winterfeld	Elsevier	2014	1	An toàn và bảo mật thông tin
54	Cơ sở và ứng dụng internet of things	Phan Văn Ca, Trương Quang Phúc	Đại học Quốc gia Tp.HCM	2017	1	Chuyên đề internet of thing
55	Dữ liệu lớn	Viktor Mayer- Schonberger, Kenneth Cukier; Vũ Duy Mẫn	Nxb. Trẻ	2017	3	Chuyên đề dữ liệu lớn
56	Fundamentals of Relational Database Management Systems	S. Sumathi, S. Esakkirajan	Springer	2007	1	An toàn ứng dụng web và csdl
57	Getting Started with React Native: Learn to build modern native iOS and Android applications using JavaScript and the incredible power of React	Ethan Holmes, Tom Bray	Packt Publishing	2015	1	Phát triển ứng dụng di động đa nền tảng
58	Giáo trình mạng và truyền dữ liệu	Nguyễn Ngọc Cương, Phạm Ngọc Lãng	Thông tin và Truyền thông	204	5	Công nghệ mạng không dây
59	Giáo trình phân tích thiết kế hệ thống hướng đối tượng bằng UML	Đoàn Văn Ban, Nguyễn Thị Tĩnh	Đại học sư phạm	2011	5	Phát triển hệ thống thông tin nhân sự tiền lương

60	Network Security Network Security Essentials: Application s and Standard	William Stallings	Prentice Hall Copyright	2011	1	An ninh mạng
61	Nhập môn Linux và phần mềm mã nguồn mở	TS Hà Quốc Trung	Bách khoa Hà Nội	2018	5	Phát triển phần mềm mã nguồn mở
62	Operating system concepts	A. Silberschatz & P.Abraham Silberschatz, Peter Baer Galvin, Greg Gagne.Galvin, John Wiley & Sons	Wiley	2018	1	An toàn hệ điều hành
63	OpenStack : building a cloud environment	Egle Sigler	Packt Publishing	2016	1	Phát triển ứng dụng trên điện toán đám mây

### 3.2. Danh mục sách chuyên khảo, tạp chí của ngành đào tạo.

Bảng 3.2 - Danh mục sách chuyên khảo, tạp chí của ngành đào tạo

TT	Tên sách chuyên khảo/tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản số, tập, năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho học phần	Đúng/ Không đúng so với hồ sơ	Ghi chú
2	Toán rời rạc - Ứng dụng trong tin học	Kenneth H.Rosen	NXB Thống Kê	1	Toán rời rạc		
3	Nhập môn logic học.	Phạm Đình Nghiệm.	Nxb. ĐHQG, Tp.HCM, 2007	10	Tư duy biện luận ứng dụng		
4	Hướng dẫn thực hành Adobe Dreamweaver CS6	Nguyễn Khải Hoàn	Giao thông vận tải, 2011	3	Thiết kế web		
5	Giáo trình mạng máy tính nâng cao	Trần Công Hùng		1	Mạng máy tính		
6	CCNA: Cisco certified network	Todd Lammle	SYBEX, 2005	4	Mạng máy tính		

	associate study guide (5 <sup>th</sup> )						
7	Quản trị mạng Windows Server 2008 (Tập 1,2)	Ngọc Bích, Tường Thụy	NXB Thông tin và Truyền thông, 2012	5	Quản trị hệ thống		
8	A Framework for Programming and Problem Solving	Kenneth A. Lambert, Martin Osborne,	Prentice Hall, 2003	30	Phương pháp lập trình hướng đối tượng		
9	Building Web Services with .NET Remoting and ASP.NET – Ashish Banerjee	Aravind Corera, Zach Greenvoss, Andrew owczyk, Christian Nagel, Chris Peiris, Thiru Thangarathinam, Brad Maiani.		5	Phát triển phần mềm theo hướng dịch vụ		
10	Nhập môn Linux và phần mềm mã nguồn mở	TS Hà Quốc Trung	Từ điển Bách khoa Hà Nội, 2011	40	Phát triển phần mềm mã nguồn mở		
11	Giáo trình Phân tích thiết kế hệ thống thông tin quản lý	Phạm Minh Tuấn	NXB Hà Nội, 2005	10	Phát triển hệ thống thông tin kế toán		
12	Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới và hội nhập (Đại hội VI, VII, VIII, IX, X, XI ),	Đảng Cộng sản Việt Nam	Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội. 2013	10	Tư tưởng hồ chí minh		
13	Toán cao cấp	Trần Ngọc Hội, Nguyễn Chính Thắng, Nguyễn Việt Đông	2009	13	Toán cao cấp a1, a2		
14	The \$100 Startup: Reinvent The Way You Make A Living, Do What You Love, And Create A New Future,	Chris Guillebeau	Crown Business, 2012	7	Đổi mới sang tạo và khởi nghiệp		
15	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	Hoàng Ngọc Nhậm	NXB Đại học Kinh tế TP. HCM.	10	Xác suất thống kê		
16	Cryptography: Theory and Practice -	DOUGLAS ROBERT STINTON	Hall/CRC, 2006.	6	An toàn và bảo mật thông tin		

	Chapman						
17	Big Data Made Easy - A Working Guide to the Complete Hadoop Toolset	Michael Frampton	Apress, 2014	10	Chuyên đề Dữ liệu lớn		
18	Cấu trúc dữ liệu và thuật toán	Trần Thông Quế.	Thông tin và Truyền thông	5	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật		
19	Nhập môn cơ sở dữ liệu quan hệ	Lê Tiên Vương	NXB Thống kê, 2009	4	Cơ sở dữ liệu		
20	C++ An Introduction to Computing, 3rd-Edition	Larry Nyhoff,	Joel Adams & amp	7	Cơ sở lập trình		
21	Architecting the Cloud - Design Decisions for Cloud Computing Service Models	Michael J. Kavis	Wiley, 2014	12	Điện toán đám mây		
22	UNIX Operating System – The Development Tutorial via UNIX Kernel Services.	Yukun Liu, Yong Yue, Liwei Guo	Springer, 2011	13	Đồ án chuyên ngành		
23	Giáo trình phân tích thiết kế phần mềm	Đỗ Văn Uy- Nguyễn Ngọc Bình,	Đại học Bách Khoa Hà Nội, 2001	15	Hệ Điều Hành Unix - Linux		
24	Agile ERP	Gerard Meszaros, Janice Aston	2007	10	Hệ kế hoạch nguồn lực doanh nghiệp		
25	Bài giảng Hệ Quản Trị Cơ Sở Dữ Liệu		Trường Đại học Hàng Hải Việt Nam, 2011	7	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu		
26	Beginning Arduino Programming	Brian Evans	Technology in AcTion,	12	Chuyên đề internet of things		
27	Discovering Knowledge in Data – An Introduction to Data Mining	Daniel T. Larose	Wiley & Sons, 2005	12	Khai phá dữ liệu trên điện toán đám mây		
28	The C programming language	Brian W. Kernighan, Dennis M. Ritchie	Prentice Hall International	5	Kỹ thuật lập trình		

			Editions, 1997				
29	The java programming language (Vol. 2)	Arnold, K., Gosling, J., Holmes, D., & Holmes, D.	Reading: Addison-wesley, 2000	3	Lập trình java		
30	Kỹ thuật xây dựng ứng dụng ASP.net	Nguyễn Văn Lân	Lao động xã hội, 2008	5	Lập trình web		
31	Computer Networks, Fourth Edition	Andrew S. Tanenbeau	Prentice Hall Inc, 2003	6	Mạng máy tính		
32	Operating System Concepts	Silberschatz, Galvin, Gagne	John Wiley & Sons, 2013	4	Nguyên lý hệ điều hành		
33	Exploring Engineering: An Introduction to Engineering and Design	Philip K., Robert B., William K., George W.	Second edition Elsevier, 2010	5	Nhập môn ngành công nghệ thông tin		
34	Phân tích thiết kế hệ thống hướng đối tượng bằng UML	Phạm Nguyễn Cương- Hồ Tường Vinh	KHTN-TP HCM, 2015	12	Phân tích thiết và kế hệ thống thông tin		

2.6. Danh sách các cơ sở thực hành thực tập ngoài cơ sở đào tạo  
Hồ sơ kèm Biên bản kiểm tra điều kiện thực tế của cơ sở

....., ngày..... tháng .... năm....

**Thủ trưởng cơ sở đào tạo**  
(Ký tên, đóng dấu)

## Phụ lục III

(Kèm theo Thông tư số: /2017/TT- BGDDĐT ngày tháng năm 2017  
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT  
Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Dương, ngày tháng năm

### ĐỀ ÁN ĐĂNG KÝ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

Tên ngành: Công nghệ thông tin; Mã số: 7480201

Trình độ đào tạo: Đại học chính quy

#### Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

- Căn cứ Luật Giáo dục Đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012;
  - Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 04 năm 2015 của Bộ giáo dục và Đào tạo Ban hành quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;
  - Căn cứ thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT ngày 6 tháng 9 năm 2017 của Bộ giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học;
  - Căn cứ thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Bộ giáo dục và Đào tạo Ban hành danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học;
- Trường Đại học Thủ Dầu Một kính trình đề án đăng ký mở mã ngành đào tạo; Tên ngành: Công nghệ thông tin; Mã số: 7480201; Trình độ đào tạo: Đại học chính quy như sau:

#### I. Sự cần thiết mở ngành đào tạo

##### 1. Giới thiệu khái quát về cơ sở đào tạo

Ngày 24 tháng 6 năm 2009, Đại học Thủ Dầu Một được thành lập theo Quyết định số 900/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Qua 10 năm hoạt động, Trường đã định hình là trường Đại học đa ngành, đa lĩnh vực phát triển theo định hướng ứng dụng, phát triển theo mô hình đại học tiên tiến. Với triết lý “Khát vọng – Trách nhiệm – Sáng tạo”, trường Đại học Thủ Dầu Một đã khẳng định vị thế của một đơn vị đào tạo, nghiên cứu khoa học chất lượng cao, là đại diện tiêu biểu cho sức mạnh tri thức của tỉnh Bình Dương. Bộ máy Trường gồm Hội đồng Trường, Ban Giám hiệu, Hội đồng Khoa học và Đào tạo, 08 khoa, 15 phòng, ban chức năng và 11 trung tâm, 02 viện nghiên cứu. Tháng 11 năm 2017, trường Đại học Thủ Dầu Một đã hoàn thành công tác kiểm định và nhận giấy chứng nhận đạt chuẩn chất lượng quốc gia. Nhà trường đã hoàn thành kiểm định chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn Bộ giáo dục và đào tạo (4 chương trình) và theo tiêu chuẩn AUN-QA (4 chương trình).

**Về nhân sự,** đến tháng 06/2019, đội ngũ cán bộ khoa học của trường có 02 giáo sư, 18 phó giáo sư, 120 tiến sĩ, 480 thạc sĩ, 112 cán bộ - giảng viên đang làm nghiên cứu sinh trong và ngoài nước.

**Về đào tạo,** đến tháng 6/2019, quy mô của Trường là 15.000 sinh viên chính quy và 1.000 học viên cao học đang học tập và nghiên cứu ở 31 chương trình đào tạo đại học, 9 chương trình đào tạo cao học và 1 chương trình đào tạo tiến sĩ, thuộc các lĩnh vực kinh tế, kỹ thuật công nghệ, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội nhân văn, sư phạm. Tỷ lệ có việc làm ngay khi ra trường là trên 80%, tỷ lệ có việc làm ở khối ngành kinh tế, sư phạm cao hơn; tỷ lệ sinh viên khối ngành kỹ thuật, ngoại ngữ có việc làm bán thời gian phù hợp với chuyên ngành đào tạo từ khi chưa ra trường khá cao.

**Về nghiên cứu khoa học,** mục tiêu chiến lược là nghiên cứu về Đông Nam Bộ - Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Đại học Thủ Dầu Một đang đầu tư mạnh mẽ cho hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, tập trung nghiên cứu về công nghệ sinh học, nông nghiệp đô thị, chất lượng giáo dục, thành phố thông minh, trường học thông minh. Tỷ lệ giảng viên tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học là 70%. Sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học tỷ lệ cao.

**Về hợp tác quốc tế,** Trường đã thiết lập quan hệ hợp tác, liên kết đào tạo với hơn 50 đơn vị giáo dục trên thế giới; đồng thời ký kết hợp tác cung ứng lao động chất lượng cao cho các doanh nghiệp nước ngoài đang đóng trên địa bàn tỉnh Bình Dương. Bên cạnh đó, từ năm 2010, Trường hỗ trợ đào tạo cho các sinh viên nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào theo thỏa thuận hỗ trợ hợp tác giữa tỉnh Bình Dương và tỉnh Champasak, cụ thể là đào tạo nguồn nhân lực ở hai ngành Kinh tế và Công nghệ thông tin.

Trong chiến lược phát triển đến năm 2020, Đại học Thủ Dầu Một sẽ hoàn thiện hệ thống đào tạo gồm 47 ngành đại học, 22 ngành cao học, 09 ngành tiến sĩ với quy mô là 15.100 học viên – sinh viên (ĐH: 14.000, Sau ĐH: 1.100), trở thành cơ sở đào tạo ngang tầm với các trường đại học có uy tín trong nước, tiến tới tiếp cận chuẩn mực giáo dục đại học khu vực và thế giới. Đến năm 2025, tỷ lệ ngành đào tạo theo định hướng nghiên cứu là 40% tổng số ngành đào tạo, tiến tới đạt tỷ lệ 60%; ngành đào tạo sau đại học chiếm 60% trên tổng số ngành đại học.

Cơ cấu tổ chức bộ máy của Trường bao gồm: 08 khoa, 15 phòng, ban chức năng và 11 trung tâm, 02 viện nghiên cứu và hiện đang tọa lạc tại: số 06 Trần Văn Ôn, P. Phú Hòa, Tp. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Khuôn viên Trường rộng 6,74 ha. Đây là nơi học tập, nghiên cứu của gần 19.000 CB-GV, SV của Trường. Ngoài ra, cơ sở đang xây dựng của Trường: tọa lạc tại Khu công nghiệp Mỹ Phước, Bến Cát với diện tích 57,6 ha được đầu tư xây dựng hiện đại, tích hợp nhiều công năng phục vụ hiệu quả công tác đào tạo, nghiên cứu của Trường trong tương lai.

## **2. Trình bày sự cần thiết về việc mở ngành**

### **2.1 Xu hướng và chính sách quốc gia**

Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư (Industry 4.0) đang diễn ra trên toàn cầu, vừa là thách thức nhưng cũng vừa là cơ hội rất tốt để Việt Nam có thể tận dụng xử lý hàng loạt vấn đề lớn trong phát triển kinh tế đất nước và tái cơ cấu trong lĩnh vực công nghiệp, cải tiến mô hình tổ chức sản xuất công nghiệp theo hướng tối ưu hóa các nguồn lực đầu vào, đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa và phát triển các ngành công nghiệp mới.

Trong bối cảnh này, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018, Nghị quyết số 36-NQ/TW, Nghị quyết số 52-NQ/TW trong việc phát triển công nghiệp CNTT, điện tử - viễn thông Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 khẳng định tận dụng tối đa lợi thế của đất nước đang trong thời kỳ cơ cấu dân số vàng, khai thác triệt để thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4, lợi thế thương mại để phát triển nhanh, chuyên sâu một số ngành công nghiệp nền tảng, chiến lược, có lợi thế cạnh tranh. Phát triển công nghiệp công nghệ thông tin, công nghiệp điện tử là con đường chủ đạo; phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo là trung tâm; phát triển công nghiệp chế tạo thông minh là bước đột phá; chú trọng phát triển công nghiệp xanh. Ngoài ra, trong Chiến lược phát triển công nghiệp Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035 Chính phủ đã xác định 3 nhóm ngành công nghiệp lựa chọn ưu tiên phát triển, gồm: Công nghiệp chế biến chế tạo, Ngành Điện tử và viễn thông, Năng lượng mới và năng lượng tái tạo. Đối với ngành Điện tử và viễn thông giai đoạn 2025, ưu tiên phát triển sản phẩm thiết bị máy tính, điện thoại, linh kiện. Giai đoạn sau năm 2025, ưu tiên phát triển phần mềm, nội dung số, dịch vụ Công nghệ thông tin và điện tử y tế.

Đồng thời Chiến lược cũng định hướng quy hoạch không gian theo các vùng lãnh thổ sẽ bao gồm vùng công nghiệp lõi và vùng công nghiệp đệm, trong đó các địa phương thuộc vùng lõi gồm 4 vùng kinh tế trọng điểm và 5 khu kinh tế biển được ưu tiên phát triển. Quy hoạch đề ra mục tiêu, định hướng đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030. Quy hoạch tập trung vào 10 ngành công nghiệp chủ yếu như: ngành cơ khí - luyện kim; ngành hóa chất; ngành điện tử, công nghệ thông tin; ngành dệt may - da giày; ngành chế biến nông lâm thủy sản, thực phẩm, đồ uống; ngành sản xuất vật liệu xây dựng; ngành khai thác và chế biến khoáng sản; ngành điện; ngành than; ngành dầu khí. Điểm mới của Quy hoạch giai đoạn này định hướng phát triển công nghiệp hỗ trợ tập trung vào 3 ngành gồm cơ khí - luyện kim; điện tử - tin học, dệt may - da giày. Trong đó xác định xây dựng các khu, cụm công nghiệp hỗ trợ tại Hà Nội, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Hưng Yên, Hải Phòng, Đồng Nai, Bà Rịa-Vũng Tàu, Bình Dương, Tây Ninh và Đà Nẵng.

## *2.2 Xu hướng phát triển nguồn nhân lực của vùng và địa phương*

Vùng Đông Nam Bộ (bao gồm 6 tỉnh, thành phố: TP. Hồ Chí Minh, tỉnh Tây Ninh, Bình Phước, Bình Dương, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu) có vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của cả nước; hội tụ phần lớn các điều kiện và lợi thế nổi trội để phát triển công nghiệp, dịch vụ, đi đầu trong



sự nghiệp công nghiệp hóa – hiện đại hóa; đặc biệt là phát triển công nghiệp công nghệ cao, cơ khí, công nghiệp điện tử, công nghệ thông tin, công nghiệp dầu khí và sản phẩm hóa dầu; phát triển dịch vụ cao cấp, dịch vụ du lịch, dịch vụ viễn thông, tài chính, ngân hàng; nghiên cứu ứng dụng và triển khai khoa học – công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao.... (theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong Hội nghị “Quy hoạch phát triển nhân lực các tỉnh vùng Đông Nam Bộ giai đoạn 2011-2020” ngày 27 tháng 12 năm 2010 tại Thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương).

Dự báo xác định nhu cầu nhân lực có trình độ tại TP Hồ Chí Minh trong giai đoạn 2015 – 2020 đến năm 2025, dự kiến nhu cầu nhân lực 1 năm khoảng 270.000 chỗ việc làm trọng tâm tập trung vào 4 nhóm ngành công nghiệp chính bao gồm: Cơ khí, Điện tử - Công nghệ thông tin, Chế biến lương thực thực phẩm, Hóa chất – Nhựa cao su.

Ngoài ra, tỉnh Bình Dương, với định hướng 6 nhóm ngành công nghiệp trọng điểm ưu tiên phát triển là cơ khí, điện tử, hóa chất, công nghiệp hỗ trợ, chế biến nông sản, thực phẩm, sản xuất vật liệu xây dựng cao cấp và 3 nhóm sản phẩm công nghiệp chủ lực là nhóm sản phẩm điện - điện tử - viễn thông, đã thu hút trên 8.500 dự án đầu tư, trong đó có trên 2.000 dự án đầu tư nước ngoài với tổng vốn 11 triệu USD. Vì vậy, nhu cầu về lao động nghề hàng năm của các doanh nghiệp ở Bình Dương là rất cao.

Tổng hợp từ những yếu tố trên, Khoa Kỹ thuật – Công nghệ của trường Đại học Thủ Dầu Một, đơn vị trực tiếp đảm nhận nhiệm vụ đào tạo nhận thấy việc tăng cường quy mô đào tạo kỹ sư ngành Công nghệ thông tin là cần thiết. Đồng thời với những đầu tư vào công tác đào tạo cán bộ giảng dạy, nâng cấp cơ sở vật chất, tăng cường quản lý và giám sát quá trình đào tạo, tăng thời lượng thực hành và triết lý giáo dục hòa hợp tích cực. Đây chính là những thế mạnh của Trường Đại học Thủ Dầu Một. Điều này đảm bảo cho Khoa Kỹ thuật – Công nghệ có môi trường đào tạo thuận lợi để phát triển đào tạo ngành Công nghệ thông tin có chất lượng cao đáp ứng được nhu cầu xã hội.

## II. Tóm tắt điều kiện mở ngành đào tạo

### A - Năng lực cơ sở đào tạo.

1. Đội ngũ giảng viên và kỹ thuật viên cơ hữu của cơ sở

#### 1.1. Đội ngũ giảng viên cơ hữu của chương trình đào tạo

*Bảng 1.1.1. Danh sách giảng viên cơ hữu đứng ngành đào tạo*

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong, Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành	Năm, nơi tham gia giảng dạy
----	---------------------------------------	---	--------------	-----------------------------

1	Lê Tuấn Anh Năm sinh: 1974 Chức vụ: Trưởng Khoa Kỹ thuật -Công nghệ	PGS: năm 2016 Tiến sĩ, Hàn Quốc, năm: 2012	Kỹ thuật máy tính	Theo lý lịch khoa học
2	Bùi Thanh Hùng Năm sinh: 1980 Giảng viên	Tiến sĩ, Nhật Bản, năm 2013	Khoa học máy tính	Theo lý lịch khoa học
3	Vũ Văn Nam Năm sinh: 1967 Giảng viên	Thạc sĩ Giảng viên chính năm: 2001	Công nghệ thông tin	Theo lý lịch khoa học
4	Nguyễn Hữu Vĩnh Năm sinh: 1975 Giảng viên	Thạc sĩ, Việt Nam, năm 2011	Truyền dữ liệu và Mạng máy tính	Theo lý lịch khoa học
5	Nguyễn Thị Thủy Năm sinh: 1982 Giảng viên	Thạc sĩ, Việt Nam, Năm 2010	Khoa học máy tính	Theo lý lịch khoa học
6	Nguyễn Ngọc Thận Năm sinh: 1974 Giảng viên	Thạc sĩ, Việt Nam, Năm 2007	Công nghệ thông tin	Theo lý lịch khoa học
7	Võ Quốc Lương Năm sinh: 1982 Giảng viên	Thạc sĩ, Việt Nam, Năm 2010	Khoa học máy tính	Theo lý lịch khoa học
8	Trần Văn Tài Năm sinh: 1986 Giảng viên	Thạc sĩ, Việt Nam , năm 2016	Khoa học máy tính	Theo lý lịch khoa học
9	Nguyễn Đình Thọ Năm sinh: 1985 Giảng viên	Thạc sĩ, Việt Nam, năm 2015	Công nghệ thông tin	Theo lý lịch khoa học
10	Nguyễn Kim Duy Năm sinh: 1983 Giảng viên	Thạc sĩ, Việt Nam, Năm 2016	Công nghệ thông tin	Theo lý lịch khoa học

*Bảng 1.1.2. Danh sách giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy*

<b>TT</b>	<b>Họ và tên, năm sinh</b>	<b>Chức danh KH, năm công nhận</b>	<b>Học vị, năm công nhận</b>	<b>Ngành, chuyên ngành</b>	<b>Học phần dự kiến đảm nhiệm</b>
1	Lê Tuấn Anh Năm sinh: 1974	PGS, năm 2016	Tiến sĩ, Hàn Quốc, năm: 2012	Kỹ thuật máy tính	Nhập môn ngành công nghệ thông tin, Nguyên lý hệ điều hành
2	Nguyễn Thị Kim Ngân Năm sinh: 1983		Tiến sĩ, Pháp, năm 2010	Toán học	Toán cao cấp A1

3	Phan Thanh Bằng Năm sinh: 1957		Thạc sĩ, Việt Nam, năm:		Tư tưởng Hồ Chí Minh, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Những vấn đề kinh tế - xã hội Đông Nam bộ, Triết học Mác – Lênin, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Kinh tế chính trị Mác - Lênin
4	Trương Hải Huyền Thanh Năm sinh: 1989		Thạc sỹ: Hàn Quốc, 2014	Quản trị Marketing	Quản trị doanh nghiệp, Quản trị Marketing
5	Lê Văn Gấm Năm sinh: 1990		Thạc Sỹ, Việt Nam, 2019	Luật	Pháp luật đại cương
6	Huỳnh Duy Nhân Năm sinh: 1974		Thạc sĩ, Việt Nam, năm 2008	Vật lý chất rắn	Vật lý đại cương 1
7	Võ Viết Trí Năm sinh: 1966		Tiến sĩ, Việt Nam, Năm 2016	Toán học – Giải tích toán học	Toán cao cấp A2
8	Triệu Nguyên Hùng Năm sinh: 1982		Thạc sĩ, Việt Nam, năm 2008	Xác suất thống kê toán	Xác suất thống kê (A)
9	Bùi Thanh Hùng Năm sinh: 1980		Tiến sĩ, Nhật Bản, năm 2013	Khoa học máy tính	Nghiên cứu khoa học, Cơ sở lập trình trong phân tích dữ liệu
10	Vũ Văn Nam Năm sinh: 1967		Thạc sĩ Giảng viên chính năm: 2001	Công nghệ thông tin	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật, Lập trình trên Windows
11	Nguyễn Hữu Vĩnh Năm sinh: 1975		Thạc sĩ, Việt Nam, năm 2011	Truyền dữ liệu và Mạng máy tính	Thiết kế Web, Lập trình Web
12	Nguyễn Thị Thùy Năm sinh: 1982		Thạc sĩ, Việt Nam, Năm 2010	Khoa học máy tính	Cơ sở dữ liệu, Hệ quản trị cơ sở dữ liệu
13	Nguyễn Ngọc Thận Năm sinh: 1974		Thạc sĩ, Việt Nam, Năm 2007	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm
14	Võ Quốc Lương Năm sinh: 1982		Thạc sĩ, Việt Nam, Năm 2010	Khoa học máy tính	Mạng máy tính, Mạng máy tính nâng cao, Quản

					trị hệ thống, Kiểm thử xâm nhập
15	Trần Văn Tài Năm sinh: 1986		Thạc sĩ, Việt Nam, năm 2016	Khoa học máy tính	Cơ sở lập trình, Kỹ thuật lập trình, Hệ điều hành mạng linux
16	Nguyễn Đình Thọ Năm sinh: 1985		Thạc sĩ, Việt Nam, năm 2015	Công nghệ thông tin	Đồ án cơ sở ngành, Điện toán đám mây, Phát triển phần mềm mã nguồn mở
17	Nguyễn Kim Duy Năm sinh: 1983		Thạc sĩ, Việt Nam, Năm 2016	Công nghệ thông tin	Lý thuyết đồ thị, Phân tích dữ liệu trên điện toán đám mây
18	Nguyễn Xuân Dũng Năm sinh: 1949		Tiến sĩ, Tiệp Khắc, năm: 1989	Tin học – Điều khiển học	Toán rời rạc, Trí tuệ nhân tạo
19	Hoàng Mạnh Hà Năm sinh: 1971 Giảng viên		Tiến sĩ, Việt Nam, năm 2012	Đảm bảo toán học cho máy tính và hệ thống tính toán	Kiến trúc máy tính và hợp ngữ, Học máy
20	Dương Kim Chi Năm sinh: 1978 Giảng viên		Thạc sĩ-NCS, Việt Nam, năm: 2009	Tin học	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin, Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp ERP, Chuyên đề Dữ liệu lớn
21	Cao Thanh Xuân Năm sinh: 1977 Giảng viên		Thạc sĩ, Việt Nam, năm 2009	Khoa học máy tính	Quản lý dự án công nghệ thông tin
22	Hồ Đắc Hưng Năm sinh: 1991 Giảng viên		Thạc sĩ, Việt Nam, Năm 2016	Hệ thống thông tin	Phát triển ứng dụng di động, Mật mã học cơ sở, Phát triển ứng dụng di động đa nền tảng, Các kỹ thuật giấu tin
23	Trần Cẩm Tú Năm sinh: 1985 Giảng viên		Thạc sĩ, Việt Nam, Năm 2017	Khoa học máy tính	Lập trình mạng, An ninh mạng, Công nghệ mạng không dây

24	Trần Bá Minh Sơn Năm sinh: 1982 Giảng viên		Thạc sĩ, Việt Nam, năm: 2009	Khoa học máy tính	Đổi mới, sáng tạo và khởi nghiệp, Chuyên đề Internet of Things
25	Nguyễn Hải Vĩnh Cường Năm sinh: 1991 Giảng viên		Thạc sĩ, Việt Nam , năm 2018	Khoa học máy tính	Phát triển ứng dụng trên điện toán đám mây, An toàn hệ điều hành, An toàn ứng dụng Web và CSDL
26	Nguyễn Tấn Lộc Năm sinh 1984		Thạc sĩ, Việt Nam , năm 2013	Công nghệ thông tin	Phương pháp lập trình hướng đối tượng
27	Võ Thị Diễm Hương Năm sinh: 1985		Thạc sĩ, Việt Nam , năm 2017	Hệ thống Thông tin	An toàn và bảo mật thông tin, Phát triển hệ thống thông tin nhân sự và tiền lương

## 1.2. Đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên hướng dẫn thí nghiệm cơ hữu

*Bảng 1.2.1. Danh sách kỹ thuật viên, nhân viên hướng dẫn thí nghiệm cơ hữu phục vụ ngành đăng ký đào tạo*

Số TT	Họ và tên, năm sinh	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, năm tốt nghiệp	Phụ trách PTN, thực hành	Phòng thí nghiệm, thực hành phục vụ học phần nào trong CTĐT
1	Nguyễn Thế Bảo Năm sinh: 1985	Thạc sĩ, 2018	Phòng thực hành máy tính	Các học phần cơ sở ngành.
2	Võ Văn Lên Năm sinh:1987	Thạc sĩ, 2019	Phòng thực hành máy tính	Các học phần liên quan đến xây dựng và phát triển phần mềm, kiểm thử phần mềm
3	Ngô Thị Ngọc Dịu Năm sinh: 1980	Thạc sĩ, 2018	Phòng thực hành máy tính	Các học phần chuyên ngành: phân tích và xử lý dữ liệu, máy học, trí tuệ nhân tạo
4	Ngô Hồng Minh Năm sinh: 1983	Thạc sĩ, 2011	Phòng thực hành máy tính	Các học phần chuyên sâu

5	Đặng phạm Hữu Thảo Năm sinh: 1984	Thạc sĩ, 2011	Phòng thí nghiệm thành phố thông minh	Các học phần thực hành IoT, viễn thông, phân tích dữ liệu, trí tuệ nhân tạo, đồ án, báo cáo tốt nghiệp.
---	--------------------------------------	------------------	---------------------------------------	---

## 2. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

### 2.1. Phòng học, giảng dạy, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy

*Bảng 2.1 – Danh sách phòng học, giảng dạy, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy*

Số TT	Loại phòng học (Phòng học, giảng đường, phòng học đa phương tiện, phòng học chuyên dụng)	Số lượng	Diện tích (m2)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy		
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần
1	Phòng học từ 20 – 30 chỗ ngồi	23		Tivi 65 inch	1	
2	Phòng học từ 40 – 60 chỗ ngồi	91		Tivi 65 inch	1	
3	Phòng học từ 63 – 84 chỗ ngồi	42		Tivi 65 inch	1	
4	Phòng học từ 90-160 chỗ ngồi	16		Tivi 65 inch	1	
5	Hội trường 1 sức chứa 250 chỗ ngồi	01		Màn hình 300 inch	1	
6	Hội trường 2 sức chứa 660 chỗ ngồi	01		Màn hình 300 inch	1	
7	Phòng máy tính	09		Bộ máy vi tính để bàn	500	
8	Phòng thí nghiệm dữ liệu lớn	01				

### 2.2. Phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành và trang thiết bị phục vụ thí nghiệm, thực hành

*Bảng 2.2 – Danh sách phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành và trang thiết bị phục vụ thí nghiệm, thực hành*

Số TT	Tên phòng thí nghiệm, xưởng, trạm trại, cơ sở thực hành	Diện tích (m2)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ thí nghiệm, thực hành		
			Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ môn học / học phần

1	Phòng thực hành máy tính 1	100	Máy tính	50	Các học phần chuyên sâu
			Máy chiếu	1	
2	Phòng thực hành máy tính 2	100	Máy tính	50	Các học phần chuyên sâu
			Máy chiếu	1	
3	Phòng thực hành máy tính 3	100	Máy tính	50	Các học phần chuyên ngành: phân tích và xử lý dữ liệu, máy học, trí tuệ nhân tạo
			Máy chiếu	1	
4	Phòng thực hành máy tính 4	100	Máy tính	50	Các học phần chuyên ngành: phân tích và xử lý dữ liệu, máy học, trí tuệ nhân tạo
			Máy chiếu	1	
5	Phòng thực hành máy tính 5	100	Máy tính	60	Các học phần chuyên ngành: Phát triển phần mềm kiểm thử phần mềm
			Máy chiếu	1	
6	Phòng thực hành máy tính 6	100	Máy tính	60	Các học phần chuyên ngành: phát triển phần mềm, kiểm thử phần mềm
			Máy chiếu	1	
7	Phòng thực hành máy tính 7	100	Máy tính	60	Các học phần cơ sở ngành.
			Máy chiếu	1	
8	Phòng thực hành máy tính 8	100	Máy tính	60	Các học phần cơ sở ngành.
			Máy chiếu	1	
9	Phòng thực hành máy tính 9	100	Máy tính	60	Các học phần cơ sở ngành.
			Máy chiếu	1	
10	Phòng thí nghiệm thành phố thông minh	100	Bộ máy vi tính để bàn	11	Các học phần thực hành IoT, viễn thông, phân tích dữ liệu, trí tuệ nhân tạo, đồ án, báo cáo tốt nghiệp.
			Máy in 3D	1	
			Hệ thống thực tập mạng máy tính Cisco	1	
			Hệ thống truyền thông băng rộng	1	
11	Phòng máy tính hiệu năng cao	50	Máy tính hiệu năng cao	1	Các học phần Đồ án, báo cáo tốt nghiệp

### 3. Thư viện

- Diện tích thư viện: 1.980 m<sup>2</sup>;
- Diện tích phòng đọc: 1.410 m<sup>2</sup>;
- Số chỗ ngồi: 468;
- Số lượng máy tính phục vụ tra cứu: 40;
- Phần mềm quản lý thư viện: Libol 6.0;
- Thư viện điện tử: elib.tdmu.edu.vn với sách 2.750, bài báo 5.600.

### 3.1. Danh mục giáo trình của ngành đăng ký đào tạo

Bảng 3.1 - Danh mục giáo trình của ngành đăng ký đào tạo

STT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho học phần
1	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Ngô Đình Qua	Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh	2013	5	Nghiên cứu khoa học
2	Tư duy biện luận ứng dụng	Dương Thị Hoàng Oanh, Nguyễn Xuân Đạt	Đại học Quốc Gia Tp.HCM	2015	10	Tư duy biện luận ứng dụng
3	Giáo trình triết học Mác – Lênin	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội	2019		Triết học mác - lenin
4	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội	2019		Kinh tế chính trị mác - lenin
5	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội	2019		Chủ nghĩa xã hội khoa học
6	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội	2019		Tư tưởng hồ chí minh
7	Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội	2013	30	Lịch sử đảng cộng sản việt nam
8	Tiềm năng kinh tế Đông Nam Bộ	Trần Hoàng Kim	Nhà xuất bản Thống kê	1995	1	Những vấn đề kinh tế - xã hội đông nam bộ
9	Marketing căn bản	Quách Thị Bửu Châu, Đinh Tiên Minh, Nguyễn Công Dũng, Đào Hoài Nam, Nguyễn Văn Trung	NXB. Lao động	2016	10	Quản trị marketing
10	Giáo trình pháp luật đại cương	Vũ Quang	Bách khoa Hà Nội	2017	10	Pháp luật đại cương



11	Quản trị doanh nghiệp : Lý thuyết, nghiên cứu và thực hành	H. Kent Baker, Ronald Anderson; Lê Đạt Chí, Trần Thị Hải Lý, Nguyễn Minh Ngọc, Nguyễn Anh Tú (dịch)	Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh	2012	10	Quản trị doanh nghiệp
12	Khởi nghiệp 4.0 : Kinh doanh thông minh trong cách mạng công nghiệp 4.0	H. : Harvard Business review Press	NXB. Lao động	2017	5	Đổi mới, sáng tạo và khởi nghiệp
13	Toán cao cấp A2	Trần Ngọc Hội (ch.b.), Trịnh Thị Thanh Hải, Võ Thanh Hải	NXB Đại học quốc gia TPHCM	2016	5	Toán cao cấp a2
14	Giáo trình toán cao cấp A1	Nguyễn Quang Huy, Lê Thị Mai Trang, Hoàng Thị Minh Thảo	NXB Đại học quốc gia TPHCM	2017	5	Toán cao cấp a1
15	Toán kỹ thuật	Nguyễn Văn Kính	NXB Đại học Quốc gia TPHCM	2015	5	Toán kỹ thuật
16	Lý thuyết xác suất thống kê	Lê Khánh Luận, Nguyễn Thanh Sơn	NXB Đại học Quốc gia TPHCM	2013	10	Xác suất thống kê
17	Giáo trình Vật lý đại cương A1	Võ Văn Ôn (chủ biên), Huỳnh Duy Nhân, Nguyễn Thị Huỳnh Nga, Nguyễn Đức Hào	NXB Đại học Huế	2017	10	Vật lý đại cương a1
18	Giáo trình Vật lý đại cương A1	Võ Văn Ôn (chủ biên), Huỳnh Duy Nhân, Nguyễn Thị Huỳnh Nga, Nguyễn Đức Hào	NXB Đại học Huế	2017	10	Tt. Vật lý đại cương a1

19	Giáo trình Vật lý đại cương A2	Võ Văn Ôn (chủ biên), Huỳnh Duy Nhân, Nguyễn Thị Huỳnh Nga, Nguyễn Đức Hào	NXB Đại học Huế	2017	10	Vật lý đại cương a2
20	Giáo trình Vật lý đại cương A2	Võ Văn Ôn (chủ biên), Huỳnh Duy Nhân, Nguyễn Thị Huỳnh Nga, Nguyễn Đức Hào	NXB Đại học Huế	2017	10	Thực hành vật lý đại cương a2
21	Kỹ thuật lập trình C - Cơ sở và nâng cao	Phạm Văn Át	NXB Khoa học và kỹ thuật.	2016	4	Cơ sở lập trình, kỹ thuật lập trình, cấu trúc dữ liệu và giải thuật
22	Data structure and algorithm with C	Suman Halder, Debdutta Pal.	Alpha Science International Ltd.,	2018	1	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật
23	Kiến trúc máy tính tiên tiến	Trần Công Hùng	NXB Thông tin và truyền thông	2011	5	Kiến trúc máy tính và hợp ngữ
24	Giáo trình C++ & Lập trình hướng đối tượng	Phạm Văn Át chủ biên, Lê Trường Thông	Bách khoa Hà Nội	2017	5	Phương pháp lập trình hướng đối tượng
25	Nhập môn cơ sở dữ liệu - Databases: a beginner's guide	Andrew J. (Andy) Oppel	Trường Đại học FPT (dịch)	2016	5	Cơ sở dữ liệu
26	Microsoft SQL Server 2008 - Quản trị cơ sở dữ liệu	Phạm Hữu Khang (chủ biên); Phương Lan (hiệu đính)	NXB Lao Động – Xã Hội	2009	10	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu
27	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin	Ngô Minh Vương chủ biên	Đại học Quốc gia Tp.HCM	2018	5	Phân tích thiết kế hệ thống thông tin

28	Giáo trình phân tích và thiết kế hướng đối tượng	Trương Ninh Thuận, Đặng Đức Hạnh	Đại học quốc gia Hà Nội	2016	5	Phân tích thiết kế hệ thống thông tin
29	O'Reilly (2017)	Joseph Albahari and Ben Albahari.	O'Reilly	2017	1	Lập trình trên windows
30	Nhập môn HTML và CSS	Nguyễn Quang Hải	Giáo dục Việt Nam	2014	5	Thiết kế webs
31	Tài liệu hướng dẫn thực hành thiết kế và lập trình Web	Võ Quốc Lương, Nguyễn Hữu Vĩnh	Đại học Thủ Dầu Một	2017	1	Thiết kế webs
32	Toán rời rạc	Nguyễn Đức Nghĩa, Nguyễn Tô Thành	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội	2009	1	Lý thuyết đồ thị
33	Lý thuyết đồ thị và ứng dụng	Nguyễn Tuấn Anh (ch. b.), Nguyễn Trường Xuân, Nguyễn Văn Ngọc,...[và nh. ng. khác]	Giáo dục Việt Nam	2012	5	Lý thuyết đồ thị
34	Giáo trình Nguyên lý Hệ điều hành	Hồ Đắc Phương	Giáo dục Việt Nam	2010	3	Nguyên lý hệ điều hành
35	Operating system concepts	Silberschatz, Galvin, Gagne	Wiley	2018	1	Nguyên lý hệ điều hành
36	Nhập môn về kỹ thuật	Phạm Ngọc Tuấn (chủ biên) và [nh.ng. khác].	Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh	2014	3	Nhập môn ngành công nghệ thông tin
37	CCNA :Cisco certified network associate study guide	Todd Lammle	San Francisco, Calif :SYBEX	2005	4	Mạng máy tính
38	Giáo trình kỹ thuật lập trình C :Cơ sở và nâng cao	Phạm Văn Át, Đỗ Văn Tuấn	Thông tin và Truyền thông	2016	4	Kỹ thuật lập trình
39	Toán rời rạc	Nguyễn Hữu Anh	Lao động xã hội	2014	1	Toán rời rạc
40	C# network programming	Richard Blum	San Francisco	2003	1	Lập trình mạng

41	Computer networking	Stanford H. Rowe, Marsha L. Schuh	Upper Saddle River, NJ	2005	6	Mạng máy tính nâng cao
42	Computer security and cryptography	Alan G. Konheim	Wiley	2007	1	Mật mã học cơ sở
43	Điện toán đám mây	Huỳnh Quyết Thăng; Nguyễn Hữu Đức, Doãn Trung Tùng...và những người khác	Bách khoa Hà Nội	2014	1	Điện toán đám mây
44	Điện toán đám mây	Huỳnh Quyết Thăng ; Nguyễn Hữu Đức, Doãn Trung Tùng...và những người khác	Bách khoa Hà Nội	2014	1	Phân tích dữ liệu trên điện toán đám mây
45	Giáo trình nhập môn trí tuệ nhân tạo	Từ Minh Phương	Thông tin và Truyền thông	2016	5	Trí tuệ nhân tạo
46	Lập trình di động trên môi trường Android	Lê Văn Hạnh	Trường đại học Quốc tế Hồng Bàng	2014	1	Phát triển ứng dụng di động
47	Machine Learning	Tom M. Mitchell	NY. :McGraw-Hill	1997	1	Học máy
48	Nhập môn Linux và phần mềm mã nguồn mở	Hà Quốc Trung	Bách khoa Hà Nội	2018	5	Hệ điều hành linux
49	Quản lý dự án công nghệ thông tin	Lê Văn Phùng, Trần Nguyên Hương, Lê Hương Giang	Thông tin và Truyền thông	2015	5	Quản lý dự án công nghệ thông tin
50	Quản trị Windows Server 2008	Tô Thanh Hải; Phương Lan	Phương Đông	2009	5	Quản trị hệ thống
51	Software engineering, Alpha Science International Limited	G. Jeyakumar, V. Subashri, Shriram K Vasudevan,	Alpha Science International Ltd	2017	1	Công nghệ phần mềm

		Prashant R. Nair				
52	Tài liệu hướng dẫn thực hành Thiết kế và lập trình Web	Nguyễn Hữu Vĩnh, Võ Quốc Lương	Trường Đại học Thủ Dầu Một	2017	1	Lập trình web
53	The Basics of Information Security: Understanding the Fundamentals of InfoSec in Theory and Practice	Jason Andress, Steven Winterfeld	Elsevier	2014	1	An toàn và bảo mật thông tin
54	Cơ sở và ứng dụng internet of things	Phan Văn Ca, Trương Quang Phúc	Đại học Quốc gia Tp.HCM	2017	1	Chuyên đề internet of thing
55	Dữ liệu lớn	Viktor Mayer-Schonberger, Kenneth Cukier; Vũ Duy Mẫn	Nxb. Trẻ	2017	3	Chuyên đề dữ liệu lớn
56	Fundamentals of Relational Database Management Systems	S. Sumathi, S. Esakkirajan	Springer	2007	1	An toàn ứng dụng web và csdl
57	Getting Started with React Native: Learn to build modern native iOS and Android applications using JavaScript and the incredible power of React	Ethan Holmes, Tom Bray	Packt Publishing	2015	1	Phát triển ứng dụng di động đa nền tảng
58	Giáo trình mạng và truyền dữ liệu	Nguyễn Ngọc Cương, Phạm Ngọc Lăng	Thông tin và Truyền thông	204	5	Công nghệ mạng không dây
59	Giáo trình phân tích thiết kế hệ thống hướng đối tượng bằng UML	Đoàn Văn Ban, Nguyễn Thị Tĩnh	Đại học sư phạm	2011	5	Phát triển hệ thống thông tin nhân sự tiền lương
60	Network Security Network Security Essentials: Applications and Standard	William Stallings	Prentice Hall Copyright	2011	1	An ninh mạng

61	Nhập môn Linux và phần mềm mã nguồn mở	TS Hà Quốc Trung	Bách khoa Hà Nội	2018	5	Phát triển phần mềm mã nguồn mở
62	Operating system concepts	A. Silberschatz & P.Abraham Silberschatz, Peter Baer Galvin, Greg Gagne.Galvin, John Wiley & Sons	Wiley	2018	1	An toàn hệ điều hành
63	OpenStack : building a cloud environment	Egle Sigler	Packt Publishing	2016	1	Phát triển ứng dụng trên điện toán đám mây

### 3.2. Danh mục sách chuyên khảo, tạp chí của ngành đào tạo.

*Bảng 3.2 - Danh mục sách chuyên khảo, tạp chí của ngành đào tạo*

TT	Tên sách chuyên khảo/tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản số, tập, năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho học phần
2	Toán rời rạc - Ứng dụng trong tin học	Kenneth H.Rosen	NXB Thống Kê	1	Toán rời rạc
3	Nhập môn logic học.	Phạm Đình Nghiệm.	Nxb. ĐHQG, Tp.HCM, 2007	10	Tư duy biện luận ứng dụng
4	Hướng dẫn thực hành Adobe Dreamweaver CS6	Nguyễn Khải Hoàn	Giao thông vận tải, 2011	3	Thiết kế web
5	Giáo trình mạng máy tính nâng cao	Trần Công Hùng		1	Mạng máy tính
6	CCNA: Cisco certified network associate study guide (5 <sup>th</sup> )	Todd Lammle	SYBEX, 2005	4	Mạng máy tính
7	Quản trị mạng Windows Server 2008 (Tập 1,2)	Ngọc Bích, Tường Thụy	NXB Thông tin và Truyền thông, 2012	5	Quản trị hệ thống
8	A Framework for Programming and Problem Solving	Kenneth A. Lambert, Martin Osborne,	Prentice Hall, 2003	30	Phương pháp lập trình hướng đối tượng
9	Building Web Services with .NET Remoting and ASP.NET – Ashish Banerjee	Aravind Corera, Zach Greenvoss, Andrew owczyk, Christian Nagel, Chris Peiris, Thiru		5	Phát triển phần mềm theo hướng dịch vụ

		Thangarathinam, Brad Maiani.			
10	Nhập môn Linux và phần mềm mã nguồn mở	TS Hà Quốc Trung	Từ điển Bách khoa Hà Nội, 2011	40	Phát triển phần mềm mã nguồn mở
11	Giáo trình Phân tích thiết kế hệ thống thông tin quản lý	Phạm Minh Tuấn	NXB Hà Nội, 2005	10	Phát triển hệ thống thông tin kế toán
12	Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới và hội nhập (Đại hội VI,VII,VIII,IX,X,XI),	Đảng Cộng sản Việt Nam	Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội. 2013	10	Tư tưởng hồ chí minh
13	Toán cao cấp	Trần Ngọc Hội, Nguyễn Chính Thắng, Nguyễn Việt Đông	2009	13	Toán cao cấp a1, a2
14	The \$100 Startup: Reinvent The Way You Make A Living, Do What You Love, And Create A New Future,	Chris Guillebeau	Crown Business, 2012	7	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp
15	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	Hoàng Ngọc Nhậm	NXB Đại học Kinh tế TP. HCM.	10	Xác suất thống kê
16	Cryptography: Theory and Practice - Chapman	DOUGLAS ROBERT STINTON	Hall/CRC, 2006.	6	An toàn và bảo mật thông tin
17	Big Data Made Easy - A Working Guide to the Complete Hadoop Toolset	Michael Frampton	Apress, 2014	10	Chuyên đề Dữ liệu lớn
18	Cấu trúc dữ liệu và thuật toán	Trần Thông Qué.	Thông tin và Truyền thông	5	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật
19	Nhập môn cơ sở dữ liệu quan hệ	Lê Tiến Vương	NXB Thống Kê, 2009	4	Cơ sở dữ liệu
20	C++ An Introduction to Computing, 3rd-Edition	Larry Nyhoff,	Joel Adams &	7	Cơ sở lập trình
21	Architecting the Cloud - Design Decisions for Cloud Computing Service Models	Michael J. Kavis	Wiley, 2014	12	Điện toán đám mây
22	UNIX Operating System – The Development Tutorial via UNIX Kernel Services.	Yukun Liu, Yong Yue, Liwei Guo	Springer, 2011	13	Đồ án chuyên ngành
23	Giáo trình phân tích thiết kế phần mềm	Đỗ Văn Uy- Nguyễn Ngọc Bình,	Đại học Bách Khoa Hà Nội, 2001	15	Hệ Điều Hành Unix - Linux

24	Agile ERP	Gerard Meszaros, Janice Aston	2007	10	Hệ kế hoạch nguồn lực doanh nghiệp
25	Bài giảng Hệ Quản Trị Cơ Sở Dữ Liệu		Trường Đại học Hàng Hải Việt Nam, 2011	7	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu
26	Beginning Arduino Programming	Brian Evans	Technology in AcTion,	12	Chuyên đề internet of things
27	Discovering Knowledge in Data – An Introduction to Data Mining	Daniel T. Larose	Wiley & Sons, 2005	12	Khai phá dữ liệu trên điện toán đám mây
28	The C programming language	Brian W. Kernighan, Dennis M. Ritchie	Prentice Hall International Editions, 1997	5	Kỹ thuật lập trình
29	The java programming language (Vol. 2)	Arnold, K., Gosling, J., Holmes, D., & Holmes, D.	Reading: Addison- wesley, 2000	3	Lập trình java
30	Kỹ thuật xây dựng ứng dụng ASP.net	Nguyễn Văn Lân	Lao động xã hội, 2008	5	Lập trình web
31	Computer Networks, Fourth Edition	Andrew S. Tanenbeau	Prentice Hall Inc, 2003	6	Mạng máy tính
32	Operating System Concepts	Silberschatz, Galvin, Gagne	John Wiley & Sons, 2013	4	Nguyên lý hệ điều hành
33	Exploring Engineering: An Introduction to Engineering and Design	Philip K., Robert B., William K., George W.	Second edition Elsevier, 2010	5	Nhập môn ngành công nghệ thông tin
34	Phân tích thiết kế hệ thống hướng đối tượng bằng UML	Phạm Nguyễn Cương- Hồ Tường Vinh	KHTN-TP HCM, 2015	12	Phân tích thiết và kế hệ thống thông tin

## B - Chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Công nghệ thông tin được xây dựng dựa trên kết quả khảo sát nhu cầu nhân lực ngành Công nghệ thông tin của tỉnh Bình Dương nói riêng và vùng kinh tế Đông Nam Bộ nói chung. Chương trình đào tạo có sự tham khảo với các chương trình đào tạo ngành Công nghệ thông tin của Trường Đại học Công nghệ thông tin Thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Khoa học tự nhiên Thành phố Hồ Chí Minh và tham khảo tài liệu phát triển chương trình đào tạo nhóm ngành Công nghệ thông tin của tổ chức ACM (Association for Computing Machinery). Hơn nữa, chương trình đào tạo ngành Công nghệ thông tin được xây



dựng bởi các chuyên gia đầu ngành của Nhà trường, tham khảo ý kiến từ các chuyên gia và giảng viên dự kiến sẽ tham gia giảng dạy cho chương trình.

Chương trình đào tạo bao gồm 150 tín chỉ (không tính các học phần Giáo dục thể chất (GDTC), Giáo dục quốc phòng (GDQP) và Ngoại ngữ) được đào tạo trong thời gian 9 học kỳ. Chương trình được hoàn thiện và góp ý bởi các chuyên gia đang công tác tại các doanh nghiệp về Công nghệ thông tin khu vực Bình Dương, TpHCM và các tỉnh lân cận.

Với sự hỗ trợ từ các chuyên gia từ nhiều phía liên quan như đã nêu trên, cấu trúc chương trình đào tạo trình độ Đại học ngành Công nghệ thông tin như sau:

Trình độ đào tạo	Thời gian đào tạo	Khối lượng kiến thức toàn khóa (Tín chỉ)	Kiến thức giáo dục đại cương (Tín chỉ)	Kiến thức giáo dục chuyên ngành			
				126			
				Kiến thức cơ sở ngành (Tín chỉ)	Kiến thức chuyên ngành (Tín chỉ)	Thực tập doanh nghiệp (Tín chỉ)	Báo cáo tốt nghiệp (Tín chỉ)
Đại học	9 học kỳ	150	33	55	38	14	10

C- Kế hoạch tuyển sinh:

- Đối tượng tuyển sinh:** Học sinh tốt nghiệp THPT.
- Kế hoạch tuyển sinh 3 năm đầu:** 150 sinh viên.

Cụ thể đối tượng và kế hoạch tuyển sinh năm 2020 như sau:

STT	Ngành học	Mã ngành	Phương thức xét tuyển	Kế hoạch tuyển sinh (Số SV/năm)
	Công nghệ thông tin	<b>7480201</b>	<p>Phương thức 1: Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi THPT quốc gia năm 2020. Theo quy định của Bộ GD&amp;ĐT.</p> <p>Phương thức 2: Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi đánh giá năng lực do Đại học Quốc gia TP.Hồ Chí Minh tổ chức năm 2020.</p>	50

			Phương thức 3: Xét tuyển thẳng học sinh giỏi năm lớp 12 của các trường THPT trong cả nước và tuyển thẳng theo Quy chế tuyển sinh hiện hành của bộ GD&ĐT. Phương thức 4: Xét học bạ.	
	<b>Tổng</b>			<b>50</b>

D - Ý kiến của Hội đồng khoa học và Đào tạo  
(Có Biên bản và Quyết nghị kèm theo)

### III. Đề nghị và cam kết thực hiện

1. Địa chỉ website đăng thông tin 3 công khai, chuẩn đầu ra, các quy định của cơ sở đào tạo liên quan đến hoạt động tổ chức đào tạo và nghiên cứu khoa học.
2. Đề nghị của cơ sở đào tạo
3. Cam kết triển khai thực hiện.

**THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ ĐÀO TẠO**

(Ký tên, đóng dấu)

*Nơi nhận:*

- Như trên
- CTHĐT và các PHT;
- Lưu: VT, P.ĐTĐH.

(đã ký)

**TS. Ngô Hồng Điệp**

## LÝ LỊCH KHOA HỌC

### I. THÔNG TIN CHUNG

1. Họ và tên: LÊ TUẤN ANH

2. Ngày sinh: 16/06/1974

3. Nam/nữ: Nam

4. Nơi đang công tác: Trường Đại học Thủ Dầu Một

*Trường/viên:* Trường Đại học Thủ Dầu Một

*Phòng/ Khoa:* Kỹ Thuật Công nghệ

*Bộ môn:* Hệ thống thông tin

*Chức vụ:* Trưởng khoa

5. Học vị: Tiến sĩ năm đạt: 2012

6. Học hàm: PGS năm phong: 2016

7. Liên lạc: 193 Phạm Ngũ Lão, Phường Hiệp Thành, TP. TDM, Bình Dương



TT		Cơ quan	Cá nhân
1	Địa chỉ	Số 06, Trần Văn Ôn, Phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	193 Phạm Ngũ Lão, Phường Hiệp Thành, TP. TDM, Bình Dương
2	Điện thoại/ fax	(0274) 383 4930	091-822-7228
3	Email	khoacntt@tdmu.edu.vn	letuanh@tdmu.edu.vn

### 8. Trình độ ngoại ngữ:

TT	Tên ngoại ngữ	Nghe			Nói			Viết			Đọc hiểu tài liệu		
		Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB
1	Tiếng Anh	X			X			X			X		
2	Tiếng Hàn			X						X			X

### 9. Thời gian công tác:

Thời gian	Nơi công tác	Chức vụ
Từ 2002 đến 1/2015	Khoa Công nghệ Thông tin 2, Học viện Công nghệ Bưu Chính Viễn Thông, cơ sở Tp. Hồ Chí Minh.	Giảng viên
Từ 2/2015 đến nay	Kỹ thuật Công nghệ, Trường Đại học Thủ Dầu Một	Giảng viên

**10. Quá trình đào tạo:**

<i>Bậc đào tạo</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Nơi đào tạo</i>	<i>Chuyên ngành</i>	<i>Tên luận án tốt nghiệp</i>
Đại học	1996 - 2002	ĐH KHTN Tp.HCM	Công nghệ thông tin	Chữ ký số và ứng dụng
Thạc sỹ	2003 - 2005	ĐH Kyung Hee, Hàn Quốc	Kỹ thuật máy tính	Enhancing TCP performance with End-to-End Bandwidth and Loss Differentiation Estimate over Heterogeneous Networks
Tiến sỹ	2009 - 2012	ĐH Kyung Hee, Hàn Quốc	Kỹ thuật máy tính	Coordinated congestion control algorithms for multipath transport protocols

**11. Các lĩnh vực chuyên môn và hướng nghiên cứu****11.1 Lĩnh vực chuyên môn:**

- Lĩnh vực: Kỹ thuật máy tính
- Chuyên ngành: Kỹ thuật máy tính
- Chuyên môn: Mạng máy tính và truyền thông

**11.2 Hướng nghiên cứu:**

1. Điều khiển tắc nghẽn trong mạng
2. Cấp phát tài nguyên mạng, Điều khiển đa đường trong mạng

[Click here to enter text.](#)

**II. NGHIÊN CỨU VÀ GIẢNG DẠY****1. Đề tài/dự án**

<i>TT</i>	<i>Tên đề tài/dự án</i>	<i>Mã số &amp; cấp quản lý</i>	<i>Thời gian thực hiện</i>	<i>Kinh phí (triệu đồng)</i>	<i>Chức vụ /Tham gia</i>	<i>Ngày nghiệm thu</i>	<i>Kết quả</i>
1	Xây dựng và triển khai hệ thống tra cứu thông tin qua màn hình cảm ứng ứng dụng tại Học Viện Công Nghệ Bưu Chính Viễn Thông, cơ sở TP. HCM	Cấp trường	12 tháng	24	Chủ nhiệm	31/12/2008	Xuất sắc
2	Thuật toán điều khiển tắc nghẽn đa đường cho mạng tốc độ cao và/hay độ trễ lớn	Cấp trường	12 tháng	8	Chủ nhiệm	02/12/2014	Xuất sắc
3	Nghiên cứu điều khiển tắc nghẽn đa đường cho các ứng dụng đa phương tiện trên Internet	Cấp trường	12 tháng	40	Chủ nhiệm	21/01/2016	Xuất sắc
4	Nghiên cứu ứng dụng chữ ký số vào dịch vụ công trực tuyến Báo chí – Xuất bản của Sở Thông tin và Truyền thông Bình Dương	Cấp cơ sở	12 tháng 2014	341	Chủ nhiệm	02/12/2015	Khá
5	Nghiên cứu triển khai hệ thống Caching cải tiến mạng trường Đại học Thủ Dầu Một	Cấp tỉnh	12 tháng	580	Chủ nhiệm	8/2016	Đạt
6	Cải tiến hiệu năng của các thuật toán điều khiển tắc nghẽn Multipath TCP	102.02-2013.48 Cấp nhà	24 tháng	592	Chủ nhiệm	2/2019	Đạt

		nước				
--	--	------	--	--	--	--

## 2. Hướng dẫn sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh

TT	Tên SV, HVCH, NCS	Tên luận án	Năm tốt nghiệp	Bậc đào tạo	Sản phẩm của đề tài/dự án (chỉ ghi mã số)
1	Lê Phong Dũ	Điều khiển tắc nghẽn trong giao thức truyền đa đường cho ứng dụng Multimedia	2013	Thạc sĩ	60.48.01.04
2	Nguyễn Thị Thùy Trang	Nghiên cứu điều phối thứ tự truyền gói trong MultipathTCP	2013	Thạc sĩ	60.48.01.04
3	Trần Thị Bảo Yến	Multipath FAST TCP cho mạng tốc độ cao và/hay độ trễ lớn	2014	Thạc sĩ	60.48.01.04
4	Hà Thị Bích Phượng	Điều khiển tắc nghẽn Multipath TCP trong mạng tốc độ cao và/hay độ trễ lớn	2014	Thạc sĩ	60.48.01.04
5	Nguyễn Trúc Quyên	Tim hiểu cơ chế điều khiển tắc nghẽn đa đường phía đầu nhận cho mạng Content Centric Network	2015	Thạc sĩ	60.48.01.04
6	Nguyễn Hữu Hoàng	Nghiên cứu video streaming cho mạng content centric networking	2015	Thạc sĩ	60.48.01.04
7	Nguyễn Thị Yến	Nghiên cứu tính di động cho content centric networking	2015	Thạc sĩ	60.48.01.04
8	Phan Thanh Vy	Nghiên cứu đánh giá độ trải nghiệm dịch vụ truyền hình IPTV	2015	Thạc sĩ	60.48.01.04
9	Nguyễn Bá Lộc	Nghiên cứu video streaming trên multipath TCP trong môi trường không dây	2016	Thạc sĩ	60.48.02.01
10	Phùng Duy Trường	Nghiên cứu mạng phân phối nội dung (CDN) trên nền giao thức truyền đa đường	2016	Thạc sĩ	60.48.02.01
11	Đặng Trần Phương	Phối hợp content store giữa các node CCN	2016	Thạc sĩ	60.48.01.04
12	Võ Đức Anh	Ứng dụng mạng neural vào hệ gợi ý trong thương mại điện tử	2017	Thạc sĩ	60.48.01.04
13	Lục Kiều Minh Trúc	Nghiên cứu các thuật toán phân cụm và xây dựng công cụ phân cụm test data cho hệ thống tài chính	2017	Thạc sĩ	60.48.01.04

## III. CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ

### 1. Các bài báo

#### 1.1. Đăng trên tạp chí Quốc tế

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Sản phẩm của đề tài/dự án	Số hiệu ISSN (ghi rõ thuộc ISI)	Điểm IF
----	---	---------------------------	---------------------------------	---------

		<i>(chỉ ghi mã số)</i>	<i>hay không)</i>	
1	Phuong L Vo; <b>Anh T Le</b> ; Sungwon Lee, Choong Seon Hong, Byeongsik Kim, Hoyoung Song, "Multi-path Utility Maximization and Multi-path TCP Design", Journal of Parallel and Distributed Computing, Vol. 74, Issue. 2, pp. 1848-1857, February 2014		ISI	
2	Phuong Luu Vo, <b>Tuan Anh Le</b> , Sungwon Lee, Choong Seon Hong, Byeongsik Kim, Hoyoung Song, "mReno: a practical multipath congestion control for communication networks," Springer Computing , 1436-5057, (DOI) 10.1007/s00607-013-0341-1, September 2013		ISI	
3	Dung Tien NGO, <b>Tuan Anh LE</b> , Choong Seon HONG, Sungwon LEE, Won-Tae LEE and Jae-Jo LEE, "Benefit of Network Coding for Probabilistic Packet Marking and Collecting Coupons from Different Perspectives at the Collector", IEICE Transactions on Communications, VOL.E96-B, NO.2 , pp. 489-499, February 2013. (SCI)		ISI	
4	<b>Tuan Anh Le</b> , ChoongSeon Hong, Md. AbdurRazaque, Sungwon Lee and Heeyoung Jung, "ecMTCP: An Energy-Aware Congestion Control Algorithm for Multipath TCP", IEEE Communications Letters, Vol 16, No. 2, pp. 275-277, February 2012. (SCI)		ISI	
5	<b>Tuan Anh Le</b> , ChoongSeon Hong, and Sungwon Lee, "Multipath Binomial Congestion Control Algorithms", IEICE Transactions on Communications, Vol.E95-B, No.06, pp.1934-1943, June 2012. (SCI)		ISI	
6	<b>Tuan Anh Le</b> , Rim Haw, ChoongSeon Hong, and Sungwon Lee, "A Multipath Cubic TCP Congestion Control with Multipath Fast Recovery over High Bandwidth-Delay Product Networks ," IEICE Transactions on Communications, Vol.E95-B, No.07, pp.2232-2244, July 2012. (SCI)		ISI	
7	<b>Tuan Anh Le</b> , ChoongSeon Hong, "TCP BaLDE for Improving TCP Performance over Heterogeneous Networks", IEICE Transactions on Communications, Vol.E89-B, No.4, pp.1127-1135, April 2006. (SCI)		ISI	
8	<b>Tuan-Anh Le</b> and Loc X Bui, "Forward Delay-based Packet Scheduling Algorithm for Multipath TCP," Mobile Networks and Applications, Springer, Feb. 2018, Vol. 23, pp 4-12, <a href="https://doi.org/10.1007/s11036-017-0901-2">https://doi.org/10.1007/s11036-017-0901-2</a>		ISI	
9	Phuong Luu Vo, Minh N. H. Nguyen , and Tuan Anh Le ; Nguyen H. Tran "Slicing the Edge: Resource Allocation for RAN Network Slicing", IEEE Wireless Communications Letters, May 2018		ISI	
10	Phuong L. Vo, Tuan-Anh Le, Nguyen H. Tran, "mFAST: A Multipath Congestion Control Protocol for High Bandwidth-Delay Connection", Springer Mobile Networks and Applications, Feb. 2019, Vol. 24, pp 115-123		ISI	

### 1.2. Đăng trên tạp chí trong nước

<i>TT</i>	<i>Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản</i>	<i>Sân phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>	<i>Số hiệu ISSN</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Lê Phong Dũ và Lê Tuấn Anh, "Điều khiển tắc nghẽn trong giao thức truyền đa đường cho các ứng dụng multimedia,"		1859-2333	

được chấp nhận đăng trong Tạp chí Khoa học trường Đại học Cần Thơ		
---	--	--

*1.3. Đăng trên kỳ yếu Hội nghị Quốc tế*

<i>TT</i>	<i>Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị, thời gian tổ chức, nơi tổ chức</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>	<i>Số hiệu ISBN</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Phuong Luu Vo, <b>Tuan-Anh Le</b> , Choong Seon Hong, Seung Il Moon, Sungwon Lee, Nga Ly Tu, "Cooperative Caching for Adaptive Bit Rate Streaming in Content Delivery Networks," International Conference on Ubiquitous Informing Management and Communication(ACM IMCOM 2015), Jan 8-10(8), 2015, Bali, Indonesia			
2	Bich Phuong Ha, Bao-Yen Tran, <b>Tuan-Anh Le</b> , Cong Hung Tran, "Multipath FAST TCP for Large Bandwidth-Delay Product Networks," International Conference on Green and Human Information Technology 2014, February 12-14, 2014, Hochiminh City, Vietnam		978-1-4799-3791-2	
3	<b>Tuan Anh Le</b> , "Improving the Performance of Multipath Congestion Control over Wireless Networks," The International Conference on Advanced Technologies for Communications 2013 (ATC/REV 2013), October 16-18, 2013, Hochiminh city, Vietnam.			
4	<b>Tuan Anh Le</b> , Choong Seon Hong, and Eu Nam Huh "Coordinated TCP Westwood Congestion Control for Multiple Paths over Wireless Networks", IEEE The International Conference on Information Networking 2012(ICOIN 2012), February 1-3, 2012, Bali, Indonesia.			
5	P. L. Vo, <b>Tuan Anh Le</b> , and C. S. Hong, "The successive approximation approach for multi-path utility maximization problem," IEEE ICC 2012 - Communication QoS, Reliability and Modeling Symposium (ICC 2012 CQRM), June 10-15, 2012, Ottawa, Canada.			
6	<b>Tuan Anh Le</b> , Choong Seon Hong, and Sungwon Lee, "MPCubic: An Extended Cubic TCP for Multiple Paths over High Bandwidth-Delay networks", International Conference on ICT Convergence(ICTC2011), September 28-30, 2011, Seoul, Korea.			
7	<b>Tuan Anh Le</b> , Choong Seon Hong, "A Bottleneck and Target Bandwidth Estimates-Based Congestion Control Algorithm for High BDP Networks", IEEE The International Conference on Information Networking 2010 (ICOIN2010), Busan, Korea, January 27-29, 2010.			
8	T. Q. Nguyen, B. Ha, T. Le, P. L. Vo, T. T. Huynh and C. H. Tran, "Coupled multipath congestion control at receiver in content-centric networking," 2015 2nd National Foundation for Science and Technology Development Conference on Information and Computer Science (NICS), Ho Chi Minh City, 2015, pp. 239-242.			
9	B. Ha, B. Tran, T. Le, C. Tran and P. L. Vo, "A hybrid multipath congestion control algorithm for high speed and/or long delay networks," 2014 International Conference on Advanced Technologies for Communications (ATC 2014), Hanoi, 2014, pp. 452-456.			

1171 1171 1171

10	B. N. T. Duy, Q. A. Nguyen, P. L. Vo and T. Le, "Optimal content placement for adaptive bit-rate streaming in cache networks," 2015 2nd National Foundation for Science and Technology Development Conference on Information and Computer Science (NICS), Ho Chi Minh City, 2015, pp. 243-247.			
11	Phuong Luu Vo, Tuan-Anh Le, Saeed Ullah and Duc Ngoc Minh Dang, "Content Caching for Adaptive Bit Rate Streaming in Cache Networks", International Conference on Advanced Computing and Applications (ACOMP 2014), HCMC, Vietnam, 19-21 Nov. 2014.			
12	Phuong L. Vo, Nguyen Tran Quang, Tuan-Anh Le, Choong Seon Hong, "A cross-layer rate control, routing, and scheduling design for inelastic traffic in multihop wireless networks," Proceedings of the first NAFOSTED conference on Information and Computer Science, (NICS 2014) March 13-14, 2014, Military Technical Academy, Hanoi			
13	Trong-Thua Huynh, Anh-Vu Dinh-Duc, Cong-Hung Tran and Tuan-Anh Le, "Balance Particle Swarm Optimization and gravitational search algorithm for energy efficient in heterogeneous wireless sensor networks," The 2015 IEEE RIVF International Conference on Computing & Communication Technologies - Research, Innovation, and Vision for Future (RIVF), Can Tho, 2015, pp. 175-179.			
14	L. V. Nguyen, Q. Nguyen, P. L. Vo, N. H. Tran and T. Le, "Reactive eviction algorithms for radio access networks," 2015 IEEE International Conference on Communications, Management and Telecommunications (ComManTel), DaNang, 2015, pp. 162-166.			
15	Le Phong Du, Tuan-Anh Le, Nguyen Duc Thai and Phuong Luu Vo, "The performance of caching strategies in content centric networking," 2017 IEEE International Conference on Information Networking (ICOIN), Da Nang, 2017, pp. 628-632.			
16	L. Pham, P. L. Vo and T. Le, "An energy-aware multipath congestion control protocol for mobile devices," 2017 IEEE International Conference on Recent Advances in Signal Processing, Telecommunications & Computing (SigTelCom), Da Nang, 2017, pp. 44-48.			
17	P. L. Vo, L. Van Nguyen, T. Le and D. N. M. Dang, "A QoE-based caching algorithm for HTTP adaptive streaming contents in radio access networks," 2016 IEEE Sixth International Conference on Communications and Electronics (ICCE), Ha Long, 2016, pp. 417-422.			
18	Dang Tran Phuong, Tuan-Anh Le, Le Phong Du, Tuyet Anh Thi Nguyen, Phuong Luu Vo, "LCD-Based on Probability in Content Centric Networking," Springer International Conference on Context-Aware Systems and Applications, ICCASA 2016. Lecture Notes of the Institute for Computer Sciences, Social Informatics and Telecommunications Engineering, vol 193. Springer, Cham			

//  
 //  
 NG  
 OC  
 JMC  
 //  
 //

*1.4. Đăng trên kỳ yếu Hội nghị trong nước*



<i>TT</i>	<i>Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị, thời gian tổ chức, nơi tổ chức</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>	<i>Số hiệu ISBN</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Nguyễn Quốc Anh, Võ Lưu Phương, Lê Tuấn Anh, "Tối ưu hóa lưu trữ nội dung trong mạng ICN", Kỷ yếu Hội thảo Quốc Gia 2015 về Điện Tử, Truyền Thông và Công Nghệ Thông Tin (ECIT2015), ngày 10-11/12/2015, TP. Hồ Chí Minh		978-604-67-0635-9	
2	Phan Thanh Vỹ, Lê Tuấn Anh, "Đánh giá trải nghiệm khách hàng sử dụng dịch vụ IPTV", Kỷ yếu Hội thảo Quốc Gia 2015 về Điện Tử, Truyền Thông và Công Nghệ Thông Tin (ECIT2015), ngày 10-11/12/2015, TP. Hồ Chí Minh		978-604-67-0635-9	
3	Lê Phong Dũ, Lê Tuấn Anh, Nguyễn Đức Thái, "So Sánh các chính sách lưu trữ dữ liệu trong mạng hướng nội dung," Kỷ yếu Hội thảo quốc gia lần thứ XIX: Một số vấn đề chọn lọc của Công nghệ thông tin và truyền thông, ngày 1-2/10/2016, Hà Nội.			
4	Lê Phong Dũ, Lê Tuấn Anh, Nguyễn Đức Thái, "So sánh lưu trữ với chính sách thay thế nội dung trong mạng hướng nội dung," Kỷ yếu Hội nghị Khoa học Quốc gia lần thứ IX "Nghiên cứu cơ bản và ứng dụng Công nghệ thông tin (FAIR'9), ngày 4-5/8/2016, Cần Thơ.			
5	Nguyễn Thị Thùy, Lê Tuấn Anh, Nguyễn Thị Ánh Tuyết, Dương Thị Kim Chi, "Triển khai nhập môn ngành công nghệ thông tin tại trường Đại Học Thủ Dầu Một," Kỷ yếu Hội nghị CDIO 2016, Đào tạo theo CDIO: Đúc kết triển khai cho các ngành kỹ thuật và phi kỹ thuật giai đoạn 2010-2016, 25/8/2016, ĐHQG-HCM, trang 406-411, TP. Hồ Chí Minh.			

#### IV. CÁC GIẢI THƯỞNG

##### 1. Các giải thưởng Khoa học và Công nghệ

<i>TT</i>	<i>Tên giải thưởng</i>	<i>Nội dung giải thưởng</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Năm cấp</i>

##### 2. Bằng phát minh, sáng chế (patent)

<i>TT</i>	<i>Tên bằng</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>	<i>Số hiệu</i>	<i>Năm cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Tác giả/ đồng tác giả</i>
1	Multipath TCP with End-to-End Energy Saving for Large Bandwidth Delay Product Networks		10-2010-0127196	2010	Hàn Quốc	Đồng tác giả

#### V. THÔNG TIN KHÁC

##### 1. Tham gia các chương trình trong và ngoài nước

<i>TT</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Tên chương trình</i>	<i>Chức danh</i>

##### 2. Tham gia các Hiệp hội Khoa học, Ban biên tập các tạp chí Khoa học, Ban tổ chức các Hội nghị về KH&CN

<i>TT</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Tên Hiệp hội/ Tạp chí/ Hội nghị</i>	<i>Chức danh</i>
1	2013	2nd International Conference on Context-Aware Systems and Applications, 2013	Publicity Chair, TPC
2	2013	The International Conference on Advanced Technologies	TPC, Session chair

		for Communications, 2013	
3	2014	International Conference on Green and Human Information Technology 2014	TPC, Session chair
4	2014	REV Journal on Electronics and Communications	Reviewer
5	2014	The International Conference on Advanced Technologies for Communications, 2014	TPC, Session chair

**3. Tham gia làm việc tại Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu theo lời mời**

TT	Thời gian	Tên Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu	Nội dung tham gia

Xác nhận của cơ quan  
**TL. HIỆU TRƯỞNG**  
**TR. KHOA HỌC**



Ngày tháng Click here to enter text. năm 2019

**Người khai**

(Họ tên và chữ ký)

PGS-TS. Lê Tuấn Anh



<Mẫu 5 - Lý lịch khoa học>

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

## LÝ LỊCH KHOA HỌC



### I. THÔNG TIN CHUNG

1. **Họ và tên:** Vũ Văn Nam

2. **Giới tính:** Nam

3. **Ngày sinh:** 25/05/1967

4. **Nơi sinh:** Nghệ An

5. **Nguyên quán:** Yên Hải – Yên Hưng – Quảng Ninh

6. **Đơn vị công tác:**

Bộ môn/ Phòng thí nghiệm/ Bộ phận: Kỹ Thuật Phần Mềm

Khoa/ Phòng/ Ban/ Trung tâm: Kỹ Thuật Công Nghệ

7. **Học vị cao nhất:** Thạc Sĩ

Năm đạt học vị: 2001

8. **Chức danh khoa học:**

Phó Giáo sư

Năm công nhận: ...

Nơi công nhận:.....

Giáo sư

Năm công nhận: ...

Nơi công nhận:.....

9. **Chức danh nghiên cứu:** .....

10. **Chức vụ:** .....

11. **Liên lạc:**

TT		Cơ quan	Cá nhân
1	Địa chỉ	Số 2 Trần Văn Ôn – Thủ Dầu Một	CC An Khang, Q2, TP HCM
2	Điện thoại/ fax		0912279166
3	Email		<a href="mailto:namvv@tdmu.edu.vn">namvv@tdmu.edu.vn</a>

12. **Trình độ ngoại ngữ:**

TT	Tên ngoại ngữ	Nghe			Nói			Viết			Đọc hiểu tài liệu		
		Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB

1	Tiếng Séc	✓		✓		✓		✓	
2	Tiếng Anh		✓		✓		✓		✓

### 13. Thời gian công tác:

<i>Thời gian</i>	<i>Nơi công tác</i>	<i>Chức vụ</i>
Từ 1995 đến 2012	Đại Học Vinh	Giảng viên
Từ 2012 đến nay	Đại học Thủ Dầu Một	Giảng viên

### 14. Quá trình đào tạo:

<i>Bậc đào tạo</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Nơi đào tạo</i>	<i>Chuyên ngành</i>	<i>Tên luận án tốt nghiệp</i>
Đại học	1985-1991	Học viện VAAZ - Cộng hòa Séc	Xe máy công trình	Khả năng xác minh các thông số của bộ lọc thủy lực bằng hệ thống đo tự động
Thạc sỹ	1998-2000	Đại học Bách Khoa Hà Nội	CNTT	Nhận dạng tiếng nói bằng mạng Nơ ron nhân tạo
Tiến sỹ				
Tiến sỹ Khoa học				

### 15. Các khóa đào tạo khác (nếu có):

<i>Văn bằng/ Chứng chỉ</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Nơi đào tạo</i>	<i>Tên khóa đào tạo</i>
Chứng chỉ	12/2000 đến 03/2001	Trung tâm Công nghệ Thông tin, Bộ giáo dục và đào tạo	<i>Mạng và quản trị mạng</i>

Chứng nhận	8/2002	United Nations University, Hanoi	<i>Advanced Course on Computer Software and Applications</i>
Chứng nhận	07/2010 đến 09/2010	Arizona State University – USA	<i>Faculty Development Program</i>
Chứng chỉ	01/2016	Đại học Thủ Dầu Một	Các kỹ năng giảng dạy

## 16. Các lĩnh vực chuyên môn và hướng nghiên cứu:

### 16.1 Lĩnh vực chuyên môn:

- Lĩnh vực: Cấu trúc dữ liệu và giải thuật – Toán rời rạc
- Chuyên ngành: Khoa học máy tính

### 16.2 Hướng nghiên cứu:

1. Giải thuật tối ưu
2. Các cấu trúc dữ liệu tiên tiến

## II. NGHIÊN CỨU VÀ ĐÀO TẠO

### 1. Đề tài/ dự án:

TT	Tên đề tài/ dự án	Mã số & cấp quản lý/ Thuộc chương trình	Thời gian thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)	Chức vụ/ Tham gia	Ngày nghiệm thu	Kết quả
1	<i>Mạng nơron nhân tạo và bài toán ma trận Richcotte</i>	Cấp trường	2005		Chủ nhiệm		Tốt
2	<i>Hệ thống tự trị trong thương mại điện tử</i>	Cấp trường	2006		Chủ nhiệm		Tốt
3	<i>Mạng nơron nhân tạo và ứng dụng</i>	Cấp trường	2007		Chủ nhiệm		Tốt
4	<i>Phần mềm quản lý các hợp đồng đào tạo tại chức</i>	Cấp Bộ	2009-2010	50	Chủ nhiệm		Tốt

## 2. Hướng dẫn học viên cao học, nghiên cứu sinh:

TT	Tên học viên cao học, nghiên cứu sinh	Tên luận văn/ luận án	Năm tốt nghiệp	Bậc đào tạo	Vai trò hướng dẫn (chính hay phụ)	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1				Thạc sỹ		
2				Tiến sỹ		

## III. CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ

### 1. Sách:

#### 1.1 Sách xuất bản Quốc tế:

TT	Tên sách	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Tác giả/ đồng tác giả	Bút danh	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1						
2						

#### 1.2. Sách xuất bản trong nước:

TT	Tên sách	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Tác giả/ đồng tác giả	Bút danh	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1						
2						

### 2. Các bài báo:

#### 2.1. Đăng trên tạp chí Quốc tế:

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Số hiệu ISSN (ghi rõ thuộc ISI hay không)	Điểm IF	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
----	---	---	---------	--

1				
2				

2.2. Đăng trên tạp chí trong nước:

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Số hiệu ISSN	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Ghi chú
1	Vũ Văn Nam, <i>Hệ thống tự trị trong thương mại điện tử</i> - Tạp chí Khoa học – Đại học Vinh, 2005			
2	Vũ Văn Nam, <i>Xây dựng phần mềm quản lý tài chính các hợp đồng đào tạo tại chức</i> - Tạp chí Khoa học – Đại học Vinh, 2010			
3	Vũ Văn Nam, <i>Giảng dạy các môn chuyên ngành Kỹ thuật máy tính theo chương trình tiên tiến tại Khoa CNTT – Đại Học Vinh</i> - Tạp chí Giáo dục, 2010			

2.3. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị/ Hội thảo Quốc tế:

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị/ Hội thảo, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Số hiệu ISBN	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Ghi chú
1				
2				

2.4. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị/ Hội thảo trong nước (có quy mô tổ chức cấp Trường hoặc tương đương trở lên):

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị/ Hội thảo, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Số hiệu ISBN	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Ghi chú
1				
2				

**IV. CÁC GIẢI THƯỞNG**

**1. Các giải thưởng Khoa học và Công nghệ:**

TT	Tên giải thưởng	Nội dung giải thưởng	Nơi cấp	Năm cấp
1				
2				

BỘ CÔNG THƯƠNG

**2. Bảng phát minh, sáng chế:**

<i>TT</i>	<i>Tên bảng</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>	<i>Số hiệu</i>	<i>Năm cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Tác giả/ đồng tác giả</i>
1						
2						

**3. Bảng giải pháp hữu ích:**

<i>TT</i>	<i>Tên giải pháp</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>	<i>Số hiệu</i>	<i>Năm cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Tác giả/ đồng tác giả</i>
1						
2						

**4. Ứng dụng thực tiễn và thương mại hoá kết quả nghiên cứu:**

<i>TT</i>	<i>Tên công nghệ/ giải pháp hữu ích đã chuyển giao</i>	<i>Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng</i>	<i>Năm chuyển giao</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>
1				
2				

**V. THÔNG TIN KHÁC**

**1. Tham gia các chương trình, hội đồng khoa học cấp Quốc gia, Quốc tế:**

<i>TT</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Tên chương trình</i>	<i>Chức danh</i>

**2. Tham gia các Hiệp hội Khoa học, Ban biên tập các tạp chí Khoa học, Ban tổ chức các Hội nghị, Hội thảo về KH&CN cấp Quốc gia, Quốc tế:**

<i>TT</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Tên Hiệp hội/ Tạp chí/ Hội nghị, Hội thảo</i>	<i>Chức danh</i>






**3. Tham gia làm việc tại Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu theo lời mời:**

<i>TT</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Tên Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu</i>	<i>Nội dung tham gia</i>

Xác nhận của Thủ trưởng đơn vị

**TL. HIỆU TRƯỞNG**  
**TR. KHOA HỌC**



*[Handwritten signature]*

Bình Dương, ngày ... tháng ... năm 20...

**Người khai**

(Họ tên và chữ ký)

*[Handwritten signature]*

**Vũ Văn Nam**

<Mẫu 5 – Lý lịch khoa học>

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG      CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT      Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

## LÝ LỊCH KHOA HỌC



### I. THÔNG TIN CHUNG

1. **Họ và tên:** NGUYỄN NGỌC THẬN
2. **Giới tính:** Nam
3. **Ngày sinh:** //1974
4. **Nơi sinh:** Đồng Tháp
5. **Nguyên quán:** Tân Khánh Trung, Lấp Vò, Đồng Tháp
6. **Đơn vị công tác:**

Bộ môn: Kỹ thuật phần mềm

Khoa: Kỹ thuật công nghệ

7. **Học vị cao nhất:** Thạc sĩ      Năm đạt học vị: 2008

### 8. Chức danh khoa học:

Phó Giáo sư          Năm công nhận: ...      Nơi công nhận:.....

Giáo sư              Năm công nhận: ...      Nơi công nhận:.....

9. **Chức danh nghiên cứu:** .....

10. **Chức vụ:** Giảng viên

### 11. Liên lạc:

<i>TT</i>		<i>Cơ quan</i>	<i>Cá nhân</i>
1	<b>Địa chỉ</b>	06 Trần Văn Ôn, P.Phú Hòa, TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	34/34/40 Đại Lộ Bình Dương, P.Phú Hòa, TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
2	<b>Điện thoại/ fax</b>	027-438-34930	0941.939.448
3	<b>Email</b>		<a href="mailto:thanng@tdmu.edu.vn">thanng@tdmu.edu.vn</a>

**12. Trình độ ngoại ngữ:**

TT	Tên ngoại ngữ	Nghe			Nói			Viết			Đọc hiểu tài liệu		
		Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB
1	Tiếng Anh			x			x			x			x

**13. Thời gian công tác:**

Thời gian	Nơi công tác	Chức vụ
1/2000 – 1/ 2001	- Đại học Kinh tế Kỹ thuật Bình Dương	- Giảng viên
2/2001 – 6/2006	- Đại học Bình Dương	- Giảng viên
7/2006 – 8/2008	- Cty SX DV TM Minh Khai, Q4, Tp Hồ Chí Minh	- Phó giám đốc
9/2008 – 5/2009	- Phòng Đào tạo – Biên chế Sở Nội vụ tỉnh Bình Dương	- Chuyên viên
6/2009 – 7/ 2011	- Phòng phát triển hạ tầng CNTT trường ĐH Thủ Dầu Một	- Phó phòng
8/2011 – 8/2013	- Trung tâm CNTT trường ĐH Thủ Dầu Một	- Giám đốc
9/2013 – ngày nay	- Khoa Kỹ thuật công nghệ trường ĐH Thủ Dầu Một	- Giảng viên

**14. Quá trình đào tạo:**

Bậc đào tạo	Thời gian	Nơi đào tạo	Chuyên ngành	Tên luận án tốt nghiệp
Đại học	1994 – 1999	Đại học Nông lâm Tp HCM	Cơ khí	Thi tốt nghiệp
Đại học	1995 - 2000	Đại học Văn Lang Tp HCM	CNTT	Xây dựng hệ thống hỗ trợ học Toán lớp 12, Trung học Phổ Thông.
Thạc sỹ	2004 - 2007	Đại học Công nghệ Thông tin Tp HCM	CNTT	Ứng dụng ANFIS (Adaptive Network-Base Fuzzy Inference System) xây dựng hệ thống dự báo khí hậu khu vực nam bộ.

**15. Các khóa đào tạo khác (nếu có):**

Văn bằng/ Chứng chỉ	Thời gian	Nơi đào tạo	Tên khóa đào tạo
Chứng chỉ Lý luận	2013	ĐH KHXH&NV	Lý luận dạy đại học

11/5 / 15 / TH Đ I H U

dạy đại học			
ISW	2016	ĐH Thủ Dầu Một	Tập huấn các kỹ năng giảng dạy
Chứng chỉ Nghiệp vụ sư phạm	2017	ĐH Thủ Dầu Một	Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên đại học, cao đẳng
Giảng viên CCNA	2018	Học viện số quốc tế (IDL)	Đào tạo giảng viên giảng dạy chương trình CCNA

## 16. Các lĩnh vực chuyên môn và hướng nghiên cứu:

### 16.1 Lĩnh vực chuyên môn:

- Lĩnh vực: Kiến trúc phần mềm và thiết kế phần mềm
- Chuyên ngành: Kỹ thuật phần mềm

### 16.2 Hướng nghiên cứu:

1. Kiến trúc phần mềm
2. Bảo mật thông tin

## II. NGHIÊN CỨU VÀ ĐÀO TẠO

### 1. Đề tài/ dự án:

TT	Tên đề tài/ dự án	Mã số & cấp quản lý/ Thuộc chương trình	Thời gian thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)	Chức nhiệm/ Tham gia	Ngày nghiệm thu	Kết quả
1							

### 2. Hướng dẫn học viên cao học, nghiên cứu sinh:

TT	Tên học viên cao học, nghiên cứu sinh	Tên luận văn/ luận án	Năm tốt nghiệp	Bậc đào tạo	Vai trò hướng dẫn (chính hay phụ)	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1						

## III. CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ

### 1. Sách:

#### 1.1 Sách xuất bản Quốc tế:

LƯU Ý HỌC DÀI

<i>TT</i>	<i>Tên sách</i>	<i>Nhà xuất bản</i>	<i>Năm xuất bản</i>	<i>Tác giả/ đồng tác giả</i>	<i>Bút danh</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>
1						
2						

1.2. Sách xuất bản trong nước:

<i>TT</i>	<i>Tên sách</i>	<i>Nhà xuất bản</i>	<i>Năm xuất bản</i>	<i>Tác giả/ đồng tác giả</i>	<i>Bút danh</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>
1						

**2. Các bài báo:**

2.1. Đăng trên tạp chí Quốc tế:

<i>TT</i>	<i>Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản</i>	<i>Số hiệu ISSN (ghi rõ thuộc ISI hay không)</i>	<i>Điểm IF</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>
1				

2.2. Đăng trên tạp chí trong nước:

<i>TT</i>	<i>Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản</i>	<i>Số hiệu ISSN</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>	<i>Ghi chú</i>
1				

2.3. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị/ Hội thảo Quốc tế:

<i>TT</i>	<i>Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị/ Hội thảo, thời gian tổ chức, nơi tổ chức</i>	<i>Số hiệu ISBN</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>	<i>Ghi chú</i>
1				

2.4. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị/ Hội thảo trong nước (có quy mô tổ chức cấp Trường hoặc tương đương trở lên):

<i>TT</i>	<i>Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị/ Hội thảo, thời gian tổ chức, nơi tổ chức</i>	<i>Số hiệu ISBN</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>	<i>Ghi chú</i>

T/M  
IG  
JC  
JMC  
/

--	--	--	--	--

#### IV. CÁC GIẢI THƯỞNG

##### 1. Các giải thưởng Khoa học và Công nghệ:

<i>TT</i>	<i>Tên giải thưởng</i>	<i>Nội dung giải thưởng</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Năm cấp</i>
1				

##### 2. Bằng phát minh, sáng chế:

<i>TT</i>	<i>Tên bằng</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>	<i>Số hiệu</i>	<i>Năm cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Tác giả/ đồng tác giả</i>
1						

##### 3. Bằng giải pháp hữu ích:

<i>TT</i>	<i>Tên giải pháp</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>	<i>Số hiệu</i>	<i>Năm cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Tác giả/ đồng tác giả</i>
1						

##### 4. Ứng dụng thực tiễn và thương mại hoá kết quả nghiên cứu:

<i>TT</i>	<i>Tên công nghệ/ giải pháp hữu ích đã chuyển giao</i>	<i>Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng</i>	<i>Năm chuyển giao</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>
1				

#### V. THÔNG TIN KHÁC

##### 1. Tham gia các chương trình, hội đồng khoa học cấp Quốc gia, Quốc tế:

<i>TT</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Tên chương trình</i>	<i>Chức danh</i>

##### 2. Tham gia các Hiệp hội Khoa học, Ban biên tập các tạp chí Khoa học, Ban tổ chức các Hội nghị, Hội thảo về KH&CN cấp Quốc gia, Quốc tế:

<i>TT</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Tên Hiệp hội/ Tạp chí/ Hội nghị, Hội thảo</i>	<i>Chức danh</i>

3. Tham gia làm việc tại Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu theo lời mời:

TT	Thời gian	Tên Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu	Nội dung tham gia

Bình Dương, ngày 10 tháng 06 năm 2019

Xác nhận của Thủ trưởng đơn vị

TRƯỜNG ĐẠI HỌC  
THỦ DẦU MỘT  
TS. Trần Văn Trung

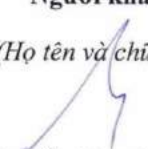


*(Handwritten signature)*

Người khai

(Họ tên và chữ ký)

Nguyễn Ngọc Thận



PHỤ

<Mẫu 5 - Lý lịch khoa học>

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

## LÝ LỊCH KHOA HỌC



### I. THÔNG TIN CHUNG

1. **Họ và tên:** NGUYỄN ĐÌNH THỌ
2. **Giới tính:** NAM
3. **Ngày sinh:** 20/10/1985
4. **Nơi sinh:** Tân Thọ - Nông Công - Thanh Hóa
5. **Nguyên quán:** Tân Thọ - Nông Công - Thanh Hóa
6. **Đơn vị công tác:** Khoa Kỹ thuật- Công nghệ  
Bộ môn/ Phòng thí nghiệm/ Bộ phận: Bộ môn Kỹ thuật phần mềm  
Khoa/ Phòng/ Ban/ Trung tâm: Khoa Kỹ thuật- Công nghệ
7. **Học vị cao nhất:** Thạc sĩ Năm đạt học vị: 2015
8. **Chức danh khoa học:**  
Phó Giáo sư  Năm công nhận: ... Nơi công nhận:.....  
Giáo sư  Năm công nhận: ... Nơi công nhận:.....
9. **Chức danh nghiên cứu:** .....
10. **Chức vụ:** Giảng viên
11. **Liên lạc:**

<i>TT</i>		<i>Cơ quan</i>	<i>Cá nhân</i>
1	<b>Địa chỉ</b>	Trường đại học Thủ Dầu Một	Khu 3, Đường Nguyễn Thị Minh Khai, P. Phú Hòa, TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
2	<b>Điện thoại/ fax</b>		01678 868 285
3	<b>Email</b>		thond@tdmu.edu.vn

12. **Trình độ ngoại ngữ:**



TT	Tên ngoại ngữ	Nghe			Nói			Viết			Đọc hiểu tài liệu		
		Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB
1	Tiếng Anh			x			x			x		x	
2													

**13. Thời gian công tác:**

Thời gian	Nơi công tác	Chức vụ
Từ 01/01/2010 đến nay	Trường đại học Thủ Dầu Một	Giảng viên

**14. Quá trình đào tạo:**

Bậc đào tạo	Thời gian	Nơi đào tạo	Chuyên ngành	Tên luận án tốt nghiệp
Đại học	4 năm	Đại học Sư phạm Thái Nguyên	Sư Phạm Tin học	Thi TN
Thạc sỹ	2 năm	Đại học Giao thông vận tải CSII	Công nghệ TT	Ứng dụng lý thuyết tập mờ để đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên trường ĐH Thủ Dầu Một.
Tiến sỹ				
Tiến sỹ Khoa học				

**15. Các khóa đào tạo khác (nếu có):**

Văn bằng/ Chứng chỉ	Thời gian	Nơi đào tạo	Tên khóa đào tạo
Lý luận dạy học đại học	2012	Trường ĐH KHXH&NV TP HCM	Lý luận DH Đại học

Triết học sau đại học.	2012	Trường ĐH KHXH&NV HCM TP	Triết học Sau đại học.
ISW	2015	ĐH Thủ Dầu Một	Chứng Chỉ PP dạy học
Tiền tiến sĩ	2017	TT Đào Tạo Tiền Tiến sĩ ĐH Quốc Gia TP HCM	Tiền Tiến Sĩ
Chứng Chỉ Tiếng Anh-Trình độ B	2018	ĐH Ngân Hàng TP HCM	Chứng chỉ

## 16. Các lĩnh vực chuyên môn và hướng nghiên cứu:

### 16.1 Lĩnh vực chuyên môn:

- Lĩnh vực: BigData, Fuzzy logic, Cloud computing.
- Chuyên ngành: Công nghệ thông tin

### 16.2 Hướng nghiên cứu:

1. Logic mờ
2. Công nghệ điện toán đám mây



## II. NGHIÊN CỨU VÀ ĐÀO TẠO

### 1. Đề tài/ dự án:

TT	Tên đề tài/ dự án	Mã số & cấp quân lý/ Thuộc chương trình	Thời gian thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)	Chức nhiệm/ Tham gia	Ngày nghiệm thu	Kết quả
1							
2							

### 2. Hướng dẫn học viên cao học, nghiên cứu sinh:

<i>TT</i>	<i>Tên học viên cao học, nghiên cứu sinh</i>	<i>Tên luận văn/ luận án</i>	<i>Năm tốt nghiệp</i>	<i>Bậc đào tạo</i>	<i>Vai trò hướng dẫn (chính hay phụ)</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>
1				Thạc sỹ		
2				Tiến sỹ		

### III. CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ

#### 1. Sách:

##### 1.1 Sách xuất bản Quốc tế:

<i>TT</i>	<i>Tên sách</i>	<i>Nhà xuất bản</i>	<i>Năm xuất bản</i>	<i>Tác giả/ đồng tác giả</i>	<i>Bút danh</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>
1						
2						

##### 1.2. Sách xuất bản trong nước:

<i>TT</i>	<i>Tên sách</i>	<i>Nhà xuất bản</i>	<i>Năm xuất bản</i>	<i>Tác giả/ đồng tác giả</i>	<i>Bút danh</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>
1						
2						

#### 2. Các bài báo:

##### 2.1. Đăng trên tạp chí Quốc tế:

<i>TT</i>	<i>Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản</i>	<i>Số hiệu ISSN (ghi rõ thuộc ISI hay không)</i>	<i>Điểm IF</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>
1				

2				
---	--	--	--	--

**2.2. Đăng trên tạp chí trong nước:**

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Số hiệu ISSN	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Ghi chú
1				
2				

**2.3. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị/ Hội thảo Quốc tế:**

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị/ Hội thảo, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Số hiệu ISBN	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Ghi chú
1				
2				

**2.4. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị/ Hội thảo trong nước (có quy mô tổ chức cấp Trường hoặc tương đương trở lên):**

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị/ Hội thảo, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Số hiệu ISBN	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Ghi chú
1	Nguyễn Đình Thọ; Công nghệ điện toán đám mây: những lợi ích và thách thức về vấn đề an toàn bảo mật. Kỷ Yếu Hội Thảo NCKH Giảng viên Trẻ và HV Cao học, ngày 15/6/2018, ĐH Thủ Dầu Một.			
2	Bùi Sỹ Vương, Nguyễn Đình Thọ; Khai thác ứng dụng Moodle và Chat trên điện thoại di động trong quá trình dạy và học cho giảng viên và sinh viên Trường Đại học Thủ Dầu Một. Kỷ yếu HTKH Giảng dạy hòa hợp tích cực các môn lý luận chính trị tại trường ĐH Thủ Dầu Một, ngày 22/6/2017, ĐH Thủ Dầu Một.			
3	Nguyễn Đình Thọ; Thanh toán điện tử trong thời đại công nghiệp 4.0 :những cơ hội và thách thức. Kỷ Yếu Hội Thảo NCKH Giảng viên Trẻ và HV Cao học, ngày 15/6/2018, ĐH Thủ Dầu Một.			

**IV. CÁC GIẢI THƯỞNG**

**1. Các giải thưởng Khoa học và Công nghệ:**

<i>TT</i>	<i>Tên giải thưởng</i>	<i>Nội dung giải thưởng</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Năm cấp</i>
1				
2				

**2. Bằng phát minh, sáng chế:**

<i>TT</i>	<i>Tên bằng</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>	<i>Số hiệu</i>	<i>Năm cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Tác giả/ đồng tác giả</i>
1						
2						

**3. Bằng giải pháp hữu ích:**

<i>TT</i>	<i>Tên giải pháp</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>	<i>Số hiệu</i>	<i>Năm cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Tác giả/ đồng tác giả</i>
1						
2						

**4. Ứng dụng thực tiễn và thương mại hoá kết quả nghiên cứu:**

<i>TT</i>	<i>Tên công nghệ/ giải pháp hữu ích đã chuyển giao</i>	<i>Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng</i>	<i>Năm chuyển giao</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>
1				
2				

**V. THÔNG TIN KHÁC****1. Tham gia các chương trình, hội đồng khoa học cấp Quốc gia, Quốc tế:**

<i>TT</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Tên chương trình</i>	<i>Chức danh</i>

2. Tham gia các Hiệp hội Khoa học, Ban biên tập các tạp chí Khoa học, Ban tổ chức các Hội nghị, Hội thảo về KH&CN cấp Quốc gia, Quốc tế:

TT	Thời gian	Tên Hiệp hội/ Tạp chí/ Hội nghị, Hội thảo	Chức danh

3. Tham gia làm việc tại Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu theo lời mời:

TT	Thời gian	Tên Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu	Nội dung tham gia

Xác nhận của Thủ trưởng đơn vị



Bình Dương, ngày ... tháng 6 năm 2018

Người khai

(Họ tên và chữ ký)

Nguyễn Đình Thọ

<Mẫu 5 - Lý lịch khoa học>

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

## LÝ LỊCH KHOA HỌC



### I. THÔNG TIN CHUNG

1. **Họ và tên:** TRẦN VĂN TÀI.....
2. **Giới tính:** NAM.....
3. **Ngày sinh:** 08/10/1986 .....
4. **Nơi sinh:** SÔNG BÉ .....
5. **Nguyên quán:** THỪA THIÊN HUẾ .....
6. **Đơn vị công tác:**  
Bộ môn/ Phòng thí nghiệm/ Bộ phận: Kỹ thuật phần mềm .....
- Khoa/ Phòng/ Ban/ Trung tâm: Khoa KỸ THUẬT – CÔNG NGHỆ.....
7. **Học vị cao nhất:** Thạc sỹ..... Năm đạt học vị: 2015
8. **Chức danh khoa học:**  
Phó Giáo sư  Năm công nhận: ... Nơi công nhận:.....  
Giáo sư  Năm công nhận: ... Nơi công nhận:.....
9. **Chức danh nghiên cứu:** .....
10. **Chức vụ:** Phó giám đốc chương trình đào tạo.....
11. **Liên lạc:**

TT		Cơ quan	Cá nhân
1	Địa chỉ	06 Trần Văn Ôn, Phú Hòa, TDM, BD	140 dx79, Định Hòa, TDM, BD
2	Điện thoại/ fax		0792 200 300
3	Email		taitv@tdmu.edu.vn

**12. Trình độ ngoại ngữ:**

TT	Tên ngoại ngữ	Nghe			Nói			Viết			Đọc hiểu tài liệu		
		Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB
1	Tiếng Anh			x			x			x		x	
2													

**13. Thời gian công tác:**

Thời gian	Nơi công tác	Chức vụ
Từ 2008 đến 2013	Công ty cổ phần giải pháp Phần mềm EnterSoft	Nhân viên
Từ 04/2014 đến 04/2016	Trung tâm CNTT-LT Sở Tài nguyên Môi trường Bình Dương	Chuyên viên
Từ 05/2016 đến nay	Khoa CNTT-Đ-ĐT Trường Đại học Thủ Dầu Một	Giảng Viên

**14. Quá trình đào tạo:**

Bậc đào tạo	Thời gian	Nơi đào tạo	Chuyên ngành	Tên luận án tốt nghiệp
Đại học	2004-2010	Đại học Khoa học Tự nhiên Tp. HCM	Công nghệ Thông tin	Location based services
Thạc sỹ	2012-2015	Đại học Công nghệ Thông tin Tp. HCM	Khoa học máy tính	



**15. Các khóa đào tạo khác (nếu có):**

<i>Văn bằng/ Chứng chỉ</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Nơi đào tạo</i>	<i>Tên khóa đào tạo</i>
Chuyên viên	Tháng 04/2015-08/2015	Trường Chính Trị Bình Dương	Chuyên viên Khóa 52
Nghiệp vụ Sư phạm	Tháng 12/2015 – 03/2016	Đại học Thủ Dầu Một	Nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên Khóa II
Chứng nhận lớp bồi dưỡng đối tượng kết nạp Đảng	Từ 25/07/2017 – 28/07/2017	Đảng Ủy khối các cơ quan Tỉnh.	Lớp bồi dưỡng đối tượng Đảng

**16. Các lĩnh vực chuyên môn và hướng nghiên cứu:***16.1 Lĩnh vực chuyên môn:*

- Lĩnh vực: Công nghệ thông tin
- Chuyên ngành: Khoa học máy tính

*16.2 Hướng nghiên cứu:*

1. Big data
2. Software Development

**II. NGHIÊN CỨU VÀ ĐÀO TẠO****1. Đề tài/ dự án:**

<i>TT</i>	<i>Tên đề tài/ dự án</i>	<i>Mã số &amp; cấp quân lý/ Thuộc chương trình</i>	<i>Thời gian thực hiện</i>	<i>Kinh phí (triệu đồng)</i>	<i>Chủ nhiệm/ Tham gia</i>	<i>Ngày nghiệm thu</i>	<i>Kết quả</i>
-----------	--------------------------	--	----------------------------	------------------------------	----------------------------	------------------------	----------------

1	Xây dựng phần mềm kế toán quản trị- Công ty Cổ phần dịch vụ phân phối Dầu Khí (PSD)		8 tháng		Thành viên	2008	
2	Xây dựng phần mềm kế toán quản trị- Công ty Cổ phần hội tụ thông minh (Smartcom)		8 tháng		Thành viên	2019	
3	Xây dựng phần mềm quản lý Công ty cổ phần dược phẩm 3/2 – FT Pharma		12 tháng		Thành viên	2010	
4	Xây dựng phần mềm quản lý Công Ty Cp Dược Phẩm Trung Ương Vidipha		12 tháng		Thành viên	2011	
5	Xây dựng phần mềm quản lý Công ty Cơ khí Hồng Ký		24 tháng		Quản lý nhóm	2013	
6	Xây dựng phần mềm quản lý Áp giá bồi thương: Trung tâm phát triển Quỹ đất – Sở tài nguyên môi trường		6 tháng		Quản lý nhóm	2015	
6	Xây dựng phần mềm quản lý hồ sơ kiểm định ngoài	Đại học Thủ Dầu Một	3 tháng	50.000.000	Trần Văn Tài	2017	
7	Xây dựng phần mềm quản lý phần mềm quản lý phòng y tế.	Đại học Thủ Dầu Một	3 Tháng		Trần Văn Tài	2018	

1/2/2021

**2. Hướng dẫn học viên cao học, nghiên cứu sinh:**

<i>TT</i>	<i>Tên học viên cao học, nghiên cứu sinh</i>	<i>Tên luận văn/ luận án</i>	<i>Năm tốt nghiệp</i>	<i>Bậc đào tạo</i>	<i>Vai trò hướng dẫn (chính hay phụ)</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>
1				Thạc sỹ		
2				Tiến sỹ		

**III. CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ**

**1. Sách:**

1.1 Sách xuất bản Quốc tế:

<i>TT</i>	<i>Tên sách</i>	<i>Nhà xuất bản</i>	<i>Năm xuất bản</i>	<i>Tác giả/ đồng tác giả</i>	<i>Bút danh</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>
1						
2						

1.2. Sách xuất bản trong nước:

<i>TT</i>	<i>Tên sách</i>	<i>Nhà xuất bản</i>	<i>Năm xuất bản</i>	<i>Tác giả/ đồng tác giả</i>	<i>Bút danh</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>
1						
2						

**2. Các bài báo:**

2.1. Đăng trên tạp chí Quốc tế:

<i>TT</i>	<i>Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản</i>	<i>Số hiệu ISSN (ghi rõ thuộc ISI hay không)</i>	<i>Điểm IF</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>
1				
2				

2.2. Đăng trên tạp chí trong nước:

<i>TT</i>	<i>Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản</i>	<i>Số hiệu ISSN</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Bùi Thanh Khiết, Nguyễn Tấn Lộc, Huỳnh Nguyễn Thành Luân, Trần Văn Tài, Mô hình hỗ trợ học tập mở - OpenLab cho sinh viên ngành Công nghệ Thông tin Trường Đại học Thủ Dầu Một, Đảm bảo và kiểm định chất lượng giáo dục Đại học theo AUN-QA, 2017		Bài báo	
2				

2.3. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị/ Hội thảo Quốc tế:

<i>TT</i>	<i>Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị/ Hội thảo, thời gian tổ chức, nơi tổ chức</i>	<i>Số hiệu ISBN</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Huynh, L. N., Van Tai, T., Nguyen, V., Han, H., Park, J. H., & Huh, E. N. (2018). RENC: Rapid Emergency Notification in the Smart City. <i>한국정보과학회 학술발표논문집</i> , 507-509.			
2	Huynh, L. N., Pham, Q. V., Van Tai, T., Nguyen, T. D., Nguyen, V., Park, J. H., & Huh, E. N. (2019). Using PSO Algorithm for Computation Offloading in Multi-Access Edge Computing. <i>한국정보과학회 학술발표논문집</i> , 249-251.			

2.4. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị/ Hội thảo trong nước (có quy mô tổ chức cấp Trường hoặc tương đương trở lên):

<i>TT</i>	<i>Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị/ Hội thảo,</i>	<i>Số hiệu ISBN</i>	<i>Sản phẩm của</i>	<i>Ghi</i>
-----------	---	---------------------	---------------------	------------

	<i>thời gian tổ chức, nơi tổ chức</i>		<i>đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>	<i>chú</i>
1				
2				

10/10/2010

#### IV. CÁC GIẢI THƯỞNG

##### 1. Các giải thưởng Khoa học và Công nghệ:

<i>TT</i>	<i>Tên giải thưởng</i>	<i>Nội dung giải thưởng</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Năm cấp</i>
1				
2				

##### 2. Bằng phát minh, sáng chế:

<i>TT</i>	<i>Tên bằng</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>	<i>Số hiệu</i>	<i>Năm cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Tác giả/ đồng tác giả</i>
1						
2						

##### 3. Bằng giải pháp hữu ích:

<i>TT</i>	<i>Tên giải pháp</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>	<i>Số hiệu</i>	<i>Năm cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Tác giả/ đồng tác giả</i>
1						
2						

##### 4. Ứng dụng thực tiễn và thương mại hoá kết quả nghiên cứu:

<i>TT</i>	<i>Tên công nghệ/ giải pháp hữu ích đã chuyển giao</i>	<i>Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng</i>	<i>Năm chuyển giao</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>
1				
2				

## V. THÔNG TIN KHÁC

### 1. Tham gia các chương trình, hội đồng khoa học cấp Quốc gia, Quốc tế:

TT	Thời gian	Tên chương trình	Chức danh

### 2. Tham gia các Hiệp hội Khoa học, Ban biên tập các tạp chí Khoa học, Ban tổ chức các Hội nghị, Hội thảo về KH&CN cấp Quốc gia, Quốc tế:

TT	Thời gian	Tên Hiệp hội/ Tạp chí/ Hội nghị, Hội thảo	Chức danh

### 3. Tham gia làm việc tại Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu theo lời mời:

TT	Thời gian	Tên Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu	Nội dung tham gia

Xác nhận của Thủ trưởng đơn vị



Bình Dương, ngày ... tháng ... năm 20...

Người khai  
(Họ tên và chữ ký)

Trần Văn Tài

<Mẫu 5 - Lý lịch khoa học>

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

## LÝ LỊCH KHOA HỌC



### I. THÔNG TIN CHUNG

- Họ và tên:** VÕ QUỐC LƯƠNG
- Giới tính:** Nam
- Ngày sinh:** 10/02/1982
- Nơi sinh:** Thạch Văn, Thạch Hà, Hà Tĩnh
- Nguyên quán:** Hà Tĩnh
- Đơn vị công tác:**

Bộ môn: Kỹ thuật phần mềm

Khoa: Kỹ thuật công nghệ

- Học vị cao nhất:** Thạc sĩ
- Năm đạt học vị: 2010

### 8. Chức danh khoa học:

Phó Giáo sư  Năm công nhận: ... Nơi công nhận:.....

Giáo sư  Năm công nhận: ... Nơi công nhận:.....

### 9. Chức danh nghiên cứu: .....

### 10. Chức vụ: Giảng viên

### 11. Liên lạc:

TT		Cơ quan	Cá nhân
1	Địa chỉ	06 Trần Văn Ôn, P.Phú Hòa, TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	34/34/40 Đại Lộ Bình Dương, P.Phú Hòa, TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
2	Điện thoại/ fax	027-438-34930	0988.936.592
3	Email		luongvq@tdmu.edu.vn

### 12. Trình độ ngoại ngữ:

TT	Tên ngoại ngữ	Nghe			Nói			Viết			Đọc hiểu tài liệu		
		Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB
1	Tiếng Anh			x			x		x		x		



**13. Thời gian công tác:**

<i>Thời gian</i>	<i>Nơi công tác</i>	<i>Chức vụ</i>
Từ 11/2005 đến 04/2012	Trường CĐSP Bà Rịa Vũng Tàu	Giảng viên
Từ 05/2012 đến nay	Trường ĐH Thủ Dầu Một	Giảng viên

**14. Quá trình đào tạo:**

<i>Bậc đào tạo</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Nơi đào tạo</i>	<i>Chuyên ngành</i>	<i>Tên luận án tốt nghiệp</i>
Đại học	2001 - 2005	ĐHSP Huế	Sư phạm Tin học	Xây dựng hệ thống hỗ trợ dạy học ngôn ngữ lập trình Pascal
Thạc sỹ	2008 - 2010	ĐHKH Huế	Khoa học máy tính	Tim hiểu một số cơ chế quản lý hàng đợi tích cực và ứng dụng

**15. Các khóa đào tạo khác (nếu có):**

<i>Văn bằng/ Chứng chỉ</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Nơi đào tạo</i>	<i>Tên khóa đào tạo</i>
Chứng chỉ Lý luận dạy đại học	2013	ĐH KHXH&NV	Lý luận dạy đại học
ISW	2016	ĐH Thủ Dầu Một	Tập huấn các kỹ năng giảng dạy
CCNA	2017	Trung tâm tin học VNPro	CCNA
Chứng chỉ Nghiệp vụ sư phạm	2017	ĐH Thủ Dầu Một	Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên đại học, cao đẳng
Giảng viên CCNA	2018	Học viện số quốc tế (IDL)	Đào tạo giảng viên giảng dạy chương trình CCNA

**16. Các lĩnh vực chuyên môn và hướng nghiên cứu:**

15/01/2021

16.1 Lĩnh vực chuyên môn:

- Lĩnh vực: Mạng và kỹ thuật truyền số liệu
- Chuyên ngành: Mạng máy tính

16.2 Hướng nghiên cứu:

1. Mạng và kỹ thuật truyền số liệu
2. BigData

**II. NGHIÊN CỨU VÀ ĐÀO TẠO**

**1. Đề tài/ dự án:**

TT	Tên đề tài/ dự án	Mã số & cấp quản lý/ Thuộc chương trình	Thời gian thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)	Chủ nhiệm/ Tham gia	Ngày nghiệm thu	Kết quả
1	Ứng dụng sơ đồ tư duy trong dạy học lập trình		1 năm	20	Tham gia	12/2011	Tốt

**2. Hướng dẫn học viên cao học, nghiên cứu sinh:**

TT	Tên học viên cao học, nghiên cứu sinh	Tên luận văn/ luận án	Năm tốt nghiệp	Bậc đào tạo	Vai trò hướng dẫn (chính hay phụ)	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1				Thạc sỹ		

**III. CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ**

**1. Sách:**

1.1 Sách xuất bản Quốc tế:

TT	Tên sách	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Tác giả/ đồng tác giả	Bút danh	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1						
2						

1.2. Sách xuất bản trong nước:

<i>TT</i>	<i>Tên sách</i>	<i>Nhà xuất bản</i>	<i>Năm xuất bản</i>	<i>Tác giả/ đồng tác giả</i>	<i>Bút danh</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>
1						
2						

## 2. Các bài báo:

### 2.1. Đăng trên tạp chí Quốc tế:

<i>TT</i>	<i>Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản</i>	<i>Số hiệu ISSN (ghi rõ thuộc ISI hay không)</i>	<i>Điểm IF</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>
1				
2				

### 2.2. Đăng trên tạp chí trong nước:

<i>TT</i>	<i>Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản</i>	<i>Số hiệu ISSN</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>	<i>Ghi chú</i>
1				
2				

### 2.3. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị/ Hội thảo Quốc tế:

<i>TT</i>	<i>Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị/ Hội thảo, thời gian tổ chức, nơi tổ chức</i>	<i>Số hiệu ISBN</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>	<i>Ghi chú</i>
1				
2				

### 2.4. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị/ Hội thảo trong nước (có quy mô tổ chức cấp Trường hoặc tương đương trở lên):

<i>TT</i>	<i>Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị/ Hội thảo, thời gian tổ chức, nơi tổ chức</i>	<i>Số hiệu ISBN</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Võ Quốc Lương, Học như thế nào để nắm bắt thông tin một cách hiệu quả, Phương pháp dạy học Đại học, 03/2012, CĐSP Bà Rịa Vũng Tàu.			

2	Võ Quốc Lương, Bản đồ tư duy – phát huy tính tích cực trong dạy học, Đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng phát huy tính tích cực, sáng tạo của người học, 2013, ĐH Thủ Dầu Một.			
3	Võ Quốc Lương, Công tác bồi dưỡng giáo viên tin học trung học phổ thông từ góc nhìn của người học và một số đề xuất, Định hướng công tác bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên trung học 2016, 04/2016, ĐH Thủ Dầu Một.			
4	Võ Quốc Lương, Tạo bài giảng E-learning từ các công cụ hỗ trợ, Giảng dạy hòa hợp tích cực các môn Lý luận chính trị tại Trường Đại học Thủ Dầu Một, 06/2018, ĐH Thủ Dầu Một.			
5	Võ Quốc Lương, Tiết kiệm năng lượng trong mạng cảm biến không dây với giao thức định tuyến Spin-I, Ngày hội khoa học cán bộ, giảng viên trẻ và học viên cao học lần thứ 2 năm 2018. ĐH Thủ Dầu Một			
6	Võ Quốc Lương, Triển khai công nghệ 5G kết hợp IPv6 nhằm tăng hiệu suất mạng, Ngày hội khoa học cán bộ, giảng viên trẻ và học viên cao học lần thứ 2 năm 2018. ĐH Thủ Dầu Một			

#### IV. CÁC GIẢI THƯỞNG

##### 1. Các giải thưởng Khoa học và Công nghệ:

<i>TT</i>	<i>Tên giải thưởng</i>	<i>Nội dung giải thưởng</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Năm cấp</i>
1				
2				

##### 2. Bằng phát minh, sáng chế:

<i>TT</i>	<i>Tên bằng</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>	<i>Số hiệu</i>	<i>Năm cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Tác giả/ đồng tác giả</i>
1						
2						

**3. Bảng giải pháp hữu ích:**

<i>TT</i>	<i>Tên giải pháp</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>	<i>Số hiệu</i>	<i>Năm cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Tác giả/ đồng tác giả</i>
1						
2						

**4. Ứng dụng thực tiễn và thương mại hoá kết quả nghiên cứu:**

<i>TT</i>	<i>Tên công nghệ/ giải pháp hữu ích đã chuyển giao</i>	<i>Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng</i>	<i>Năm chuyển giao</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>
1				
2				

**V. THÔNG TIN KHÁC****1. Tham gia các chương trình, hội đồng khoa học cấp Quốc gia, Quốc tế:**

<i>TT</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Tên chương trình</i>	<i>Chức danh</i>

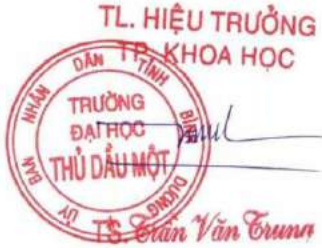
**2. Tham gia các Hiệp hội Khoa học, Ban biên tập các tạp chí Khoa học, Ban tổ chức các Hội nghị, Hội thảo về KH&CN cấp Quốc gia, Quốc tế:**

<i>TT</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Tên Hiệp hội/ Tạp chí/ Hội nghị, Hội thảo</i>	<i>Chức danh</i>

**3. Tham gia làm việc tại Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu theo lời mời:**

<i>TT</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Tên Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu</i>	<i>Nội dung tham gia</i>

Xác nhận của Thủ trưởng đơn vị



Bình Dương, ngày 10 tháng 06 năm 2019

**Người khai**  
(Họ tên và chữ ký)

**Võ Quốc Lương**



## LÝ LỊCH KHOA HỌC



### I. THÔNG TIN CHUNG

- Họ và tên:** NGUYỄN THỊ THỦY
- Giới tính:** Nữ
- Ngày sinh:** 01/01/1982
- Nơi sinh:** Quảng Ngạn, Quảng Điền, Thừa Thiên Huế
- Nguyên quán:** Thừa Thiên Huế
- Đơn vị công tác:**

Bộ môn: Hệ thống thông tin

Khoa: Công nghệ thông tin

- Học vị cao nhất:** Thạc sĩ Năm đạt học vị: 2010

### 8. Chức danh khoa học:

Phó Giáo sư  Năm công nhận: ... Nơi công nhận:.....

Giáo sư  Năm công nhận: ... Nơi công nhận:.....

- Chức danh nghiên cứu:** .....

- Chức vụ:** Giảng viên

### 11. Liên lạc:

<i>TT</i>		<i>Cơ quan</i>	<i>Cá nhân</i>
1	<b>Địa chỉ</b>	06 Trần Văn Ôn, P.Phú Hòa, TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	34/34/40 Đại Lộ Bình Dương, P.Phú Hòa, TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
2	<b>Điện thoại/ fax</b>	0274.3834512	0388.906.377
3	<b>Email</b>		ntthuysp@gmail.com

### 12. Trình độ ngoại ngữ:

<i>TT</i>	<i>Tên ngoại ngữ</i>	<i>Nghe</i>			<i>Nói</i>			<i>Viết</i>			<i>Đọc hiểu tài liệu</i>		
		<i>Tốt</i>	<i>Khá</i>	<i>TB</i>	<i>Tốt</i>	<i>Khá</i>	<i>TB</i>	<i>Tốt</i>	<i>Khá</i>	<i>TB</i>	<i>Tốt</i>	<i>Khá</i>	<i>TB</i>
1	Tiếng Anh		x			x			x		x		

**13. Thời gian công tác:**

<i>Thời gian</i>	<i>Nơi công tác</i>	<i>Chức vụ</i>
Từ 11/2005 đến 12/2012	Trường CĐSP Bà Rịa Vũng Tàu	Giảng viên
Từ 01/2013 đến nay	Trường ĐH Thủ Dầu Một	Giảng viên

**14. Quá trình đào tạo:**

<i>Bậc đào tạo</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Nơi đào tạo</i>	<i>Chuyên ngành</i>	<i>Tên luận án tốt nghiệp</i>
Đại học	2001 - 2005	ĐHSP Huế	Sư phạm Tin học	Xây dựng Website học tiếng Anh cho học sinh Tiểu học
Thạc sỹ	2008 - 2010	ĐHKH Huế	Khoa học máy tính	Về một số đặc trưng của Ảnh xạ đóng

**15. Các khóa đào tạo khác (nếu có):**

<i>Văn bằng/ Chứng chỉ</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Nơi đào tạo</i>	<i>Tên khóa đào tạo</i>
	2015	ĐH Tôn Đức Thắng	Bayesian and Decesion Theory
ISW	2016	ĐH Thủ Dầu Một	Tập huấn các kỹ năng giảng dạy
Chứng chỉ	2018	ĐH Thủ Dầu Một	Nghiệp vụ sư phạm dạy ĐH

**16. Các lĩnh vực chuyên môn và hướng nghiên cứu:****16.1 Lĩnh vực chuyên môn:**

- Lĩnh vực: Cơ sở dữ liệu (CSDL), Khai phá dữ liệu
- Chuyên ngành: Hệ thống thông tin

**16.2 Hướng nghiên cứu:**

1. Cơ sở dữ liệu
2. Khai phá dữ liệu



## II. NGHIÊN CỨU VÀ ĐÀO TẠO

### 1. Đề tài/ dự án:

TT	Tên đề tài/ dự án	Mã số & cấp quản lý/ Thuộc chương trình	Thời gian thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)	Chủ nhiệm/ Tham gia	Ngày nghiệm thu	Kết quả
1	Ứng dụng sơ đồ tư duy trong dạy học lập trình		1 năm	20	x	12/2011	Tốt

### 2. Hướng dẫn học viên cao học, nghiên cứu sinh:

TT	Tên học viên cao học, nghiên cứu sinh	Tên luận văn/ luận án	Năm tốt nghiệp	Bậc đào tạo	Vai trò hướng dẫn (chính hay phụ)	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1				Thạc sĩ		

## III. CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ

### 1. Sách:

#### 1.1 Sách xuất bản Quốc tế:

TT	Tên sách	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Tác giả/ đồng tác giả	Bút danh	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1						
2						

#### 1.2. Sách xuất bản trong nước:

TT	Tên sách	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Tác giả/ đồng tác giả	Bút danh	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1						
2						

## 2. Các bài báo:

### 2.1. Đăng trên tạp chí Quốc tế:

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Số hiệu ISSN (ghi rõ thuộc ISI hay không)	Điểm IF	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1				
2				

### 2.2. Đăng trên tạp chí trong nước:

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Số hiệu ISSN	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Ghi chú
1				

### 2.3. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị/ Hội thảo Quốc tế:

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị/ Hội thảo, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Số hiệu ISBN	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Ghi chú
1				

### 2.4. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị/ Hội thảo trong nước (có quy mô tổ chức cấp Trường hoặc tương đương trở lên):

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị/ Hội thảo, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Số hiệu ISBN	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Thủy, Một số biện pháp nhằm nâng cao ý thức tự học của sinh viên, Phương pháp dạy học Đại học, 03/2011, CĐSP Bà Rịa Vũng.			
2	Nguyễn Thị Thủy, Xây dựng chuẩn đầu ra môn PTKT Dạy học và Ứng dụng CNTT trong dạy học ngành SP Lịch Sử đáp ứng nhu cầu dạy học hiện đại, Xây dựng chuẩn đầu ra CDIO cho ngành SP Lịch sử và SP Địa lý, 03/2016, ĐH Thủ Dầu Một.			
3	Nguyễn Thị Thủy, Thực trạng sử dụng ngôn ngữ teen của SV trường ĐH Thủ Dầu Một, Nghiên cứu và giảng dạy tiếng Việt trong nhà trường hiện nay, 06/2016, ĐH Thủ Dầu Một.			

RU  
AI  
JO

4	Triển Khai Nhập Môn Ngành Công Nghệ Thông Tin Tại Trường Đại Học Thủ Dầu Một, 08/2016, Đại học Quốc Gia TP HCM.			
5	Thiết Kế Các Dạng Rubric Đánh Giá Kết Quả Học Tập, 03/2017, ĐH Thủ Dầu Một.			
6	Tạo bài giảng E-learning từ các công cụ hỗ trợ, 06/2018, ĐH Thủ Dầu Một.			
7	Đánh giá tính hiệu quả của các phương pháp phân loại văn bản, 06/2019, ĐH Thủ Dầu Một.			

#### IV. CÁC GIẢI THƯỞNG

##### 1. Các giải thưởng Khoa học và Công nghệ:

TT	Tên giải thưởng	Nội dung giải thưởng	Nơi cấp	Năm cấp
1				
2				

##### 2. Bằng phát minh, sáng chế:

TT	Tên bằng	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Số hiệu	Năm cấp	Nơi cấp	Tác giả/ đồng tác giả
1						
2						

##### 3. Bằng giải pháp hữu ích:

TT	Tên giải pháp	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Số hiệu	Năm cấp	Nơi cấp	Tác giả/ đồng tác giả
1						
2						

##### 4. Ứng dụng thực tiễn và thương mại hoá kết quả nghiên cứu:

TT	Tên công nghệ/ giải pháp hữu ích đã chuyển giao	Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng	Năm chuyển giao	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1				
2				

## V. THÔNG TIN KHÁC

### 1. Tham gia các chương trình, hội đồng khoa học cấp Quốc gia, Quốc tế:

TT	Thời gian	Tên chương trình	Chức danh

### 2. Tham gia các Hiệp hội Khoa học, Ban biên tập các tạp chí Khoa học, Ban tổ chức các Hội nghị, Hội thảo về KH&CN cấp Quốc gia, Quốc tế:

TT	Thời gian	Tên Hiệp hội/ Tạp chí/ Hội nghị, Hội thảo	Chức danh

### 3. Tham gia làm việc tại Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu theo lời mời:

TT	Thời gian	Tên Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu	Nội dung tham gia

Xác nhận của Thủ trưởng đơn vị



Bình Dương, ngày 10 tháng 06 năm 2019

Người khai  
(Họ tên và chữ ký)

Nguyễn Thị Thủy

## LÝ LỊCH KHOA HỌC



### I. THÔNG TIN CHUNG

- Họ và tên: BÙI THANH HÙNG
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 02/07/1980
- Nơi sinh: An Vinh, Quỳnh Phụ, Thái Bình
- Nguyên quán: An Vinh, Quỳnh Phụ, Thái Bình
- Đơn vị công tác:

Chương trình: Hệ thống thông tin

Khoa: Kỹ thuật - Công nghệ

- Học vị cao nhất: Tiến sĩ Năm đạt học vị: 2013

### 8. Chức danh khoa học:

Phó Giáo sư  Năm công nhận: ... Nơi công nhận:.....  
Giáo sư  Năm công nhận: ... Nơi công nhận:.....

- Chức danh nghiên cứu: .....

- Chức vụ: Giám đốc chương trình Hệ thống thông tin, Trường DAAI Lab

### 11. Liên lạc:

TT		Cơ quan	Cá nhân
1	Địa chỉ	06 Trần Văn Ôn, P.Phú Hòa, TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	A20.12, 125 Đồng Văn Cống, P. Thạch Mỹ Lợi, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh
2	Điện thoại/ fax	0274.3834930	0908542521
3	Email	hungbt.cntt@tdmu.edu.vn	tuhungphe@gmail.com

### 12. Trình độ ngoại ngữ:

TT	Tên ngoại ngữ	Nghe			Nói			Viết			Đọc hiểu tài liệu		
		Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB
1	Tiếng Anh	x			x				x		X		

### 13. Thời gian công tác:

<i>Thời gian</i>	<i>Nơi công tác</i>	<i>Chức vụ</i>
Từ 09/2003 đến 15/05/2017	Trường Đại học Cảnh sát nhân dân	Giảng viên
Từ 16/05/2017 đến nay	Trường Đại học Thủ Dầu Một	Giảng viên

**14. Quá trình đào tạo:**

<i>Bậc đào tạo</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Nơi đào tạo</i>	<i>Chuyên ngành</i>	<i>Tên luận án tốt nghiệp</i>
Đại học	1998-2003	Học viện An ninh nhân dân	Tin học	Xây dựng hệ thống giám sát, điều khiển máy tính từ xa
Thạc sỹ	2008 - 2010	Jaist, Nhật Bản	Khoa học máy tính	Rule selection for syntax-based Vietnamese-English statistical machine translation
Tiến sỹ	2010-2013	Jaist, Nhật Bản	Khoa học máy tính	A study on statistical machine translation of legal sentences

**15. Các khóa đào tạo khác (nếu có):**

<i>Văn bằng/ Chứng chỉ</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Nơi đào tạo</i>	<i>Tên khóa đào tạo</i>
Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm giảng dạy đại học	2004	Trường cán bộ quản lý giáo dục và đào tạo II	Khóa học bồi dưỡng cán bộ và công chức Nhà nước ngành Giáo dục và Đào tạo theo chương trình Giáo dục học đại học cho giảng viên Trường Đại học, Cao đẳng
Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm nâng cao	2015	Học viện Chính trị Công an nhân dân	Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm nâng cao cho giảng viên các Học viện, Trường Đại học, Cao đẳng CAND năm 2015
Chứng chỉ bồi dưỡng giảng viên chính	2017	Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh	Bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp Giảng viên chính

15/11/2017

**16. Các lĩnh vực chuyên môn và hướng nghiên cứu:****16.1 Lĩnh vực chuyên môn:**

- Lĩnh vực: Học máy, dịch máy, xử lý ngôn ngữ tự nhiên, khai phá dữ liệu
- Chuyên ngành: Khoa học máy tính

**16.2 Hướng nghiên cứu:**

1. Học máy
2. Dịch máy
3. Xử lý ngôn ngữ tự nhiên
4. Khai phá dữ liệu

**II. NGHIÊN CỨU VÀ ĐÀO TẠO****1. Đề tài/ dự án:**

<i>TT</i>	<i>Tên đề tài/ dự án</i>	<i>Mã số &amp; cấp quản lý/ Thuộc chương trình</i>	<i>Thời gian thực hiện</i>	<i>Kinh phí (triệu đồng)</i>	<i>Chủ nhiệm/ Tham gia</i>	<i>Ngày nghiệm thu</i>	<i>Kết quả</i>
1	Xây dựng mô hình hệ thống đào tạo trực tuyến E-learning tại Trường Đại học Cảnh sát nhân dân và hướng triển khai áp dụng thí điểm tại Bộ môn Toán-Tin học		1 năm	20	x	11/2015	Đạt

**2. Hướng dẫn học viên cao học, nghiên cứu sinh:**

<i>TT</i>	<i>Tên học viên cao học, nghiên cứu sinh</i>	<i>Tên luận văn/ luận án</i>	<i>Năm tốt nghiệp</i>	<i>Bậc đào tạo</i>	<i>Vai trò hướng dẫn (chính hay phụ)</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>
1	Nguyễn Thị Thanh Hương	Xây dựng hệ thống trả lời tự động Chatbot bằng tiếng Việt sử dụng phương pháp học sâu	2019	Thạc sĩ	Chính	
2	Nguyễn Anh Dũng	Nhận dạng tên riêng tiếng Việt bằng phương	2019	Thạc sĩ	Chính	

		pháp học sâu				
3	Nguyễn Cường	Cao	Trích xuất thông tin du lịch bằng phương pháp học sâu	2019	Thạc sĩ	Chính

### III. CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ

#### 1. Sách:

##### 1.1 Sách xuất bản Quốc tế:

TT	Tên sách	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Tác giả/ đồng tác giả	Bút danh	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1						
2						

##### 1.2. Sách xuất bản trong nước:

TT	Tên sách	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Tác giả/ đồng tác giả	Bút danh	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1						
2						

#### 2. Các bài báo:

##### 2.1. Đăng trên tạp chí Quốc tế:

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Số hiệu ISSN (ghi rõ thuộc ISI hay không)	Điểm IF	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1	Bui Thanh Hung, Nguyen Le Minh and Akira Shimazu. "Translating Legal Sentence by Segmentation and Rule Selection". International Journal on Natural Language Computing, Volume 2, Number 4, pp. 35-54, August 2013.	ISBN 2319-4111 (Không thuộc ISI)		
2	Bui Thanh Hung. "Integrating Diacritics Restoration and Question Classification into Vietnamese Question Answering System". Special Issue on	ISSN: 2415-6698 (Scopus)		



Advancement in Engineering and Computer Science Journal - ASTESJ, Volume 4, Issue 5, Page No 207-212, October 2019.			
---	--	--	--

**2.2. Đăng trên tạp chí trong nước:**

<i>TT</i>	<i>Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản</i>	<i>Số hiệu ISSN</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Bui Thanh Hung. "Pilot model online training system E-learning in the People's Police University". People's Police Education Science Journal, Volumn 68, pp. 17-21, November 2015.	ISBN 1859-4239		

**2.3. Đăng trên kỳ yếu Hội nghị/ Hội thảo Quốc tế:**

<i>TT</i>	<i>Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị/ Hội thảo, thời gian tổ chức, nơi tổ chức</i>	<i>Số hiệu ISBN</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Bui Thanh Hung, Nguyen Le Minh and Akira Shimazu. (2011). "Using Rich Linguistic and Contextual Information for Tree-Based Statistical Machine Translation". In Proceedings of International Conference on Asian Language Processing, pp. 189-192.	ISBN 978-0-7695-4554-7		
2	Bui Thanh Hung, Nguyen Le Minh and Akira Shimazu. (2012). "Sentence Splitting for Vietnamese-English Machine Translation". In Proceedings of the 4th International Conference on Knowledge and Systems Engineering, pp. 156-160.	ISBN 978-0-7695-4760-2		
3	Bui Thanh Hung, Nguyen Le Minh and Akira Shimazu. (2012). "Divide and Translate Legal Text Sentence by Using its Logical Structure". In proceedings of the 7th International Conference on Knowledge, Information and Creativity Support Systems, pp. 18-23, 2012.	ISBN 978-1-4673-4564-4		
4	Bui Thanh Hung. (2018). "A Facial-expression Monitoring System to Recognize Student's Engagement in the Classroom". In proceedings of 1st Vietnam Conference on Artificial Intelligence for Life.			
5	Bui Thanh Hung. (2018). "Vietnamese Diacritics Restoration Using Deep Learning Approach". In Proceedings of the 10th International Conference on Knowledge and Systems Engineering - KSE	ISBN 978-604-67-1150-6		
6	Bui Thanh Hung. (2018). "Vietnamese Keyword	ISBN 978-1-		



	Extraction Using Hybrid Deep Learning Methods". In proceedings of the 5th NAFOSTED Conference on Information and Computer Science.	5386-7983-8		
7	Bui Thanh Hung. (2018). "Domain-specific vs. General-Purpose Word Representations in Sentiment Analysis for Deep Learning Models". The 7th International Conference on Frontiers of Intelligent Computing: Theory and Applications, FICTA 2018.	ISBN 2194-5357		
8	Bui Thanh Hung. (2018). "Combining Pre-trained Word Embeddings and Domain-features in Bidirectional LSTM model for Vietnamese Keyword Extraction ". The 7th International Conference on Frontiers of Intelligent Computing: Theory and Applications, FICTA 2018.	ISBN 2194-5357		
9	Bui Thanh Hung. (2018). "Parking Lot Occupancy Detection Using Deep Learning Approach". The 5th SHTP Annual International Conference 2018: Robotics & Artificial Intelligent			
10	Bui Thanh Hung. (2018). "Training Demand on Data Analytics". The 1st International Conference on South East Vietnam Outlook, SVO 2018.			
11	Bui Thanh Hung. (2019). "Integrating Sentiment Analysis in Recommender Systems". The International Conference on Data Science in Business, Finance and Industry, DSBFI.	ISBN 978-0-9910576-6-5.		
12	Bui Thanh Hung. (2019). "Vietnamese Question Classification based on Deep Learning for Educational Support System". The 19th International Symposium on Communications and Information Technologies, ISCIT 9.2019			
13	Bui Thanh Hung. (2019). "Document Classification by Using Hybrid Deep Learning Approach". The 8th EAI International Conference on Context-Aware Systems and Applications, ICCASA 2019 11.2019			
14	Bui Thanh Hung. (2020). "Facial Expression Recognition Using Hybrid Deep Learning Approach". The International Conference on Artificial Intelligence and Computational Intelligence, AICI 2020			

2.4. Đăng trên kỳ yếu Hội nghị/ Hội thảo trong nước (có quy mô tổ chức cấp Trường hoặc tương đương trở lên):

<i>TT</i>	<i>Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị/ Hội thảo, thời gian tổ chức, nơi tổ chức</i>	<i>Số hiệu ISBN</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Bùi Thanh Hùng. Using logical structure of a legal sentence for tree-based statistical machine translation, Hội thảo khoa học cán bộ, giảng viên trẻ và học viên cao học lần thứ I, Đại học Thủ Dầu Một, 06-2017			
2	Bùi Thanh Hùng Phân tích cảm xúc bằng phương pháp học sâu. Hội thảo khoa học cán bộ, giảng viên trẻ và học viên cao học lần thứ II, Đại học Thủ Dầu Một, 06-2018			
3	Bùi Thanh Hùng. Classification of Vietnamese Documents Using Support Vector. Hội thảo khoa học cán bộ, giảng viên trẻ và học viên cao học lần thứ II, Đại học Thủ Dầu Một, 06-2018			
4	Nguyễn Anh Dũng, Nguyễn Cao Cường, Bùi Thanh Hùng. "Nhận diện tên riêng Tiếng Việt bằng phương pháp học sâu". Hội thảo khoa học cán bộ, giảng viên trẻ và học viên cao học lần thứ III, Đại học Thủ Dầu Một, 06-2019			
5	Trần Hữu Hạnh, Bùi Thanh Hùng. Phân tích ý kiến người dùng sử dụng phương pháp học sâu kết hợp CNN-LSTM. Hội thảo khoa học cán bộ, giảng viên trẻ và học viên cao học lần thứ III, Đại học Thủ Dầu Một, 06-2019			
6	Nguyễn Trung Tín, Bùi Thanh Hùng. Xây dựng Hệ thống trả lời tự động áp dụng ở Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông tỉnh Bình Dương. Hội thảo khoa học cán bộ, giảng viên trẻ và học viên cao học lần thứ III, Đại học Thủ Dầu Một, 06-2019			
7	Nguyễn Thanh Tùng, Bùi Thanh Hùng. Ứng dụng phương pháp học sâu nhận dạng khuôn mặt. Hội thảo khoa học cán bộ, giảng viên trẻ và học viên cao học lần thứ III, Đại học Thủ Dầu Một, 06-2019			
8	Bùi Thanh Hùng. AI- Từ nghiên cứu đến ứng dụng. Hội thảo khoa học cán bộ, giảng viên trẻ và học viên cao học lần thứ III, Đại học Thủ Dầu Một, 06-2019			

SAN  
RUC  
MAY  
J DA  
\*

#### IV. CÁC GIẢI THƯỞNG

##### 1. Các giải thưởng Khoa học và Công nghệ:

<i>TT</i>	<i>Tên giải thưởng</i>	<i>Nội dung giải thưởng</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Năm cấp</i>
1	Nhà nghiên cứu Khoa học tiêu biểu xuất sắc	Nhà nghiên cứu Khoa học tiêu biểu xuất sắc, năm học 2018-2019	Đại học Thủ Dầu Một	2019
2	Best Paper Award	Bài báo xuất sắc	FICTA Conference	2018

**2. Bằng phát minh, sáng chế:**

<i>TT</i>	<i>Tên bằng</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>	<i>Số hiệu</i>	<i>Năm cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Tác giả/ đồng tác giả</i>
1						
2						

**3. Bằng giải pháp hữu ích:**

<i>TT</i>	<i>Tên giải pháp</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>	<i>Số hiệu</i>	<i>Năm cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Tác giả/ đồng tác giả</i>
1						
2						

**4. Ứng dụng thực tiễn và thương mại hoá kết quả nghiên cứu:**

<i>TT</i>	<i>Tên công nghệ/ giải pháp hữu ích đã chuyển giao</i>	<i>Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng</i>	<i>Năm chuyển giao</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>
1				
2				

**V. THÔNG TIN KHÁC**

**1. Tham gia các chương trình, hội đồng khoa học cấp Quốc gia, Quốc tế:**

<i>TT</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Tên chương trình</i>	<i>Chức danh</i>
1	11/2014	6th International Conference on Knowledge and Systems Engineering, KSE 2014.	Reviewer
2	06/2016	The 5th International Conference on Computational Social Networks, CSoNet 2016.	Reviewer

3	08/2016	5th International Conference on Context-Aware Systems and Applications, ICCASA 2016.	Reviewer
4	03/2016	Cuộc thi khoa học kỹ thuật dành cho học sinh trung học khu vực phía Nam năm 2015-2016	Giám khảo
5	03/2019	Cuộc thi khoa học kỹ thuật dành cho học sinh trung học khu vực phía Bắc năm 2018-2019	Giám khảo

**2. Tham gia các Hiệp hội Khoa học, Ban biên tập các tạp chí Khoa học, Ban tổ chức các Hội nghị, Hội thảo về KH&CN cấp Quốc gia, Quốc tế:**

TT	Thời gian	Tên Hiệp hội/ Tạp chí/ Hội nghị, Hội thảo	Chức danh



**3. Tham gia làm việc tại Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu theo lời mời:**

TT	Thời gian	Tên Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu	Nội dung tham gia

Xác nhận của Thủ trưởng đơn vị



Bình Dương, ngày 10 tháng 11 năm 2019

Người khai  
(Họ tên và chữ ký)

*B*  
Bùi Thanh Hùng

<Mẫu 5 - Lý lịch khoa học>

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

## LÝ LỊCH KHOA HỌC



### I. THÔNG TIN CHUNG

1. **Họ và tên:** NGUYỄN KIM DUY

2. **Giới tính:** Nam

3. **Ngày sinh:** 07/9/1983

4. **Nơi sinh:** Bình Dương

5. **Nguyên quán:** Bến Tre

6. **Đơn vị công tác:**

Bộ môn/ Phòng thí nghiệm/ Bộ phận: Kỹ thuật phần mềm

Khoa/ Phòng/ Ban/ Trung tâm: Kỹ thuật Công nghệ

7. **Học vị cao nhất:** Thạc sĩ

Năm đạt học vị: 2016

8. **Chức danh khoa học:**

Phó Giáo sư

Năm công nhận: ...

Nơi công nhận:.....

Giáo sư

Năm công nhận: ...

Nơi công nhận:.....

9. **Chức danh nghiên cứu:** Nghiên cứu sinh

10. **Chức vụ:** Giảng viên

11. **Liên lạc:**

TT		Cơ quan	Cá nhân
1	Địa chỉ	Số 06 Trần Văn Ôn, p. Phú Hoà, TPTDM, Bình Dương	13/1 Lý Tự Trọng, KP6, p. Phú Thọ, TPTDM, Bình Dương
2	Điện thoại/ fax		0936524082
3	Email	<a href="mailto:duynk@tdmu.edu.vn">duynk@tdmu.edu.vn</a>	duynk@tdmu.edu.vn

12. **Trình độ ngoại ngữ:**

TT	Tên ngoại ngữ	Nghe	Nói	Viết	Đọc hiểu tài liệu
----	---------------	------	-----	------	-------------------

		<i>Tốt</i>	<i>Khá</i>	<i>TB</i>	<i>Tốt</i>	<i>Khá</i>	<i>TB</i>	<i>Tốt</i>	<i>Khá</i>	<i>TB</i>	<i>Tốt</i>	<i>Khá</i>	<i>TB</i>
1	Anh văn		X		X			X			X		
2													

**13. Thời gian công tác:**

<i>Thời gian</i>	<i>Nơi công tác</i>	<i>Chức vụ</i>
Từ 2006 đến 2008	Thanh tra tỉnh Bình Dương	Chuyên viên CNTT
Từ 2010 đến 2017	Đại học Bình Dương	Giảng viên
Từ 2018 – nay	Đại học Thủ Dầu Một	Giảng viên

**14. Quá trình đào tạo:**

<i>Bậc đào tạo</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Nơi đào tạo</i>	<i>Chuyên ngành</i>	<i>Tên luận án tốt nghiệp</i>
Đại học	2001-2006	Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP HCM	Tin học	Bảo mật thương mại điện tử
Thạc sỹ	2014-2016	Đại học CNTT	CNTT	Nhận dạng hoạt động trong nhà thông minh
Tiến sỹ	2016 – nay	Đại học CNTT	CNTT	

**15. Các khóa đào tạo khác (nếu có):**

<i>Văn bằng/ Chứng chỉ</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Nơi đào tạo</i>	<i>Tên khóa đào tạo</i>
TOEIC	2014	IIG Việt Nam	
NVSP Đại học	2014	Đại học SPKT TP HCM	

## 16. Các lĩnh vực chuyên môn và hướng nghiên cứu:

### 16.1 Lĩnh vực chuyên môn:

- Lĩnh vực: Phát triển phần mềm
- Chuyên ngành: CNTT

### 16.2 Hướng nghiên cứu:

1. Phân tích dữ liệu lớn
2. Nhận dạng hoạt động người cư ngụ trong nhà thông minh

## II. NGHIÊN CỨU VÀ ĐÀO TẠO

## III. CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ

### 1. Sách:

### 2. Các bài báo:

#### 2.1. Đăng trên tạp chí Quốc tế:

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Số hiệu ISSN (ghi rõ thuộc ISI hay không)	Điểm IF	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1	Duy Nguyen et al, "A Novel Approach to Clustering Activities within Sensor Smart Homes", IJSSST	1473-804x online, 1473-8031 print		
2				

#### 2.2. Đăng trên tạp chí trong nước:

#### 2.3. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị/ Hội thảo Quốc tế:

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị/ Hội thảo, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Số hiệu ISBN	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Ghi chú
1	Duy Nguyen, Tien Le, Son Nguyen, "An Algorithmic Method of Calculating Neighborhood Radius for Clustering In-home Activities within Smart Home Environment", ISMS2016, Bangkok, Thailand	978-1-5090-0665-6		
2	Tien Le, Duy Nguyen, Son Nguyen, "An Approach of Using Contexts for In-home Activity Recognition and Forecast", ICCAR2016, HongKong	978-1-4673-9859-6		
3	Duy Nguyen, Luong Nguyen, Son Nguyen, "A Novel Approach of Ontology-based Activity	978-981-32-9186-7		



	<i>Segmentation and Recognition Using Pattern Discovery in Multi-resident Homes”, FICTA2018, DaNang, Vietnam</i>			
--	--	--	--	--

2.4. Đăng trên kỳ yếu Hội nghị/ Hội thảo trong nước (có quy mô tổ chức cấp Trường hoặc tương đương trở lên):

#### IV. CÁC GIẢI THƯỞNG

##### 1. Các giải thưởng Khoa học và Công nghệ:

TT	Tên giải thưởng	Nội dung giải thưởng	Nơi cấp	Năm cấp
1				
2				

##### 2. Bằng phát minh, sáng chế:

TT	Tên bằng	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Số hiệu	Năm cấp	Nơi cấp	Tác giả/ đồng tác giả
1						
2						

##### 3. Bằng giải pháp hữu ích:

TT	Tên giải pháp	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Số hiệu	Năm cấp	Nơi cấp	Tác giả/ đồng tác giả
1						
2						

##### 4. Ứng dụng thực tiễn và thương mại hoá kết quả nghiên cứu:

TT	Tên công nghệ/ giải pháp hữu ích đã chuyển giao	Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng	Năm chuyển giao	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1				
2				



**V. THÔNG TIN KHÁC**

1. Tham gia các chương trình, hội đồng khoa học cấp Quốc gia, Quốc tế:
2. Tham gia các Hiệp hội Khoa học, Ban biên tập các tạp chí Khoa học, Ban tổ chức các Hội nghị, Hội thảo về KH&CN cấp Quốc gia, Quốc tế:
3. Tham gia làm việc tại Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu theo lời mời:

Xác nhận của Thủ trưởng đơn vị



Bình Dương, ngày ... tháng 11 năm 2019

Người khai  
(Họ tên và chữ ký)

Nguyễn Kim Duy



<Mẫu 5 - Lý lịch khoa học>

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

## LÝ LỊCH KHOA HỌC



### I. THÔNG TIN CHUNG

1. Họ và tên: NGUYỄN HỮU VĨNH

2. Giới tính: Nam

3. Ngày sinh: 03/09/1975

4. Nơi sinh: Cần Thơ

5. Nguyên quán: Cần Thơ

6. Đơn vị công tác:

Khoa/ Phòng/ Ban/ Trung tâm: Công nghệ thông tin

7. Học vị cao nhất: Thạc sĩ

Năm đạt học vị: 2011

8. Chức danh khoa học:

Phó Giáo sư

Năm công nhận: ...

Nơi công nhận:.....

Giáo sư

Năm công nhận: ...

Nơi công nhận:.....

9. Chức danh nghiên cứu: .....

10. Chức vụ: Giảng viên và phó trưởng bộ môn

11. Liên lạc:

TT		Cơ quan	Cá nhân
1	Địa chỉ	Số 06, Trần Văn Ôn, Phú Hòa, Thủ Dầu Một, Bình Dương	7/7 TL26, p.Thạnh Lộc, KP3B, Q.12
2	Điện thoại/ fax	(0650) 3.822.518 - (0650) 3.837.150	0908202983
3	Email		vinhnh@tdmu.edu.vn

12. Trình độ ngoại ngữ:

TT	Tên ngoại ngữ	Nghe			Nói			Viết			Đọc hiểu tài liệu		
		Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB

1	Tiếng Anh			<input checked="" type="checkbox"/>			<input checked="" type="checkbox"/>			<input checked="" type="checkbox"/>		<input checked="" type="checkbox"/>	
2													

### 13. Thời gian công tác:

<i>Thời gian</i>	<i>Nơi công tác</i>	<i>Chức vụ</i>
Từ 2000 đến 2003	Công ty TNHH Bit-Fix	Lập trình viên
Từ 2004 đến 2007	Công ty TNHH Philance	Lập trình viên
Từ 2008 đến 2012	Công ty TNHH Bảo Trường	Lập trình viên
Từ 2013 nay	Trường đại học Thủ Dầu Một	Giảng viên

### 14. Quá trình đào tạo:

<i>Bậc đào tạo</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Nơi đào tạo</i>	<i>Chuyên ngành</i>	<i>Tên luận án tốt nghiệp</i>
Đại học	1996-2000	Đại học Kỹ thuật công nghệ	Kỹ thuật máy tính	
Thạc sỹ	2009-2011	Học viện công nghệ Bưu chính viễn thông	Truyền dữ liệu và mạng máy tính	Nghiên cứu giải pháp tìm kiếm nội dung tài liệu dựa trên ngữ nghĩa, ứng dụng vào việc tìm kiếm văn bản khoa học máy tính
Tiến sỹ				
Tiến sỹ Khoa học				

### 15. Các khóa đào tạo khác (nếu có):

<i>Văn bằng/</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Nơi đào tạo</i>	<i>Tên khóa đào tạo</i>

<i>Chứng chỉ</i>			
Toiecc	2009		

## 16. Các lĩnh vực chuyên môn và hướng nghiên cứu:

### 16.1 Lĩnh vực chuyên môn:

- Lĩnh vực: Kỹ thuật phần mềm.
- Chuyên ngành: Kỹ thuật phần mềm

### 16.2 Hướng nghiên cứu:

1. Semantic, Search Engine
2. Trí tuệ nhân tạo

## II. NGHIÊN CỨU VÀ ĐÀO TẠO

### 1. Đề tài/ dự án:

<i>TT</i>	<i>Tên đề tài/ dự án</i>	<i>Mã số &amp; cấp quản lý/ Thuộc chương trình</i>	<i>Thời gian thực hiện</i>	<i>Kinh phí (triệu đồng)</i>	<i>Chủ nhiệm/ Tham gia</i>	<i>Ngày nghiệm thu</i>	<i>Kết quả</i>
1							
2							

### 2. Hướng dẫn học viên cao học, nghiên cứu sinh:

<i>TT</i>	<i>Tên học viên cao học, nghiên cứu sinh</i>	<i>Tên luận văn/ luận án</i>	<i>Năm tốt nghiệp</i>	<i>Bậc đào tạo</i>	<i>Vai trò hướng dẫn (chính hay phụ)</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>
1				Thạc sỹ		
2				Tiến sỹ		

## III. CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ

## 1. Sách:

### 1.1 Sách xuất bản Quốc tế:

TT	Tên sách	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Tác giả/đồng tác giả	Bút danh	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1						
2						

### 1.2. Sách xuất bản trong nước:

TT	Tên sách	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Tác giả/đồng tác giả	Bút danh	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1						
2						

## 2. Các bài báo:

### 2.1. Đăng trên tạp chí Quốc tế:

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Số hiệu ISSN (ghi rõ thuộc ISI hay không)	Điểm IF	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1				
2				

### 2.2. Đăng trên tạp chí trong nước:

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Số hiệu ISSN	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Ghi chú
1	Nguyễn Hữu Vĩnh, Giải pháp tìm kiếm ngữ nghĩa cho văn bản khoa học máy tính tiếng Việt. tạp chí Đà Lạt tập 7 số 3 (20017).			
2				

### 2.3. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị/ Hội thảo Quốc tế:

<i>TT</i>	<i>Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị/ Hội thảo, thời gian tổ chức, nơi tổ chức</i>	<i>Số hiệu ISBN</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>	<i>Ghi chú</i>
1				
2				

2.4. Đăng trên kỳ yếu Hội nghị/ Hội thảo trong nước (có quy mô tổ chức cấp Trường hoặc tương đương trở lên):

<i>TT</i>	<i>Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị/ Hội thảo, thời gian tổ chức, nơi tổ chức</i>	<i>Số hiệu ISBN</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>	<i>Ghi chú</i>
1				
2				

#### IV. CÁC GIẢI THƯỞNG

##### 1. Các giải thưởng Khoa học và Công nghệ:

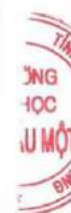
<i>TT</i>	<i>Tên giải thưởng</i>	<i>Nội dung giải thưởng</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Năm cấp</i>
1				
2				

##### 2. Bằng phát minh, sáng chế:

<i>TT</i>	<i>Tên bằng</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>	<i>Số hiệu</i>	<i>Năm cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Tác giả/ đồng tác giả</i>
1						
2						

##### 3. Bằng giải pháp hữu ích:

<i>TT</i>	<i>Tên giải pháp</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>	<i>Số hiệu</i>	<i>Năm cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Tác giả/ đồng tác giả</i>
1						
2						



**4. Ứng dụng thực tiễn và thương mại hoá kết quả nghiên cứu:**

TT	Tên công nghệ/ giải pháp hữu ích đã chuyển giao	Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng	Năm chuyển giao	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1				
2				

**V. THÔNG TIN KHÁC**

**1. Tham gia các chương trình, hội đồng khoa học cấp Quốc gia, Quốc tế:**

TT	Thời gian	Tên chương trình	Chức danh

**2. Tham gia các Hiệp hội Khoa học, Ban biên tập các tạp chí Khoa học, Ban tổ chức các Hội nghị, Hội thảo về KH&CN cấp Quốc gia, Quốc tế:**

TT	Thời gian	Tên Hiệp hội/ Tạp chí/ Hội nghị, Hội thảo	Chức danh

**3. Tham gia làm việc tại Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu theo lời mời:**

TT	Thời gian	Tên Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu	Nội dung tham gia

Xác nhận của Thủ trưởng đơn vị



Bình Dương, ngày 26 tháng 06 năm 2017...

Người khai  
(Họ tên và chữ ký)

Nguyễn Hữu Vĩnh



## Phụ lục V

(Kèm theo Thông tư số: /2017/TT-BGDĐT ngày tháng năm 2017  
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT  
Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
Bình Dương, ngày tháng năm 2020

### PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN ĐIỀU KIỆN MỞ NGÀNH

Tên ngành: Công nghệ thông tin

Mã số: 7480201

TT	Điều kiện mở ngành	Điều kiện thực tế của cơ sở đào tạo	Ghi chú
1	<b>cần thiết phải mở ngành</b>	Phù hợp với quy hoạch phát triển nguồn nhân lực của địa phương, vùng, quốc gia vì là Tỉnh thuộc vùng kinh tế trọng điểm phía Nam	
	1. Phân tích, đánh giá sự phù hợp với quy hoạch phát triển nguồn nhân lực của địa phương, vùng, quốc gia		
	2. Sự phù hợp với Danh mục đào tạo cấp IV trình độ đại học hiện hành	Phù hợp với Danh mục đào tạo cấp IV	
	3. Thuyết minh về ngành đăng ký đào tạo không nằm trong Danh mục đào tạo (nếu có)	Đạt	
	4. Kế hoạch phát triển trường (Quyết nghị của Hội đồng trường/Hội đồng quản trị thông qua việc mở ngành đăng ký đào tạo).	Phù hợp với kế hoạch phát triển của Trường là đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực.	
5. Quyết định phân công đơn vị chủ trì xây dựng đề án đăng ký mở ngành đào tạo			
2	<b>Đội ngũ giảng viên</b> 1. Tổng số giảng viên cơ hữu và tỷ lệ % giảng viên cơ hữu tham gia thực hiện chương trình đào tạo. 2. Giảng viên cơ hữu - Tổng số thực sỹ cùng ngành, ngành gần: - Số tiến sỹ cùng ngành: - Số thạc sỹ cùng ngành: 2.3. Lý lịch khoa học của các giảng viên cơ hữu là điều kiện mở ngành đào tạo	1.1 Tỷ lệ 100% giảng viên cơ hữu tham gia thực hiện chương trình đào tạo. 2. Giảng viên cơ hữu: 10 - Số tiến sỹ cùng ngành: 2 - Số thạc sỹ cùng ngành: 8 - NCS gần ngành: 2.3. Lý lịch khoa học của các giảng viên cơ hữu là điều kiện mở ngành đào tạo: 10	

	<p>2.4. Giảng viên thỉnh giảng</p> <p>2.5. Các minh chứng về đội ngũ giảng viên cơ hữu đối với ngành đăng ký đào tạo chưa có trong Danh mục đào tạo (nếu có).</p>	<p>2.4. Giảng viên thỉnh giảng: 0</p>	
3	<p><b>Cơ sở vật chất</b></p> <p>3.1. Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, cơ sở sản xuất thử nghiệm</p> <p>3.2. Thư viện, thư viện điện tử</p> <p>3.3. Hoạt động Website của cơ sở đào tạo</p>	<p>3.1. Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, cơ sở sản xuất thử nghiệm: Đủ dụng cụ, cơ sở vật chất thuận lợi cho sinh ngành Công nghệ thông tin.</p> <p>3.2. Thư viện, thư viện điện tử: Phong phú và nhiều nguồn truy cập thư viện điện tử.</p> <p>3.3. Hoạt động Website của cơ sở đào tạo: Thường xuyên đăng tải thông tin hữu ích về ngành</p> <p>Website trường:  <a href="https://tdmu.edu.vn/">https://tdmu.edu.vn/</a>  Website khoa Kỹ thuật công nghệ  <a href="https://et.tdmu.edu.vn/">https://et.tdmu.edu.vn/</a></p>	
4	<p><b>Chương trình đào tạo</b></p> <p>4.1. Tóm tắt chương trình đào tạo</p> <p>4.2. Quyết định ban hành chương trình đào tạo</p> <p>4.3. Kế hoạch tổ chức đào tạo</p>	<p>4.1. Tóm tắt chương trình đào tạo: Tổng quan về mục tiêu đào tạo và vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp. Chương trình cân đối 9 học kỳ. Xây dựng Chương trình theo chuẩn kiểm định của Bộ giáo dục và đào tạo. Xây dựng chương trình theo vị trí việc làm phù hợp yêu cầu xã hội.</p> <p>4.2. Quyết định ban hành chương trình đào tạo: Thực hiện đúng theo quyết định.</p> <p>4.3. Kế hoạch tổ chức đào tạo: Đào tạo hệ Kỹ sư 4.5 năm, 9 học kỳ, đào tạo theo hệ tín chỉ.</p>	

5	<p><b>Thẩm định chương trình đào tạo và điều kiện đảm bảo chất lượng</b></p> <p>5.1. Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định</p> <p>5.2. Biên bản Hội đồng thẩm định</p> <p>5.3. Giải trình của cơ sở đào tạo theo góp ý của Hội đồng thẩm định (nếu có)</p>	<p>5.1. Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định: Có đầy đủ</p> <p>5.2. Biên bản Hội đồng thẩm định: Biên bản góp ý và thống nhất đủ điều kiện mở ngành của hội đồng thẩm định.</p>	

Bình Dương, ngày      tháng      năm 2020

**KT. HIỆU TRƯỞNG**  
**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**  
(Đã ký)

**TS Ngô Hồng Điệp**

Số: /QĐ-ĐHTDM

Bình Dương, ngày tháng năm 2020

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc thành lập Nhóm chủ trì soạn thảo Chương trình đào tạo  
và Đề án mở ngành đào tạo trình độ Đại học**

### **HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT**

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Điều lệ trường đại học;

Căn cứ Quyết định số 72/2009/QĐ-UBND ngày 23/10/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường Đại học Thủ Dầu Một;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Thành lập Nhóm chủ trì soạn thảo Chương trình đào tạo và Đề án mở ngành đào tạo trình độ Đại học của Trường Đại học Thủ Dầu Một gồm các ông, bà có tên sau đây:

*(Danh sách kèm theo)*

**Điều 2.** Trách nhiệm và quyền hạn của Nhóm chủ trì soạn thảo Chương trình đào tạo và Đề án mở ngành đào tạo trình độ Đại học được thực hiện theo quy định của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một.

**Điều 3.** Trưởng phòng Tổ chức, Trưởng phòng Kế hoạch – Tài chính, Trưởng các đơn vị thuộc trường và các ông, bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

**HIỆU TRƯỞNG**

**Nơi nhận:**

- HT, các PHT
- Như điều 3 (thực hiện);
- Lưu: VT, TC.

**DANH SÁCH CÁC NHÓM CHỦ TRÌ SOẠN THẢO CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ  
ĐỀ ÁN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHTDM ngày tháng năm 2020  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một)*

<b>TT</b>	<b>Họ và Tên</b>	<b>Chức vụ</b>	<b>Nhiệm vụ</b>	<b>Chương trình đào tạo</b>
1	ThS. Trần Văn Tài	Phó GD chương trình	Trưởng nhóm	Công nghệ thông tin
2	TS. Nguyễn Xuân Dũng	Giảng viên	Thành Viên	
3	ThS. Nguyễn Hải Vĩnh Cường	Giảng viên	Thành Viên	
4	ThS. Đỗ Đắc Thiêm	Phó GD chương trình	Trưởng nhóm	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
5	TS. Hồ Đức Chung	Giảng viên	Thành Viên	
6	TS. Giang Minh Đức	Giảng viên	Thành Viên	
7	TS. Hoàng Mạnh Hà	Phó GD chương trình	Trưởng nhóm	Trí tuệ nhân tạo và khoa học dữ liệu
8	Mời TS. Nguyễn Hà Huy Cường	GV Đại học Đà Nẵng	Thành Viên	
9	ThS. Dương Thị Kim Chi	Giảng viên	Thành Viên	

Số: /QĐ-ĐHTDM

Bình Dương, ngày tháng năm

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo trình độ đại học ngành Công nghệ thông tin - Mã ngành: 7480201**

### **HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT**

Căn cứ thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06/9/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Quy định tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Thủ Dầu Một được ban hành kèm theo quyết định số 06/QĐ-HĐTr ngày 02/07/2019 của Chủ tịch Hội đồng Trường Đại học Thủ Dầu Một;

Căn cứ quyết định số 310/QĐ-ĐHTDM ngày 23/03/2018 của Chủ tịch Hội đồng Trường Đại học Thủ Dầu Một về phân công nhiệm vụ trong Lãnh đạo trường;  
Căn cứ đề nghị của Hội đồng Khoa học và Đào tạo ngày tháng năm 2020;  
Theo đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo trình độ đại học ngành Công nghệ thông tin của Trường Đại học Thủ Dầu Một gồm các ông, bà có tên sau đây:

*(Danh sách kèm theo)*

**Điều 2.** Hội đồng có trách nhiệm thẩm định chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo trình độ đại học ngành công nghệ kỹ thuật ô tô theo quy định tại Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06/9/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ

**Điều 3.** Trưởng phòng Tổ chức, Trưởng các Phòng, Khoa có liên quan và các ông, bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

**HIỆU TRƯỞNG**

#### **Nơi nhận:**

- HT, các PHT
- Như điều 3 (thực hiện);
- Lưu: VT, TC.

**DANH SÁCH HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ  
CÁC ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC  
NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN - MÃ NGÀNH: 7480201**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHTDM ngày tháng năm 2020  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một)*

<b>STT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Nhiệm vụ trong HĐ</b>	<b>Đơn vị công tác</b>
<b>1</b>	TS. Bùi Thanh Hùng	Chủ tịch	Trường Đại học Thủ Dầu Một
<b>2</b>	PGS.TS.Võ Thị Lưu Phương	Phản biện 1	Trường Đại học Quốc tế, Đại học Quốc gia TP HCM
<b>3</b>	TS. Huỳnh Trọng Thưa	Phản biện 2	Học viện Công nghệ bưu chính viễn thông, cơ sở TP HCM
<b>4</b>	ThS. Huỳnh Anh Tuấn	Ủy viên	Trung tâm công nghệ công tin và truyền thông, Sở thông tin truyền thông Bình Dương
<b>5</b>	ThS. Nguyễn Đình Thọ	Thư ký	Trường Đại học Thủ Dầu Một

**Tổng danh sách: 05 thành viên**

**BIÊN BẢN THẨM ĐỊNH  
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ  
CÁC ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO  
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC, NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN  
MÃ NGÀNH 7480201**

Hôm nay, vào lúc... ngày....tháng.....năm 2020, tại Trường Đại học Thủ Dầu Một, Hội đồng thẩm định định Chương trình đào tạo trình độ đại học, ngành Công nghệ thông tin - Mã ngành 7480201 của Trường Đại học Thủ Dầu Một đã họp, cụ thể như sau:

**I. Thành phần Hội đồng thẩm định**

1. TS. Bùi Thanh Hùng - Chủ tịch hội đồng
2. PGS.TS.Võ Thị Lưu Phương - Phản biện 1
3. TS. Huỳnh Trọng Thưa - Phản biện 2
4. ThS. Huỳnh Anh Tuấn - Ủy viên
5. ThS. Nguyễn Đình Thọ - Thư ký

**II. Nội dung**

1. Đại diện nhóm biên soạn báo cáo về quá trình xây dựng và nội dung chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Công nghệ thông tin - Mã ngành 7480201
  2. Ý kiến của các thành viên Hội đồng thẩm định
    - Các phản biện đọc nhận xét
    - Hội đồng và những người tham dự nêu câu hỏi
  3. Nhóm biên soạn trả lời các câu hỏi đã được nêu
  4. Hội đồng thẩm định họp riêng thảo luận, bầu ban kiểm phiếu, bỏ phiếu kín.
  5. Trường ban kiểm phiếu công bố kết quả
    - Số phiếu đánh giá phát ra: 05 Thu về: 05
    - Phiếu hợp lệ: 05 Phiếu không hợp lệ: 0
    - Số phiếu đánh giá đạt yêu cầu: 05, Không đạt yêu cầu: 0
  6. Kết luận của Hội đồng thẩm định
- Sau khi thảo luận, hội đồng kết luận như sau



<b>T T</b>	<b>Nội dung thẩm định</b>	<b>Nhận xét của thành viên</b>	<b>Kết luận (đạt hay không đạt)</b>
1	Căn cứ để xây dựng chương trình đào tạo	Phù hợp với nhu cầu nhân lực địa phương và khu vực phía đang thực sự rất cần và thiếu.	Đạt
2	Mục tiêu của chương trình đào tạo	Cụ thể, rõ ràng từng tiêu chí, đảm bảo được chuẩn đầu ra của chương trình và vị trí việc làm cho người học như mong đợi.	Đạt
3	Cấu trúc chương trình đào tạo (cần làm rõ): - Sự hợp lý của các học phần trong CTĐT, trong việc sắp xếp các khối kiến thức; - Thời lượng của từng học phần;	- Các học phần được sắp xếp đúng trình tự chuyên môn từ cơ bản đến nâng cao, từ chuyên môn ngành và liên ngành song song hỗ trợ nhau để đạt chuẩn đầu ra như mong đợi. - Thời lượng từng học phần đúng theo quy định và phù hợp với nội dung bên trong.	Đạt
4	Thời lượng của chương trình đào tạo	Thời lượng của chương trình đào tạo: 4,5 năm phù hợp với kết cấu chương trình và bảo đảm đạt đúng mục tiêu đào tạo.	Đạt
5	Nội dung của chương trình đào tạo (đáp ứng mục tiêu, phù hợp trình độ đào tạo, đảm bảo tính hiện đại, tính hội nhập và phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế – xã hội của đất nước và tỉnh Bình Dương)	- Nội dung chương trình đào tạo đáp ứng được mục tiêu và chuẩn đầu ra mong đợi. - Có các học phần liên ngành đảm bảo tính hiện đại, tính hội nhập và phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế – xã hội của đất nước, của khu vực Đông Nam Bộ nói chung và tỉnh Bình Dương nói riêng.	Đạt

*Góp ý khác:* Đề nghị điều chỉnh, bổ sung theo nhận xét của các thành viên Hội đồng.

**100% các thành viên Hội đồng thẩm định đồng ý thông qua Chương trình**

Phiên họp kết thúc vào hồi:..., ngày .... tháng ... năm 2020

**Thư ký hội đồng**

**Chủ tịch hội đồng**




**ThS. Nguyễn Đình Thọ**

**TS. Bùi Thanh Hùng**